

15 THÁNG 12 NĂM 1971

BACH KHOA

năm mười lăm

VIỆT PHƯƠNG vấn đề trung lập hóa Đông-Nam-Á
do khối các quốc gia ASEAN đề nghị * NHƯ PHONG
truyện Tàu thế kỷ 20 : Tề Tưướng Chu - ân - Lai *
NGUYỄN-THỊ-NGỌC-THẨM trước cuộc «cách mạng
tính dục» * TRẦN VĂN TÍCH trích dịch một bệnh án
xã hội chủ nghĩa «Đỏ phải hơn Chuyên» * ĐÀO ĐĂNG
VỸ xã hội Nguyễn Trường Tộ và xã hội Y-Đềng Bác-
Văn (kỷ niệm 100 năm Nguyễn Trường Tộ) * VÕ THỊ
THANH ROÒN cai ma túy theo phương pháp Đông Y
* TỪ TRÌ. Anh quốc và thị trường chung *
TRẦN - LÊ NGUYÊN - VŨ đường lên Berlin *
LÊ MIÊN TƯỜNG sương khói chiều hôm * BÙI
XUÂN UYÊN khúc Hưng Việt và các đồng chí cũ *

SINH HOẠT thời sự thế
giới * thời sự khoa học
* thời sự văn nghệ

359



TẠP CHÍ BÁCH-KHOA

160 Phan Đình Phùng Saigon

Sáng lập: HUỖNH VĂN LANG. Thư ký: TÔN THẮT HÀM
HOÀNG MINH TUYNH. Tòa soạn:

Chủ nhiệm: LÊ NGỘ CHÂU. Quản lý: NGHIÊM NGỌC HUÂN
Chủ bút: NGUYỄN HUY NHÂN

GIÁ BÁO

MỖI SỐ	50đ.
SÁU THÁNG	550đ.
MỘT NĂM	1050đ.

Cao nguyên và Miền Trung, thêm cước phí máy bay 50 đ. một năm.

Ngoại quốc đường thủy: thêm cước phí 360 đ. một năm.

Chi phiếu, bưu phiếu, xin đề tên ông Lê-Ngộ-Châu 160 Phan đình Phùng Saigon, hoặc Tạp chí Bách-Khoa Thời-Đại trương mục 54.262 Tổng ngân khố Việt-Nam.

Bưu chi phiếu xin chuyển cho Tạp chí Bách Khoa Thời Đại 160 Phan đình Phùng Saigon, Trương mục 27-46, Trung Khu Saigon

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

trên bán nguyệt san BÁCH-KHOA

1 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	4000đ
1/2 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	2000đ
oOo				
1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	3000đ
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	1500đ
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	800đ

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên có giá đặc biệt, xin liên lạc với Ty Quản-ly Tạp-chí Bách Khoa, 160 Phan-đình-Phùng Saigon. Đ.T. 25.539.

BÁCH KHOA

Số 359 ngày 15-12-1971

VIỆT PHƯƠNG vấn đề trung-lập-hóa Đông Nam Á do khối các quốc gia ASEAN đề nghị.	05
NHƯ PHONG Tề tướng Chu-ân-Lai (truyện Tàu thế kỷ 20)	15
NGUYỄN-THỊ-NGỌC-THẨM trước cuộc «cách mạng tình dục» (Những bước tiến của phụ nữ trong cộng đồng nhân loại)	23
TRẦN VĂN TÍCH vài nét chấm phá về Trung-Y hiện đại : «Đỏ phải hơn chuyên» (dịch một bệnh-án của cán bộ quân y thuộc một đơn vị Quân đội Trung Cộng)	31
ĐÀO ĐĂNG VỸ bài học lịch sử nhân kỷ niệm 100 năm Nguyễn-Trường-Tộ : xã hội Nguyễn Trường Tộ và xã hội Y-Đặng Bác-Văn.	39
VÕ-THỊ THANH-ROÒN cai ma-túy theo phương pháp Đông Y.	47
TRẦN-LÊ NGUYÊN VŨ đường lên Berlin (du ký)	53
LÊ MIÊN TƯỜNG sương khói chiều hôm (truyện)	63
BÙI XUÂN UYÊN khúc Hưng Việt và các đồng chí cũ (thơ)	72
SINH HOẠT	
TỬ DIỆP thời sự khoa học	75
THU THỦY thời sự văn nghệ	79
TỪ TRÌ Anh-quốc và Thị-trường-chung	81

Chủ nhiệm : LÊ NGỘ CHÂU

Chủ bút :

Tòa soạn : 160, Phan Đình Phùng Saigon

Điện thoại : 25.539

H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TRÍ ĐĂNG

21, Nguyễn Thiện Thuật—Saigon

GIÁ : 50đ Công sở : 100đ

Cao-Nguyên và Miền Trung
thêm cước phí máy bay

Hạ tuần tháng 12-1971
xin mời quý bạn đón đọc :

GIAO-ĐIỂM

Tạp san Nghiên cứu Sáng tác Phê bình Văn nghệ
xuất bản ngày 1 và 15 mỗi tháng
do Trần Phong-Giao và bạn hữu chủ trương

- Số 1 : chủ đề « VIẾT VỀ THẠCH-LAM » với những bài viết của Vũ Bằng, Dương Nghiễm Mậu, Đặng Tiến, Nguyễn Tường Giang, Huỳnh Phan Anh, Đào Trường Phúc, Nguyễn Nhật Duật, Thư Trung... và nhiều văn liệu hiếm.
- Đầy đủ những mục thường xuyên do Ban Biên tập CŨ của Tạp san VĂN chủ biên, như : Quét sân đình (Mõ Làng Văn), Giải đáp thắc mắc (Thư Trung) v.v...

Cùng lúc

xin mời bạn yêu văn tìm đọc :

BÓNG TỐI CUỐI CÙNG

truyện dài ưng ý nhất của NGUYỄN-THỊ-HOÀNG
mang nhãn hiệu GIAO-ĐIỂM tái xuất hiện sau
bốn năm vắng bóng

Mọi liên lạc, xin gửi cho ●
Trần Phong-Giao
150 Phan Thanh Giản, Saigon-3

Vấn đề trung lập hóa Đông Nam Á do khối các quốc gia ASEAN đề nghị

□ VIỆT-PHƯƠNG

Các nước thuộc khối ASEAN (Association of South East Asia Nations: Liên hiệp các Quốc gia Đông-Nam-Á) gồm 5 nước: Mã-lai-Á, Thái-lan, Indonésia, Tân-gia-ba và Phi-luật-tân họp ngày 26-11-1971 tại thủ đô Mã-lai-Á (Kuala Lumpur) đã đưa ra một bản tuyên ngôn chung, quyết định kết hợp các tiêu chuẩn quốc

Đông-Nam-Á thành một vùng hòa bình tự do và trung lập.

Nước đứng ra chủ xướng sự kết hợp này là Mã-lai-Á. Các quốc gia nằm trong khu vực kết hợp gồm 10 nước: ngoài 5 nước kể trên còn có VNCH, Lào, Kampuchea, Miến-điện và Bắc-Việt.

A) NHỮNG LÝ DO ĐƯA ĐẾN CUỘC VẬN ĐỘNG TRUNG-LẬP-HÓA ĐÔNG-NAM-Á.

Một nhận xét đầu tiên là những nước đứng lên vận động đó lại không phải là những nước có tên tuổi trong khối các quốc gia không liên kết như Ấn-độ, Miến-điện, Tích-lan sát nách các nước Đông-Nam-Á, mà lại là những nước đã đều có thành tích chống Cộng sản: Phi-luật-tân và Thái-lan là hai đồng minh trung thành của Hoa kỳ. Mã-lai-Á và Indonésia đã từng đàn áp đẫm máu Cộng sản, còn Tân-gia-ba thì đã từng là một pháo đài của Anh ở Đông Nam Á. Tại sao các nước này lại tha thiết với việc trung-lập-hóa Đông Nam Á. Mấy lý do chính sau đây có thể được đưa ra:

1— Sự thay đổi thái độ của Hoa Kỳ.

Trước kia, Cố Ngoại-trưởng Hoa kỳ Foster Dulles đưa ra thuyết chủ bài (théorie du domino) theo đó một nước Đông-Nam-Á lọt vào tay Cộng sản thì các nước khác sẽ lần lượt đổ

sụp theo. Vì thế Hoa kỳ đã phải cam kết bảo vệ con chủ bài V.N với bất cứ giá nào. Với chủ thuyết Nixon, thái độ đó đã thay đổi. Hoa kỳ đang tìm cách rút chân ra khỏi V.N và chủ trương đề cho người V.N. nói riêng và người Á-châu nói chung tự mình giải quyết lấy vấn đề của mình với sự trợ giúp ít nhiều của Hoa kỳ. Bước sang năm 1971, Hoa kỳ còn bước xa hơn một bước nữa, chủ trương bắt tay với Bắc-kinh để giải quyết những vấn đề quốc tế quan trọng, trong số đó dĩ nhiên là có vấn đề Đông-Dương và Đông-Nam-Á.

2— Vai trò của Bắc-kinh mỗi ngày một lớn mạnh hơn.

Sau cuộc Cách-mạng Văn-hóa (1967-69) Trung-Cộng đã ra khỏi tình trạng cô lập bằng cách lập lại bang-giao với nhiều nước Á-Phi: làm đường xe lửa cho Tanganyika, cho Tích-lan vay 150 triệu rupies

không lời (5-71), tái viện trợ kinh tế và kỹ-thuật cho Miến-điện cũng cho nước này vay 75 triệu Mỹ-kim không lời (8-71), mua của Mã-lai-Á 40.000 tấn cao su và 5000 tấn dầu dừa. Bắc-kinh cũng đã tái lập bang giao với Indonséia. Trở nên một cường quốc nguyên tử, Trung-Cộng đã đứng trên một thế ngang hàng với Hoa-kỳ và Nga-sô trong việc tranh giành ảnh hưởng trên thế giới. Cái thế Tam quốc đã hiện rõ trên bàn cờ quốc tế.

3— Sự e ngại của các quốc gia Đông-Nam-Á.

Như ở trên đã nói, vì là những nước chống Cộng lại thấy Hoa-kỳ có chủ trương giải kết và thấy ảnh hưởng của Trung-Cộng mỗi ngày một bành trướng, nhất là từ ngày Trung-Cộng được gia nhập LHQ và Nixon ráo riết sửa soạn thăm viếng Bắc-kinh vào dịp Tết âm-lịch sắp tới, các nước Đông-Nam-Á đã có lý do để lo ngại. Thành thực, họ muốn Hoa-kỳ cứ có thái độ cam kết mãi để họ được yên tâm. Họ cũng muốn ngăn chặn Trung-Cộng càng nhiều càng tốt, chứng cứ là phần lớn các nước này đã bỏ phiếu trắng hoặc bỏ phiếu theo Hoa-kỳ trong vấn đề Đài-loan ở Liên-Hiệp-Quốc.

Đến khi tình thế trở nên quá rõ rệt, các nước như Phi-luật-tân và Mã-lai-Á tỏ ý muốn lập bang giao với Trung-Cộng. Thái cũng đang rục rịch đi theo chiều hướng đó nhưng bất ngờ xảy ra đảo chính của những

phần-tử cực hữu nên đã bị ngăn chặn.

Cái mà họ lo ngại nhất là nếu chiến tranh Đông-dương vẫn cứ tiếp tục thì Cộng sản Việt-nam, Lào và Kampuchea, được sự yểm trợ tích cực của Bắc-kinh và trước sự giải kết mỗi ngày một nhiều của Hoa-kỳ, sẽ có cơ thắng lợi và họ sẽ trực tiếp bị đe dọa. Chi bằng đề nghị trung-lập-hóa Đông-Nam-Á với sự kết thúc cuộc chiến Đông-dương, an ninh của họ sẽ được bảo đảm hơn. Họ nghĩ rằng, đối với một miền Đông-Nam-Á trung-lập, Trung-Cộng sẽ phải dẹp mộng xâm lăng bằng cách mạng giải phóng và Trung-Cộng cũng phải tranh thủ với các cường quốc khác như Hoa-kỳ, Nga-sô, Anh, Pháp để viện trợ kinh tế và kỹ thuật cho họ như Bắc-kinh đã từng làm mới đây.

4— Sự nhận chân về giá trị của vùng Đông-Nam-Á.

Các nước Đông-Nam-Á đều nhận thấy rằng nếu riêng rẽ thì họ sẽ là những nước yếu kém nhưng liên hiệp lại thì Đông-Nam-Á có thể là một khối chiến lược quan trọng với một dân số khoảng 200 triệu người, cạnh bên Trung-Cộng (750 triệu), Ấn-độ (550 triệu). Vị trí chiến lược của nó nằm giữa hai đại dương, kiểm soát con đường từ Âu sang Á. 200 công ty hàng hải của 53 quốc gia đi ngang qua vùng biển của miền Đông-Nam-Á. Đông-Nam-Á là một vựa lúa, một rừng cao su và nay người ta lại sắp tìm ra nhiều mỏ dầu ở vùng thềm

lục địa Thái-lan và VNCH, ấy là chưa kể những mỏ dầu đã khai thác ở Java, Sumatra và Bornéo. Chính vì giá trị chiến lược và tiềm năng kinh tế đó nên Đông-Nam-Á trở thành mục tiêu tranh chấp của

các cường quốc. Vì thế sự trung-lập-hóa Đông-Nam-Á sẽ tránh cho cho vùng này khỏi sự nhòm ngó của các cường quốc và khiến cho nó có thể kiến thiết trong vong thịnh vượng.

B) PHÂN TÍCH ĐỀ - NGHỊ TRUNG - LẬP - HÓA CỦA KHỐI ASEAN

Nước đề xướng ra chủ trương này trước tiên là Mã-lai-Á. Tại sao lại Mã-lai-Á? Trước đây hơn 10 năm, Mã-lai với sự yểm trợ tích cực của Anh quốc đã dẹp xong loạn quân Cộng sản gốc Trung-hoa do Bí thư Trần-Bình cầm đầu. Uy tín của Đại-tá Robert Thompson cũng nổi lên từ đó và ông đã được T.T. Nixon mời sang Hoa-kỳ làm cố vấn về chiến tranh du kích. Mã-lai có 2/5 dân số là người gốc Trung-hoa, sinh sản mau và hoạt động mạnh hơn người Mã-lai theo đạo Hồi.. Nạn Cộng sản vẫn còn là một đe dọa tiềm tàng. Tuy nhiên Mã-lai-Á không có chân trong tổ chức Liên-phòng Đông-Nam-Á (SEATO). Từ ngày quân đội Liên-Hiệp-Anh rút khỏi Mã-lai, trao trả cho nước này gánh nặng tự phòng thủ, Mã-lai-Á phải trông vào Hoa-kỳ. Nhưng khi thấy Hoa-kỳ rục rịch đổi thái độ thì Mã-lai-Á đã nghĩ ngay đến vấn đề trung-lập-hóa. Mã-lai-Á đã đưa đề nghị này ra với khá nhiều chi-tiết và cũng đã vận động với các quốc-gia phi-liên-kết tại hội nghị Lusaka, với Tổng thống Nixon, với Chính phủ Nhật, và hồi đầu năm ỹng nhờ cả Thủ tướng Gia-nã-đại vận động

hộ với Bắc-kinh. Vận động được phong trào này thành công, Mã-lai-Á sẽ là nước hưởng lợi nhiều nhất: tránh được sự đe-dọa của Cộng sản ở trong nước, tranh thủ được sự giúp đỡ của Nga-sô và Trung-Cộng để bớt lệ thuộc vào Hoa-kỳ, không còn e ngại xâm lăng từ phía Thái-lan hay Việt-nam...

Vì thế cho nên Mã-lai-Á đã tích cực vận động với Indonésia (12-1970), với Tân-gia-ba (1-1971), cuối cùng tiến tới triệu tập hội nghị khối ASEAN tuyên bố chủ trương trung-lập-hóa Đông-Nam-Á.

Theo Mã-lai-Á, việc trung-lập-hóa sẽ được tiến hành qua 2 giai đoạn:

Giai đoạn 1.— Các quốc gia Đông Nam Á nên họp nhau lại và đồng ý về mấy điểm sau đây:

— Tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không xâm phạm lẫn nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau. Đó là mấy nguyên tắc căn bản cần phải chấp thuận trước tiên bằng một hiệp định bất xâm phạm. Điểm này có lẽ là đề đề phòng một sự bành trướng của Cộng-sản Việt-nam.

— Tìm mọi cách đề bảo đảm hòa-

bình giữa các quốc gia hội viên. Muốn vậy :

- o Phải trục xuất mọi thế lực ngoại lai ra ngoài khu vực trung lập.
- o Không cho phép dùng địa phương làm nơi xung đột quốc-tế.
- o Phải có một quan điểm chung về những vấn đề an ninh trước các cường quốc.
- o Phải cổ võ sự hợp tác giữa các quốc gia trong vùng.

Giai đoạn II.— Các đại cường quốc Hoa-kỳ, Liên-xô và Cộng-hòa Nhân-dân Trung-hoa :

— Phải bảo đảm Đông-Nam-Á là một vùng trung lập. Bảo đảm đó cần phải ghi rõ trong một thông cáo chung giữa tam cường có phó thư của LHQ (theo tờ Mainichi Shimbun ghi lời tuyên bố của Thủ-tướng Mã-lai-Á Tun Abdul Razak ngày 16-10-71)

C) NHỮNG KHÓ KHĂN TRONG VIỆC THỰC HIỆN TRUNG - LẬP - HÓA ĐÔNG-NAM - Á.

—1) Muốn có trung-lập-hóa, trước hết phải có sự thỏa thuận của các nước trong vùng trong số 10 nước ghi trong danh sách: sớm nhất là Mã-lai, rồi đến Indonésia, Tân-Gia-ba và Phi-luật-tân, sau cùng đến Thái-lan vì Thái-lan vừa đảo chính mà mục đích có lẽ là để chống trung lập, cựu ngoại trưởng Thái Thanat Khoman, người bênh vực cho thuyết Trung lập chỉ đi dự với cấp bậc đặc sứ.

Miến-điện không dự cũng được cột

— Phải cam kết đặt các quốc gia trong vùng ra ngoài cuộc tranh chấp của các cường quốc. Do đó phải có những phương tiện giám sát hữu hiệu việc triệt thoát mọi quân lực ngoại quốc ra khỏi vùng.

Phi-luật-tân cũng tán thành đề nghị của Mã-lai nhưng T.T Marcos lại muốn rằng trước khi đi đến ký kết liên hiệp cần phải có sự *thỏa hiệp trước* đã của các cường quốc.

Cuối cùng trong hội nghị Kuala Lumpur ngày 26-11-71, đề-nghị trung lập hóa Đông-Nam-Á đã được đưa ra với một vùng trung lập gồm 10 nước kể cả Miến-điện, Lào, Kampuchea, VNCH và Bắc-Việt và với sự bảo đảm của các đại-cường. Cho tới nay theo tin tức báo chí thì Anh, Pháp và Hoa-kỳ đã tán thành, Nga-sô dè dặt hơn nhưng không phản đối. Trung-Cộng chưa có ý kiến.

vào danh sách, chắc có thái độ thờ ơ vì đã ngã hẳn theo Trung-Cộng với một đường lối phát triển khắc khổ, khác hẳn các nước khác.

Bắc-Việt có lẽ không được tiếp xúc, mặc dầu hình như Indonésia lãnh nhiệm vụ đó. Thực ra Indonésia làm gì có uy tín đối với Bắc-Việt. Là một xứ đã có một cuộc đảo chánh diệt Cộng, Cộng sản làm sao có thể coi là bạn được. Và lại Bắc Việt cũng có chủ trương trung lập nhưng chỉ trung

lập miền Nam chứ không trung lập miền Bắc! Nếu có trung lập Đông-Nam-Á thì chắc cũng phải trừ họ ra. Vì thực ra ngay từ đầu, Bắc Việt đã là một quốc gia liên kết trong khối Cộng sản.

Kampuchea và Lào là những nước trung lập nhưng lại là những nước thân Mỹ quá rõ rệt nhất là Kampuchea từ ngày hạ bệ Sihanouk và thành lập chế độ cộng-hòa, Cộng sản không chịu nên số phận phải ràng buộc với Việt-nam.

Riêng về Việt-nam Cộng-hòa thì có một điều lạ là hội nghị Kuala Lumpur tuyên bố rằng VNCH đã chấp thuận, trong khi VNCH chưa hề chính thức lên tiếng mặc dầu có cử đặc sứ sang Mã-lai-Á tiếp xúc với Thủ-tướng Abdul Razak trước khi hội nghị họp. Chúng ta đều biết là thái độ trung lập đã bị lên án gắt gao ở VNCH và những người chủ trương trung lập cũng như đòi chấm dứt chiến tranh đều bị coi là đâm sau lưng chiến sĩ và nổi giận cho giặc. Ngày 1-12 vừa qua trong dịp lễ gắn huy chương cho Trung tướng Nguyễn vinh-Nhi ở rừng U-Minh, Tổng thống Nguyễn văn Thiệu lại khẳng định một cách mạnh mẽ hơn bao giờ hết lập trường 4 không của ông. Ta có thể coi đó như là một câu trả lời gián tiếp cho lời mời mọc của khối ASEAN không?

Khối này làm sao thuyết phục nổi những nước trong vùng có quyền lợi đối nghịch nhau, nếu không nhờ

đến ảnh hưởng của các đại cường.

— 2) Muốn trung lập hóa, một điều cần yếu nữa là phải dập tắt được ngòi lửa chiến tranh Đông Dương. Bao nhiêu lâu cuộc chiến tranh này còn kéo dài thì các nước trong khối, dù tích cực đến đâu cũng đành phải khoanh tay ngồi đợi. Cuộc chiến tranh này cũng phải kết thúc bằng một cuộc thỏa hiệp thì may ra mới có hy vọng trung-lập-hóa. Còn nếu một bên thắng hẳn thì hy vọng đó rất mỏng manh. Một nước Việt-nam thống nhất dù dưới nhãn hiệu quốc gia hay cộng-sản cũng là một lo ngại cho những nước láng giềng kề cận. Vì thế cho nên thâm tâm những quốc-gia trong vùng muốn cho V.N. gia nhập khối trung lập với tình trạng chia rẽ hai miền để khỏi là một đe dọa cho các nước nhỏ yếu khác. Vì thế cho nên chủ trương trung-lập-hóa Đông-Nam-Á chắc chắn là không được sự hưởng-ứng của cả hai miền Nam Bắc Việt-Nam. Nền ngoại-giao Bắc-Việt ngày nay đặt đầu cầu ở Bắc-Kinh, Mạc-tur-khoa, Ba-lê Stockhom (Thụy điển) và Berne (Thụy Sĩ) chứ không hề hướng về các nước Đông-Nam-Á. Nền ngoại giao của VNCH cũng vẫn còn đặt trọng tâm ở Hoa-kỳ, Nhật-bản và Âu-Châu. Tiếng nói của các nước ASEAN rồi cũng lại rơi vào sa mạc như tiếng kêu gọi của các nước Á-Phi tại hội-nghị Lusaka.

Rút cuộc người ta vẫn phải hướng vào cuộc viếng thăm Bắc-kinh và Mạc-tur-khoa của Tổng thống Nixon vào

tháng 2 và tháng 5-1972. Trước khi viếng các nước Cộng sản gốc, ông Nixon với tư cách một nhà lãnh đạo thế-giới tự-do sẽ gặp Tổng thống Pháp, Thủ tướng Anh, Thủ tướng Gia-nã-Đại, Thủ-tướng Nhật. Nhưng buồn thay, ông lại không hề nghĩ đến việc gặp một nhà lãnh đạo nào trong khu vực khói lửa ngập trời này. Người ta hy vọng với những cuộc tiếp-xúc đó, các nhà lãnh-đạo thế-giới sẽ tìm được một giải pháp ôn hòa cho Đông-Dương trước đã rồi cho toàn thể vùng Đông-Nam-Á sau.

Chỉ với sự thỏa hiệp của các đại cường thì những bế tắc hòa đàm Paris mới có hy vọng khai thông và các bên liên-hệ mới hy vọng tìm được giải-pháp chấm dứt cuộc chiến Đông Dương. Cuộc chiến Đông Dương có chấm dứt, thì người ta mới có căn bản đề bàn đến việc trung-lập-hóa Đông-Nam-Á.

— 3) Một điểm khó khăn thứ 3 cho việc thành lập khối Trung-lập Đông-Nam-Á là tình cách yếu kém và thiên nhiều về nông nghiệp của các nước Đông-Nam-Á. Nước nào muốn phát triển cũng phải phụ thuộc ít nhiều vào các cường quốc, hoặc thiếu vốn đầu tư, thiếu dụng cụ sản xuất, thiếu phương tiện chuyên chở, không thể hoàn toàn tự trông vào mình được mà phải kêu gọi đến sự giúp đỡ của ngoại bang. Các nước trong khối thường lại có một nền kinh tế giống nhau nên không thể bổ túc cho nhau. Vì thế cho nên, về phương diện kinh tế, khối đó nếu không có một sự hợp tác chặt chẽ, sẽ là một thị-trường cho

các cường quốc tranh giành ảnh hưởng trong đó Nhật-bản chắc chắn sẽ đóng một vai trò quan trọng như bây giờ họ đang đóng. Việc tranh giành ảnh hưởng kinh-tế sẽ đưa đến những tranh giành ảnh hưởng chính trị. Người ta sẽ thấy sau lưng những thế-lực chính trị, kinh-tế này những cường quốc này, những cường quốc khác. Rút cuộc sự trung lập dựa trên một nền tảng chính trị mong manh sẽ tan vỡ trước sự phá rào của một cường quốc. Lúc đó tương lai Đông-Nam-Á sẽ ra sao ?

Vi vậy cho nên, việc quan-hệ đối với các nước Đông-Nam-Á là cần phải xây dựng một nền kinh tế tự-túc, tự cường, tự mình khai thác lấy những tài nguyên thiên nhiên của mình như lúa gạo, dầu lửa, cao su ; nếu không làm lấy được thì thuê chuyên viên chứ đừng để cho quyền lợi đó rơi vào tay ngoại bang thì khó lòng mà gỡ ra được.

Do đó vấn đề trung-lập-hóa Đông-Nam-Á nói ra có vẻ hấp dẫn nhưng khi thực hiện sẽ gặp rất nhiều chông gai cản trở. Hơn nữa vấn đề đó chỉ có thể đặt ra khi cuộc chiến Việt-nam hạ màn, hòa bình trên toàn cõi Đông Dương được tái lập.

Ngày đó ta hy vọng sẽ đến trong một thời gian nữa, nhưng không bao giờ ta nên có ảo tưởng về một thứ trung lập lý-tưởng. Vì thứ trung-lập lý-tưởng không bao giờ có ở thế-giới này !

VIỆT PHƯƠNG

Tề Tướng Chu-Ân-Lai^(*)

Đến đầu tháng này thì Bắc Kinh nói thẳng cho 800 triệu người Tàu và cho cả thế giới biết rằng trên lục địa của họ đang có một cuộc thanh trừng sâu rộng trong hàng ngũ cầm quyền. Báo chí của đảng Cộng sản Trung Quốc và của Giải phóng quân ngày 1 tháng 12-1971 đã đồng loạt đăng một bài xã luận nói rõ ý nghĩa và mục đích cuộc thanh trừng này. Nhưng bài xã luận này chưa kể tên một nhân vật nào mấy tháng trước đây còn nắm giữ quyền lực ở chóp đỉnh mà nay bị loại trừ. Những lãnh tụ lấy lòng như Lâm Bưu mà mới đây nhiều nguồn tin quốc tế đã ghi nhận là mất tích từ tháng 9 thậm chí có tin nói là đã bị bắt, hoặc bị giết, hoặc đã trốn thoát. Tên tuổi những nhân vật đó chắc chắn sẽ được Trung ương Đảng lần lượt công bố cùng với tội trạng. Chỉ có hai siêu lãnh tụ là chắc chắn chưa bị loại trừ: Chủ tịch Mao-Trạch-Đông và Thủ tướng Chu Ân Lai. Chẳng những thế, hai siêu lãnh tụ này còn đang điều khiển trung tâm quyền lực để trừ tất cả những phe cánh còn sót lại của các «đồng chí thân thiết lâu năm» nhưng nay bị kết án là những kẻ phản bội.

Còn có giả thuyết nói rằng chính Chủ tịch Mao cũng chỉ còn có hư vị bởi đã già lẫn và bị gàn như cầm tù. Nhưng có điều chắc chắn rằng mọi

quyết định của Đảng và Nhà Nước Cộng sản Tàu đưa ra đến ngày hôm nay đều còn phải nhân danh Chủ tịch Mao. Điều chắc chắn thứ hai là người đứng cạnh Mao để công bố những quyết định đó và điều khiển mọi việc, đối nội cũng như đối ngoại, chính trị cũng như quân sự, cho đến hôm nay vẫn là Thủ tướng Chu-Ân-Lai. Cho nên thiết tưởng chúng ta cũng cần tìm hiểu về siêu lãnh tụ này.

Ơn trên ban xuống

Chu Uần Lương (Chou Yun Liang) nguyên quán ở huyện Thiệu Hưng (vùng nổi tiếng có rượu ngon) Triết Giang, sau thiên cư đến lập nghiệp ở huyện Hoài An tỉnh Giang Tô. Ruộng đất nhiều và dòng dõi thư hương, Uần Lương quyết chí dùi mài Kinh sử để thi đỗ làm quan. Nhưng thi mãi mà vẫn trượt, đến khi đẻ con trai năm 1899 (có sách ghi năm 1898) (1), xem tử vi thấy số nó tốt quá, Uần Lương tin rằng thời vận của mình đã đến.

(*) Về thân thế và sự nghiệp cách mạng chánh trị của các nhân vật nói đến trong bài này, người viết dựa theo cuốn *Who's Who in Communist China* do Union Research Institute xuất bản tại HongKong 1966 và cuốn *Hiện Đại Trung Quốc Nhân Danh Từ Điển*, Đông kinh 1964. Tên họ các nhân vật này được chưa thêm phiên âm quan thoại để bạn đọc tiện nhận biết khi đọc báo chí tiếng Anh và Pháp.

(1) Chou En Lai, *China's Gray Eminence Kai-yn-Hou*. New York 1968.

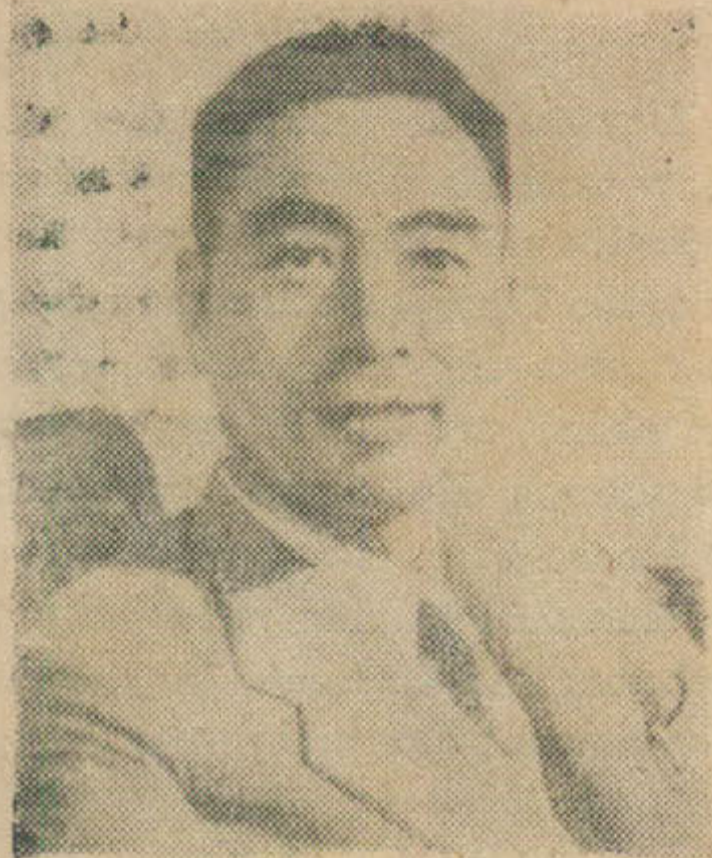
Bèn đặt tên cho con là An Lai. Chu-An-Lai còn có tên là Chu-Thiếu-Sơn, hiệu là Nhiệm Hào. Tuy lá số tử vi của An Lai tốt lạ thường, nhưng khi người cha lại đi thi thì ông lại vẫn trượt như trước. Mọi hy vọng đành đặt hết vào con, An Lai được nhờ Tứ Thư và Ngũ Kinh thật sớm, và sau đó được gửi đi theo học với người bác ruột làm quan ở Mãn-châu. Năm 14 tuổi, An Lai được bác gửi đi Thiên Tân, vào trường Trung học. Năm 18 tuổi được gửi sang Nhật vào trường Đại học Waseda. An Lai chỉ học ở Nhật một năm rồi trở về trường Đại học Thiên Tân. Tại đây, An Lai theo phong trào sinh viên tranh đấu bài Nhật và sau đó làm chủ bút tờ nội san của Hiệp hội Sinh viên ở Thiên Tân. Chính trong những hoạt động sinh viên này mà An Lai gặp được người đồng chí trọn đời là cô sinh viên 15 tuổi Đặng Vinh Siêu (Teng ying Ch'ao). Năm 20 tuổi, An Lai bị bắt giam sáu tháng cùng với những tay cầm đầu các cuộc xáo động thanh niên hưởng ứng cuộc vận động Ngũ tứ.

Năm 1920 An Lai và Vinh Siêu cùng một nhóm sinh viên khác được tuyển vào đoàn sinh viên sang Pháp, theo học ở Collège de Chateau Thierry và vừa làm vừa học. Đoàn này được gửi đi theo chương trình của Hội Giáo dục Pháp-Hoa ở Bắc Kinh. Vào đoàn hai người thân ngay với Lý Lập Tam (Li Li San), Lý Phú Xuân (Li Fu Ch'un và Trần Nghị (Ch'en Y) Lập Tam lớn hơn An Lai ba tuổi và được

coi như đoàn trưởng. Đến năm sau, khi ở trong nước đảng Công sản Trung-quốc được thành lập với Trần Độc Tú (Ch'en Tu Hsiu) làm Tổng Bí thư, thì ở Pháp Lý Lập Tam và Chu An Lai cũng lập nên Phân bộ Đảng Cộng sản Trung-quốc tại Paris. Trong phân bộ này họ Chu giữ chức Trưởng-ban tuyên-truyền. Cuối năm trong khi Lý Lập Tam về nước hoạt động cho đảng và cùng với Lưu Thiếu Kỳ (Liu Shao Ch'i) tuyên-truyền trong giới thợ-thuyền, lập Tổng Công Hội, thì họ Chu ở lại Pháp rồi sau đó sang Anh và sang Đức khảo-cứu và điều-khiển các chi bộ của đảng Cộng sản Trung-quốc tại Tây-Âu, cho đến năm 1924 mới về nước cùng với cô Đặng Vinh Siêu.

Rèn cán luyện quân

Họ Chu về nước hoạt động trong những hoàn cảnh hết sức thuận-lợi. Từ 1923, Tôn Trung Sơn đã quả quyết đi hẳn vào đường lối «liên Nga dung Cộng» để có thể yên ổn cả trong ngoài mà thực-hiện cách-mạng theo Chủ nghĩa Tam Dân. Cuối năm đó, sau khi nghe người cán bộ tin cần nhất ông là Tưởng Giới Thạch đi Nga về báo cáo tình hình, Tôn Tổng lý liền triệu tập Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ nhất của Trung-quốc Quốc Dân Đảng vào đầu năm 1924. Mặc dầu họ Tưởng có khu yểm cáo rất nhiều lần về sự cần thiết phải đề phòng các cán-bộ cộng-sản mai phục vào hàng ngũ QĐĐ, nhưng Đại-hội vẫn bầu vào Ban Chấp-hành Trung Ương nhiều đảng viên cộng-sản. Trong số các nhân vật này có những người sau đó trở



Chu-Ân-Lai (1946)

nên những lãnh-tụ cao cấp bậc nhất của đảng Công-sản Trung-quốc như Trương Quốc Đào, Lý Đại Chiêu, Cồ Thu Bạch và... Mao Trạch Đông) Chang Kuo T'ao, Ly Ta Chao, Ch'iu Ch'iu Pai, Mao Tse Tung) (1).

Học viện quân sự Hoàng Phố được Liên xô giúp thành lập và huấn-luyện với nhiệm vụ đào tạo cán bộ quân chính không phân biệt quốc hay công để phụng sự cách mạng Tam Dân. Ngay khi về nước Chu Ân Lai được đảng Cộng sản Trung quốc cử về Quảng-Châu và được bầu làm ủy viên thường vụ tỉnh Đảng bộ Quảng-Đông kiêm nhiệm Trưởng ban Quân sự Tỉnh bộ. Đồng thời trong tổ chức Quốc Dân Đảng, họ Chu cũng được cử vào Quân sự Ủy viên Hội của Quân đội Cách Mạng Quốc gia (tức là quân đội của chính phủ) và giữ chức vụ Giám đốc Huấn luyện Chính trị tại trường Hoàng Phố, dưới quyền



Chu-Ân-Lai (1971)

Hiệu trưởng Trường Giới Thạch. Năm sau, 1925, Chu Ân Lai và Đặng Vinh Siêu làm lễ cưới ở Quảng Châu.

Trong khi Vinh Siêu ở lại Quảng Châu làm việc cho Tỉnh bộ Cộng sản Quảng Đông thì Ân Lai tông chính

(1) Trả lời sự công kích của phe chống việc thu nhận các đảng viên Cộng sản vào Trung-Quốc Quốc Dân Đảng, các lãnh tụ Cộng sản Trung quốc lúc đó nói rằng họ là những người «vượt đảng» để làm cho cách mạng được thống nhất. Bản thanh minh do Lý-Đại Chiêu ký tên thay mặt cả nhóm đã viết : «Chúng tôi vào Quốc Dân Đảng là muốn hiến mình cho đảng này và cho sự nghiệp cách mạng quốc gia, nhất định không phải vì một ý niệm xảo quyệt, để được dễ dàng mượn lấy danh nghĩa của Quốc Dân Đảng hầu vận động cho Đảng Cộng sản đâu. Chúng tôi vào đảng từng người một, chứ không phải tất cả đoàn thể cùng một lúc. Như vậy có thể nói chúng tôi là những người vượt đảng, chứ không thể cho rằng trong đảng lại có đảng». Trương Giới Thạch : — Soviet Russia in China ; Farrar, Strauss and Cudahy Inc. New-York 1958.

theo Tướng Giới Thạch đi tiểu phi Trần Quýnh Minh ở vùng Đông Giang tỉnh này. Họ Chu được họ Tướng rất tin cậy và được giao chức vụ Chính ủy Sư đoàn 1 thuộc Quân đoàn 1. Khi tiểu phi xong, họ Tướng đề họ Chu ở lại làm một đặc ủy trong Ủy ban Hành chính miền này với nhiệm vụ giám sát công cuộc bình định. Trong khi đó lợi dụng lúc Tôn Tông Lý chết đầu năm 1926 Đảng Cộng sản Trung quốc ra lệnh cho các lực lượng địa phương nổi dậy ở nhiều nơi nhằm tiến tới cướp chính quyền. Riêng phần đối phó với họ Tướng thì phe Cộng sản lập mưu lừa ông ta lên lên chiến hạm riêng là tàu Trung Sơn để bắt sống. Nhưng âm mưu này lại bại lộ vì sự đề phòng chu đáo của họ Tướng. Sau vụ này họ Tướng đã loại trừ được một số sĩ quan cao cấp của phe cộng sản trong quân đội chính phủ. Ông ta còn bắt buộc các quân nhân đảng viên cộng sản phải theo học một khóa chỉnh huấn dạng gọt rửa mọi tư tưởng phản loạn. Chu Ân Lai liền được Tướng Tư lệnh gọi về cho làm Giám đốc Khóa chỉnh huấn này. Trong lúc đó Chu đã được bầu làm Bí thư Tỉnh đảng bộ Cộng sản Quảng đông. Sự tin nhiệm của chính phủ đối với vợ Chu cũng không nhỏ. Trong Đại hội Toàn quốc lần thứ 2 của Quốc dân đảng Trung quốc, Đặng Vĩnh Siêu được bầu làm Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương và Ủy viên dự khuyết Ban Giám sát.

Nổi dậy và lãnh đạo

Từ giữa năm 1926 đến đầu năm 1927, trong khi Tướng Tư lệnh mở cuộc tiểu phi miền Hoa Bắc thì đảng Cộng sản Trung quốc thực hiện những cuộc phát động quần chúng ở phía sau nhằm cướp chính quyền từng địa phương. Họ lo ngại rằng nếu cho họ Tướng được rảnh tay để tiểu trừ các lãnh chúa địa phương thì khi bình định xong, họ Tướng sẽ trở nên một kiểu « quân phiệt mới » và như vậy Cộng sản sẽ hết hy vọng cướp chính quyền. Chu Ân Lai đã đóng góp một phần quan trọng vào chương trình phát động quần chúng nổi dậy này, nhất là yểm trợ tổ chức liên tiếp ba cuộc võ trang khởi nghĩa của công nhân ở Thượng Hải. Cuộc khởi nghĩa cuối cùng vào tháng 4-1927 bị Tướng Giới Thạch phái Bạch Sùng Hy đem quân về dẹp tan và tháng 5, QĐĐ mở cuộc thanh đảng để lùng bắt các các phần tử cộng sản cầm đầu nổi loạn. Chu Ân Lai và vợ trốn đi Hán Khẩu.

Đại hội Đảng Cộng sản Trung-quốc lần thứ 5 được triệu tập tại Hán Khẩu. Chu Ân Lai được bầu làm Ủy viên Bộ Chính trị Trung ương, đặc trách Bí thư Ủy ban Quân sự Cách mạng. Tháng 7-1927 vợ chồng Chu dời Hán Khẩu đi Giang Tây với nhiệm vụ cùng với Lý Lập Tam lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Nam Xương với lực lượng bản bộ của hai lãnh chúa địa phương là H Long và Diệp Đình. Cuộc khởi nghĩa này bùng nổ ngày 1 tháng 8, công quân làm chủ được thành phố nhưng chỉ bốn ngày sau bị

Trương Phát Khuê đem quân về đánh tan. Đúng một tuần sau ngày khởi nghĩa, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung quốc được triệu tập khẩn cấp để kiểm thảo vụ thảm bại Nam Xương. Tổng Bí thư Trần Độc Tú cùng phe cánh của ông ta gồm những phần tử thân Nga bị tố cáo là «cơ hội chủ nghĩa» và bị bãi chức. Một ban thường ủy lãnh đạo gồm ba người được bầu lên thay là Cồ Thu Bạch, Hương Trung Phát (Hsiang Chung Fa) và Lý Lập Tam.

Vận động cho Lý Lập Tam

Trong bộ ba lãnh đạo này thì Lý Lập Tam là người nhiều ảnh hưởng hơn cả. Để sửa soạn chính thức chiếm ghế Tổng bí thư, Lý Lập Tam cần phải tìm cách làm cho các lãnh tụ Liên xô yên lòng bởi Trần Độc Tú là lãnh tụ Cộng sản Trung quốc được Liên xô tin cậy nhất. Lý giao công tác này cho người bạn thiết là Chu. Bởi vậy Chu Ân Lai cùng vợ xuống Hương Cảng rồi đáp tàu sang Nga. Giữa năm 1928, Đại hội đảng Cộng sản TQ lần thứ 6 được triệu tập tại Mạc tư khoa dưới sự bảo trợ của các lãnh tụ Liên xô. «Đường lối Lý Lập Tam» được Liên xô tạm thời chấp nhận, nhưng bộ ba lãnh đạo vẫn được duy trì. Lý kiêm thêm chức vụ Trưởng ban Tuyên truyền Trung ương. Chu giữ nguyên địa vị và cũng kiêm thêm chức vụ Trưởng ban Tổ chức Trung ương đảng. Từ đó đôi bạn thiết làm việc với nhau chặt chẽ hơn bao giờ hết và đến cuối năm Chu đã giúp Lý Chính thức được công nhận làm Tổng

bí thư.

Chính trong thời gian này, tại Liên xô, Satalin cũng đã đánh bại phe Trotsky (gọi là tả khuynh) và chuyển sang tấn công phe Bukharin (gọi là hữu khuynh) để chiếm ngôi độc tôn. Đối với Trung-quốc, Liên-xô cũng tìm cách gây biến cố ở biên giới Nga Hoa để thực hiện kế hoạch Liên-xô đánh vào thì Đảng Cộng-sản Trung-quốc bên trong nổi dậy. Tháng 10-1929 quân đội Liên-xô xâm nhập Mãn-châu, gây nên biến cố đường sắt Trung-Đông và cuối năm đó và đặt ra một số yêu sách cho chính phủ Tưởng Giới Thạch. Bên trong, đảng Cộng sản Trung-quốc do Lý Lập Tam cầm đầu cũng ráo riết sửa soạn để không bỏ lỡ thời cơ. Tháng 5-1930 Lý Lập Tam ký hai mệnh lệnh : 1- Hồng Quân được thành lập trên toàn thể Trung-quốc với Chu Đức làm Ủy viên chính trị ; 2- Chu và Mao có nhiệm vụ đánh vào các thành phố và thị trấn trong khi các cấp ủy nắm vùng tổ chức thợ thuyền tổng đình công trên toàn quốc.

Thành-thị lãnh-đạo nông thôn

Cuộc tổng khởi nghĩa vũ trang của Cộng-sản Trung-quốc được phát động ngày 28 - 7 - 1930. Mục tiêu thứ nhất mà Hồng-quân phải thanh toán là Trường-Sa để rồi từ đó đánh chiếm Vũ Hán. Mặc dầu đã được sửa soạn chu đáo trên lý thuyết nhưng cuộc khởi nghĩa cũng chỉ kéo dài được có sáu ngày. Lý do chính là các lực lượng địa phương dưới quyền điều khiển của Chu Đức và Mao Trạch Đông đã

án bị bắt động. Sau vụ Trường-Sa một số lãnh tụ khác hợp sức với Mao đề công kích «đường lối Lý Lập Tam» mà họ lên án là tả khuynh. Nhưng Lý còn ít nhất hai người bạn có thể bênh vực mình đến cùng. Người thứ nhất là Chu Ân Lai và thứ nhì là Bành Đức Hoài. Bởi vậy Chu được Lý nhờ đi Mạc tư khoa đề bênh vực đường lối Lý Lập Tam. Chu đã tận tình biện hộ cho Lý và cho cả chính mình trước một phiên họp đặc biệt của Quốc-tế Cộng-sản (Comintern) xét tình hình phong trào Cộng-sản ở Trung-quốc sau vụ thất bại Trường Sa.

Người bạn kia, Bành Đức Hoài, đã không tận tụy với Lý Lập Tam được như Chu. Khi Lý ra lệnh loại Mao khỏi quân đội và phái Bành đưa bộ đội về Giang Tây để triệt ảnh hưởng của Mao thì Bành đã nghe theo Trần Nghị mà bỏ Lý để giúp Mao. Bộ đội trung thành với Lý bị đánh tan. Biến cố này trong lịch sử Đảng Cộng sản Trung quốc được gọi là vụ bội phản Phú Điền (Fu T'ien) mùa thu 1930. Về phần Chu Ân Lai, tưởng rằng mình đã thuyết phục nổi các lãnh tụ Liên xô, ông ta hối hả về nước để tiếp tục bênh vực cho chủ trương «lấy thành thị lãnh đạo nông thôn» của Lý, chống lại chủ trương «lấy nông thôn bao vây thành thị» của phe Mao. Nhờ Chu mà Lý chưa bị truất quyền mặc dầu đã quá yếu thế tại Hội nghị Toàn thể lần thứ 3 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng nhiệm kỳ 6, họp vào tháng 9-1930. Tại Hội nghị này, địa vị Chu lên thêm nữa, ngoài chức vụ Ủy-viên Bộ Chính trị sẵn có, ông

ta được cử vào Chủ tịch đoàn của đảng, kiêm Trưởng ban Quân sự.

Thú nhận cơ-hội tả-khuynh

Nhưng Chu Ân Lai không ngờ rằng các lãnh tụ Liên xô đã gạt mình. Tháng 11 năm đó Quốc tế Cộng sản gửi thông tư cho đảng Cộng sản Trung quốc cho biết rằng «đường lối Lý Lập Tam» là sai lầm và phải bị tiêu hủy. Đầu năm 1931 lập tức Đảng lại triệu tập Hội nghị Toàn thể lần 4 Ban Chấp hành Trung ương và truất quyền Lý Lập Tam. Tuy vậy Mao vẫn chưa ngôi lên được và ngôi Tổng Bí thư lọt vào tay Vương Minh tức Trần Thiệu Vũ (Ch'en Shao Yu) một lãnh tụ hàng nhì rất trẻ nhưng rất được Liên xô tin cậy. Chu Ân Lai phải công khai thú nhận sai lầm và nhờ có các lãnh tụ phe đứng giữa gỡ tội giúp, ông ta được giữ nguyên các chức vụ. Đến cuối 1931, lợi dụng lúc quân đội Nhật đánh vào Thẩm Dương và chiếm vùng Đông Tam Tỉnh lập nên nước Mãn Châu, các lực lượng Hồng quân nổi dậy khắp vùng nông thôn các tỉnh Hồ Nam, Giang Tây, Quảng Đông và Phúc Kiến. Chính phủ Công Nông Xô viết tuyên bố thành lập tại Thụy Kim (Juichin) thuộc tỉnh Giang Tây ngày 7 tháng 11-1931 Mao làm Chủ tịch, Chu Ân Lai được cử làm Phó Chủ tịch Quân ủy hội của chính phủ này. Năm sau, Hồng quân mở rộng phạm vi hoạt động sang các tỉnh Hà Nam, Hồ Bắc, An Huy và bao vây Vũ Hán, gây nên thanh thế lẫy lừng. Chu Ân Lai cũng gánh thêm hai nhiệm vụ mới là Ủy viên Ban Bí thư Trung ương đảng và thay thế Mao ở

chức vụ Ủy viên Chính trị của Hồng quân. Sang 1933 Chu lại lên một cấp nữa với chức vụ Phó Chủ tịch Ủy Ban Chấp hành Trung ương đảng.

Sự phát triển quá mau và quá mạnh của phong trào Cộng-sản làm cho Tưởng Tư lệnh phải rút bớt các lực lượng kháng Nhật về đề tiêu Cộng. Phải đến chiến dịch tiêu Cộng lần thứ năm vào tháng 10-1934 quân đội của Quốc Dân Đảng mới bẻ gãy được các lực lượng chính của Cộng sản và chiếm lại được các vùng nông thôn bị Hồng quân kiểm soát. Tàn binh của Hồng quân bị vây chặt ở phía Nam tỉnh Giang Tây, phải phân tán nhỏ để trốn sang phía Tây Bắc. Đây là cuộc «Vận lý trường chinh» nổi tiếng trong lịch sử đảng. Dọc đường chạy trốn hướng về phía tỉnh Thiểm Tây, Mao còn triệu tập một phiên họp gọi là Hội nghị mở rộng của Bộ Chính trị vào đầu 1935 trút hết mọi trách nhiệm lên đầu Tổng Bí thư Trần Thiệu Vũ cùng các phần tử thân Liên-xô khác để truất quyền bọn này và giành lấy quyền lãnh đạo Đảng. Lúc này Mao có Chu Ân Lai ở sát bên để cùng với các cấp ủy còn sót lại xây dựng căn cứ địa Diên An. (Yenan)

Sứ giả chung sống hòa bình

Để tìm cách cứu vãn Đảng Cộng-sản Trung-quốc khỏi bị chính phủ Tưởng Giới Thạch đuổi tận giết tuyệt, Quốc tế Cộng-sản triệu tập hội nghị lần thứ 7 tại Mạc Tư Khoa vào tháng 7 và 8-1935. Chủ trương hòa giải Quốc Cộng với hình thức «Mặt trận Thống

nhất» tập hợp mọi lực lượng của Trung-quốc chống Nhật được đưa ra. Chủ trương này được thực hiện bằng ba đường lối cùng một lúc. Một là đảng Cộng-sản Trung quốc chính thức xin điều đình đề lập ra một «chính phủ liên hiệp nhân dân toàn quốc kháng Nhật». Đó là bản tuyên ngôn Mao Nhi Cái (Maoerhkai). Hai là Liên xô đứng trung gian vận động với chính phủ Tưởng Giới Thạch cho đảng Cộng-sản Trung quốc về hợp tác. Ba là Liên-xô và Quốc-tế Cộng sản cùng các cán bộ đảng viên Cộng sản còn lại ở các thành thị mở những cuộc vận động trí thức và thanh niên chống nội chiến Quốc Cộng. Đây là tổ chức «Đại đồng minh kháng Nhật cứu quốc» với khẩu hiệu «ngưng hẳn nội chiến, nhất trí kháng Nhật».

Chu Ân Lai được giao trọn nhiệm vụ điều đình trực tiếp với Tưởng Giới Thạch đề xin ngưng chiến và nghị hòa. Chu đã tìm mọi cách, hoặc gặp thẳng hoặc viết thư cho các nhân vật thân cận với Tưởng Tông Lý để bày tỏ thiện chí và thăm dò. Tháng 5 1936 do đề nghị của Chu, Mao Trạch Đông đồng ý cho Ban chấp-hành Trung-ương đảng chính thức đánh điện cho chính phủ Tưởng Giới Thạch xin nghị hòa và được chấp nhận. Hòa - hội được mở ở Thượng Hải, giữa Trương Quần (Chang C'hun) thay mặt chính phủ, Phan Hán Niên (P'an Han Niên) thay mặt Quốc-tế Cộng-sản và Chu Ân Lai thay mặt Đảng Cộng sản Trung quốc. Sau một cuộc điều đình kéo dài tới

gần cuối năm, Chu Ân Lai chịu nhận trên nguyên tắc bốn điều kiện sau đây để được trở về hợp tác với chính phủ :

- 1 — Tuân theo chủ nghĩa Tam Dân;
- 2 — Phục tùng sự chỉ huy của Ủy viên trưởng Tưởng Giới Thạch ;
- 3 — Giải tán Hồng quân và sáp nhập vào quân đội quốc gia ;
- 4 — Hủy bỏ chế độ Xô-viết, đổi thành chính phủ địa phương.

Thỏa hiệp đã được sửa soạn sẵn để đôi bên sẽ ký kết vào đầu 1937. Trong khi đó đảng Cộng sản Trung quốc đã bố trí một cái bẫy khác. Đó là biến cố Tây an (Sian), thủ phủ của tỉnh Thiểm Tây. Ngày 12-12-1936 Tưởng giới Thạch đến Tây An để chủ tọa một hội nghị quân sự nhằm thuyết phục các lãnh chúa địa phương thực hiện chủ trương diệt Cộng kháng Nhật. Nhưng lãnh chúa ở Tây An là Trương Học Lương (Chang Hsueh Liang) mặc dầu không phải đảng viên nhưng bị các lãnh tụ Cộng sản móc nối đã trở mặt bắt giữ Tưởng Ủy viên trưởng. Trương đưa ra 8 điều kiện bắt Tưởng ký thì mới cho về Nam kinh. Tám điều kiện này giống hết những khẩu hiệu của Tổ chức Đại đồng minh kháng Nhật cứu quốc. Tưởng thà chết không ký (1). Ba ngày sau Trương mời đảng cộng sản Trung quốc cử đại biểu tới dự hội nghị để quyết định số phận họ Tưởng và tính việc đối phó với chính phủ Trung ương.

Chu Ân Lai nhân danh đại diện Hồng quân đến dự hội nghị này. Tới nay vẫn không ai rõ Chu Ân Lai đã có lập trường như thế nào mà cuối cùng, ngày 25 tháng 12 họ Tưởng được trả tự do không với điều kiện nào.

Đến tháng 2-1937 Chu Ân Lai tới Nam-kinh điều đình với Chính phủ Trung ương. Bảy tháng sau, khi chiến tranh Trung Nhật bùng nổ toàn diện, Ban chấp hành Trung ương đảng Cộng sản Trung quốc ra một tuyên ngôn với tiêu đề « Chung gánh quốc nạn » trong đó đại ý xác nhận 4 nguyên tắc tương tự những điều của chính phủ Trung ương đặt ra như đã nói trên, chỉ sửa đổi về danh từ. Tưởng Ủy viên trưởng đã nhiệt thành đón nhận sự hợp tác của Đảng Cộng sản Trung quốc mà sau này ông công khai nói lên sự vô cùng hối hận (2)

(còn tiếp 1 kỳ)

NHƯ PHONG

(1) Đây là ghi theo lời ông Tưởng. Theo nhiều tài liệu khác thì ông Tưởng dường như đã có nhận với Trương và Chu một số điều kiện mà ông cho là không nghịch lý. Các dữ kiện xảy ra vào mùa xuân năm sau cũng cho thấy rằng lập trường của chính phủ QĐĐ đã bớt cứng rắn với các phe đối lập.

(2) « Vì tôi quá tin nên mới đưa đến sự thất bại nặng nề sau này .. Bài học của sự thất vô cùng quan trọng này, đối với cá nhân tôi tuy là một việc hết sức si nhục, như g đối với cuộc đấu tranh chống cộng của thế giới ngày nay không phải là không cống hiến được một chút giá trị nào » — Tưởng-Giới Thạch, sách đã dẫn.

Phân ưu

Được tin **KẾ MẪU** của nhà văn **LĂNG NHÂN PHÙNG TẮC ĐẮC** đã thất lạc tại Saigon ngày 2/12/1971,

Xin trân trọng chia buồn cùng nhà văn Lăng Nhân Phùng Tắc Đắc và tang quyến, và xin cầu nguyện hương hồn Cụ sớm tiêu diêu nơi cõi Phật.

LÊ NGỘ CHÂU và Ban Biên-tập **BÁCH-KHOA**

Trước cuộc

« cách-mạng tình-dục »

● NGUYỄN-THỊ NGỌC-THẨM

Bàn về phong-trào giải-phóng phụ-nữ trên thế-giới, chúng tôi mong ước có thể phác ra được những nét lớn để công-hiến quý vị độc giả. Nhưng khi đề-cập đến điều mà người ta gọi là « cuộc cách-mạng tình-dục » hiện nay, thực tình chúng tôi đã không tránh khỏi lúng túng. Vì lẽ, dù bị tàn phá bởi chiến tranh trong bao năm qua và bị xâm lấn bởi những thứ văn hóa đồi trụy do quân đội đồng minh mang đến, Việt-nam vẫn còn là một miền đất chịu ảnh hưởng sâu đậm của nền tư tưởng Khổng Mạnh. Cho nên đem chuyện « phòng the nhằm nhí » bàn luận công khai là việc còn đáng « kiêng kỵ ». Và việc ấy đối với phụ nữ nước ta lại càng tế-nhị hơn nữa.

Tuy nhiên nói đến phụ-nữ thế-giới; mà không đề-cập đến cuộc « cách-mạng tình-dục » thì lại thiếu sót quá.

Chúng ta thấy, không phải tình cờ mà những tạp chí đứng đầu như tờ Life và Time của Mỹ hay tờ L'Express của Pháp gần đây lại dành cả một số báo đặc biệt để nói về tình dục. Thực sự biến cố về tình dục, muốn gọi nó là « cách-mạng » hay không mặc lòng, thì nó vẫn là một thực-tại xã-hội đã mang một kích thước rộng lớn và hiện

đang tác-động mãnh-liệt trên nếp sống của phụ-nữ khắp nơi. (1)

Thế-giới trong cơn bão tình-dục

Cơn bão tình-dục, cái hình ảnh mãnh-liệt gây điên đảo đó, chỉ mới nói lên được có một nửa sự thực. Còn một nửa nữa. Đó là phần xâm-nhập yên-hòa, phần gặm nhấm êm ả thế-giới hiện-đại như dầu loang, như lửa bắt. Cơn bão cuộn lên từ lúc nào không ai hay nhưng hiện đang hoành hành. Tình dục đang thực sự có mặt ở khắp nơi.

Trước hết hãy xin nhìn vào các sách báo : *Playboy, Plexus, Lui, Girl, Queen, Nude* v.v... Các tạp-chí ấy hầu hết đều đề-cập đến tình-dục và trình-bày những tranh ảnh quảng-cáo cho thân xác. Những bức ảnh chụp các thần-tượng phơi đùi, phơi hông, nhũ hoa kèn càng, đứng ngồi lả lơi, những khuôn mặt chụp theo lối cận ảnh (gros plan) với đôi mắt đắm đuối, đôi môi hé mở mời mọc... Các nam ca sĩ như Vince Taylor, Johnny Halliday, Elvis Presley, Frank Alamo hoặc

(1) Để sát với thực-trạng của phụ-nữ Việt-nam hơn, chúng tôi sẽ xin có một bài riêng vào số tới.

các tay playboy điển trai với thân hình nõ nang hấp dẫn cũng được khai thác để quyến rũ các « fan » thuộc phái nữ. Riêng tờ Playboy mỗi kỳ phát hành đến 5 triệu rưỡi số. Con số ấy ắt khiến các nhà mô-phạm phải nghi ngại. Và những chuyện xưa kia người ta cho là tục tĩu, nhảm nhí nay xem ra lại đắt khách.

Sách thì có *Les Infortunes de la vertu. Les Prospérité du vice, Sexus, Histoire d'O Emmanuelle, L'Anti vierge v...* Các « dâm thư » này bày bán nhan nhản ở các tiệm sách. Có quyển được in thành loại « bỏ túi ». Có quyển được xếp chung với các tiểu-thuyết cổ-điển. Có quyển lại được đặt cẩn thận trong các tủ kính. Cuốn *Sexus* của Henry Miller trước kia ở Pháp không được xuất-bản. Vậy mà từ tháng 10-1968 lại được Bộ Nội-vụ cho phép ấn-hành, bán chạy như tôm tươi. Các tác phẩm thuộc loại điều-tra hoặc giáo-dục sinh-lý cũng xuất-hiện càng ngày càng nhiều. Ta có thể kể những cuốn nổi tiếng như *A Marriage manual, Love Without Fear, Human Sex Anatomy, Human Sex Response, Problèmes Sexologiques En Gynécologie, Sécurité des deux sexes en amour, Le Mariage Parfait, Initiation à la volupté v*

Tình dục được phơi trải nhan nhản trên sách báo. Tình dục lại xuất hiện cả trên màn ảnh. Nào loại hiện-thực tự nhiên kiểu Thụy-điển như phim *Je suis curieuse*. Nào loại dẫn-giải sinh-thực của Đức quốc như phim *Helga*. Loại bán khêu gợi thì rất nhiều. Khán giả đổ xô đi xem đông không kể xiết. Riêng ở Paris khi chiếu phim *Je suis curieuse* có đến

hơn hai trăm ngàn người háo hức đi xem cô bé Lena làm tình. Và khắp nước Pháp có đến 7 triệu khán giả đi xem phim *Helga*. Trong đó có cả các nhà mô-phạm và các vị tu hành. Về phía các nhà đạo-diễn, không phải chỉ có những kẻ vô danh tiểu tốt mới xoay làm phim về « cái giống » mà ngay cả những người nổi danh và có tiếng đứng đắn như Antonioni, Fellini, Bergman, Buniel cũng khai thác mảnh đất tình-dục.

Nhưng khi tình-dục được đưa lên sân khấu mới thật là một chuyện táo bạo và đã khiến mọi người không khỏi ngỡ ngàng. Bắt đầu là vở *Hair* (đàn ông, đàn bà trần truồng như nhộng và làm như làm tình với nhau). Đến vở *Che* (cũng cảnh làm như làm tình trên sân khấu). Rồi *O Calcutta* (cũng lại làm như làm tình trên sân khấu nữa). Lúc đầu người đi xem còn thừa thốt, ngượng ngùng, đỏ mặt. Có nơi bị cấm cản, lên án. Có người chỉ trích là dâm ô, tồi bại, mất cả tính cách nghệ thuật. Nhưng rồi càng ngày người xem càng đông. Các buổi trình diễn càng lúc càng phải tăng nhiều để thỏa mãn nhu cầu ! Những vở kịch bị xem là « tục tĩu tồi bại » ấy trở thành những vở kịch ăn khách nhất.

Người ta cũng thấy xuất hiện trên sân khấu loại vũ Sexy. Đây là loại vũ kích-thích tình dục nhiều nhất. Nhạc khiêu vũ ngày nay cũng kích dục đặc biệt. Ít khi còn tìm thấy trong thứ ánh sáng mờ ảo điệu *Tang*, *Slow* êm ả, nhẹ nhàng. Bây giờ đã có *Twist. Rock, Cha cha cha Malison, B. s. tella, A gogo...* dữ dội, cuồng nhiệt trợn lảo trong men rượu mùi nước hoa

và mùi da thịt rậm rịt. Cái không khí loạn cuồng ấy dẫn đưa đến sự sa ngã tập-thể chỉ có một bước.

Về điều khắc thì những tượng của Betty Dodson ở New York và của Bruce Beasley ở Los Angeles đẩy đẩy những cảnh trai gái làm tình.

Tình dục thể là lan tràn khắp nơi. Từ sách báo, phim ảnh, kịch trường, âm nhạc, mỹ thuật đến quảng cáo, đâu đâu cũng thấy "cái giống". Những tòa thiên nhiên lồ lộ, xuất hiện đủ kiểu, đủ cách, đủ vẻ, đủ màu sắc khi thì trên hộp quẹt, đồng hồ, cán dao, bút viết, giày vớ, áo quần khi thì trên các tặng phẩm quảng cáo, bích chương, biển hàng.

Xem đó tình dục tràn cả vào kỹ nghệ. Hay đúng hơn, kỹ nghệ đang phục-vụ đặc-lực cho tình-dục. Nịt ngực, quần lót, vải vóc, son phấn, nước hoa, mỹ phẩm... tạo cho thân thể phụ nữ thêm quyến rũ, hấp dẫn. Thuốc ngừa thai, túi cao su, vòng xoắn, nút chặn, hóa chất trấn an hoặc khuyến khích việc làm tình. Con những dụng cụ cùng các chất kích thích thì trợ giúp cho việc làm tình đạt đến khoái-lạc cao độ. Hiện nay thị trường thương mại sách báo và dụng cụ khiêu dâm đang bành trướng mạnh tại các quốc gia như Đan-mạch, Thụy-điển, Tây Đức, Pháp, Anh. Ở Pháp, một người Việt-nam tên là Trương Thành Công đang phát tài lớn cũng nhờ buôn các thứ này. Trong vòng 10 tháng mà ông ta lập được đến 7 cửa hiệu, bốn tại Paris và ba ở Marseilles, Nice, Tropez. Theo tờ L'Express ra ngày 1-11-70 thì hiện ông ta có tới hơn 60.000 khách hàng hàm thụ, mỗi ngày nhận được

khoảng 400 thư đặt hàng và gửi đi bằng bưu-kiện 900 cuốn sách khiêu dâm. Kho chứa hàng rộng đến 4.000 thước vuông.

Thể là tất cả những thứ trên đây đã don đường, khuyến khích, xúi dục, đùn đẩy, cổ võ cho con người, bậc biệt là giới phụ nữ bước vào nếp sống buông thả hoàn toàn.

Ở Thụy điển và các nước Bắc Âu hiện nay, cuộc "cách mạng tình dục" đã bước một bước thật xa. Giáo-dục sinh-lý tại Thụy-điển đã trở thành một môn học cưỡng bách ở học đường. Bảy tuổi cấp sách đến trường, bên cạnh các giờ chính tả, văn phạm, toán pháp, sử ký, địa dư, khoa học thường thức, trẻ em còn có cả những giờ học về sự sinh sản. Bởi vậy các búp bê Thụy-điển có thể trả lời thật trôi chảy khi được hỏi: "Trẻ con từ đâu mà ra?". Đến lớp bốn, học sinh được học về các vấn đề sẩy thai, phá thai, hiếm muộn, bệnh hoa liễu.v.v.. Thậm chí thoảng người ta lại còn dẫn học sinh đến những trung-tâm tổ-chức gia đình để học hỏi và quan-sát về kỹ-thuật hạn chế sinh-sản thật tường tận. Tại Thụy-điển bất cứ ai cũng có quyền mua thuốc ngừa thai ở một trong 40 cửa hàng của "Hội Giáo-dục Tình-dục Quốc-gia". Hoặc muốn cho tiện, bất cứ giờ nào các cô các bà cũng có thể đến mua tại những máy tự động ở các đường phố.

Theo bà Birgitta Linner, một cố vấn hôn nhân tại Stockholm và bà Lise Asklund, hướng-dẫn-viên chương-trình giáo dục tình-dục trên đài vô tuyến quốc gia Thụy-điển thì giới trẻ ở đây « giao du » với nhau càng ngày càng nhiều. Họ

dậy thì sớm hơn các thế-hệ trước và có kinh-nghiệm xác thật nhiều hơn. Tình dục đối với họ không còn là điều bí mật ở chốn phòng the. Trái lại nó trở thành một nhu-cầu tự-nhiên như ăn, uống, ngủ nghỉ. Chuyện làm tình được quan niệm như một biện-pháp vệ-sinh. « Ủy ban Giáo dục Sinh lý Hoàng gia » trong một cuộc thăm dò gần đây cho biết có đến 98% trai gái « biết » chuyện gió trăng trước khi lập gia đình và cứ 3 cô về nhà chồng thì một cô đã mang bầu sẵn. Điều đó vài chục năm trước quả là « chuyện kinh khủng » cho bất cứ một quốc gia nào trên thế giới. Nhưng trong thập niên 1960-1970, sự kiện ấy lại có thể quan-niệm được. Cuộc cách-mạng tình-dục đã bộc phát tại các nước Bắc Âu như Thụy-điển, Na-uy, Phần-lan, Đan-mạch lan dần qua các nước Tây-Âu, Đông-Âu, Mỹ-châu và hiện đang gây chấn động tại các quốc gia Á châu.

Qua những sự kiện vừa được nhắc tới, có lẽ cũng đủ cho thấy là bầu không khí mà chúng ta đang hít thở hiện bị nung nấu trong ngọn lửa tình-dục cao ngút. Chúng ta cũng thấy đang có một sự thay đổi vĩ đại về vấn đề giáo dục sinh lý cũng như quan niệm về tình-dục ở hầu hết các miền đất tân tiến. Tuy nhiên trong khi cơn bão tình quét qua mặt đất, có hai hiện tượng xảy ra chưa được nhắc tới đó là sự buông thả tình dục trong các nhóm Hippys và các hội vợ chồng chung chạ. Hai thực tại xã hội này không mang cùng ý-nghĩa và đang đặt ra cho chúng ta những thắc mắc khác nhau.

Vào ngày 14 tháng Giêng 1967 người ta thấy hàng vạn thanh niên nam nữ áo quần hoa hòe sặc sỡ đổ về tràn ngập công viên cầu Kim-môn ở Cựu-kim sơn. Đó là buổi « love in » đầu tiên của họ. Những cô gái tuổi từ 16 đến 25 đã rời bỏ mái nhà êm ấm, sung túc của họ để ra đi, vồn vện trên người chỉ có một bộ áo quần. Những kẻ được mệnh danh là trốn chạy này (runaways) đã rũ bỏ lại đằng sau đời sống tiện nghi, máy móc và nền văn minh kim tiền, vật chất để dẫn bước vào cuộc sống mới đầy hoa, tình yêu, vị tha, vui vẻ và hiền hòa. Giữ^a đám đàn ông tóc che kín gáy, phục sức tự do, nào áo lông thú của thợ săn, chăn Mễ-tây-cơ, mũ rộng vành, ủng Đức quốc-xã, râu chuỗi, tràng hạt, chuông, bùa hộ mệnh da đỏ, vẽ mặt hay đi chân đất... Có cô mặc bikini, người đầy hoa, trên lưng viết một chữ Love (yêu) thật lớn, đóng khung cẩn thận. Có cô quàng quanh lưng chiếc khăn choàng, đầu kết tua kiểu phụ nữ Hung-gia-Lợi. Lại có nàng quần tràng hoa trên cổ, cài hoa trên tóc, vẽ hoa sặc sỡ trên xiêm áo như đàn bà H-ly-di. Tất cả đám người đó vui đùa, ca hát, nhảy múa, hút cần sa và có người làm tình ngay trên bãi cỏ. Phong trào Hippys cứ thế, một cách hiền hòa và êm thấm, lan dần khắp thế giới.

Ở đây không phải là lúc để chúng ta nói đến phong trào Hippys với tất cả các sắc thái của nó như sống phi công-thức, chống đời sống vật-chất máy-móc, chống chiến-tranh, tìm cảm giác lạ trong các chất kích-thích. Nhưng khía cạnh mà chúng ta muốn đề cập đến chính là tình-

dục trong đời sống Hippy hay đúng hơn ở các nàng Hippy. Đã gọi là Hippy thì chẳng bị ràng buộc bởi một thứ luân-ý nào cả. Cho nên các thiếu nữ Hippy đã làm tình một cách tự do. Họ làm tình thật dễ dàng, thật thoải mái. Hễ thích và đồng ý thì cứ việc.

Các Hippy Việt-nam tuy chỉ theo đuôi và chẳng ăn nhập gì với sự phản-kháng nền văn - minh vật-chất và máy móc cao độ nhưng làm tình nhầy nhụa thì chắc là không kém các Hippy ngoại quốc. Họ sống « xả láng » và « đơm cá bóng » (làm tình với bọn con trai) như điên. Mới năm ngoái đây báo chí và dư luận không ngớt nói tới một cái đám tang kỳ lạ, có hoa, có nhạc cuồng loạn, có ca sĩ la hét và có cả khẩu hiệu nguệch ngoạc: « *Hoan hô ái tình* ». Nạn nhân là một cô bé tuổi choai choai đã chết sau khi « bị bọn cá bóng đơm tơi bời » không chịu nổi! Những sự kiện như thế đúng là thứ rác rưởi của cái mà người ta gọi là « cuộc cách-mạng tình-dục » của nhân loại.

Hiện nay ở Hoa kỳ lại đang có một hiện tượng tình dục thịnh hành. Đó là trò chơi thay vợ đổi chồng (Swapping) Có người gọi là « phong trào luyện ái tay tư ». Những tấn kịch yêu đương tập-thể này xưa kia có lẽ chúng ta đã nghe nói đến ở cánh rừng Boulogne của Collette hay dưới thời Ovide và Messaline. Trong xã-hội Tây phương trước đây cũng có những chuyện mượn vợ đổi chồng trong một đêm nhưng chỉ xảy ra một cách lẻ tẻ, hạn hữu và kín đáo. Nay thì những chuyện ấy thật thịnh hành ở những nước như Hoa

kỳ, Tây Đức, Anh, Gia-nã đại, Ý, Đan-mạch, Thụy-điển, Pháp. Tại Mỹ có đến ngót 10 triệu gia đình đang tham dự trò chơi ái tình tay tư này.

Lúc đầu họ trao đổi trong vòng bạn bè thân hữu, sau tìm nhau trên các tạp chí và dán cả lời rao tìm sự trao đổi trên mặt kính xe. Thậm chí có nhiều quảng cáo còn ghi rõ các chi tiết về tuổi tác, sức vóc, diện mạo, sở thích. Ở Los Angeles có cả một câu-lạc-bộ chứa đầy đủ hồ-sơ mấy chục ngàn hội-viên của 25 tổ chức thay vợ đổi chồng. Tại đại lộ Ventura lại có cả một căn phố khổng lồ đầy đủ tiện-nghi để làm chỗ trao đổi. Cặp nào cần đến thì cứ việc đóng vào đó 30 mỹ-kim. Lắm lúc các cặp vợ chồng lại còn tụ tập công khai ở một nơi nào đó để trao đổi. Ngay tại Paris, kinh đô ánh sáng của nước Pháp mỗi tuần một lần, nhiều cặp vợ chồng cũng lái xe đến rừng Boulogne ở cửa Saint Cloud để trao đổi với nhau trong một đêm. Khi có sự thỏa thuận rồi thì bà này sẽ bước lên xe của ông kia. Họ trao đổi nhau địa chỉ để rồi ngày hôm sau vợ ai về nhà nấy. Tình trạng đồng lõa ngoại tình công khai này quả là một hiện tượng kỳ lạ đến nỗi bác sĩ James Groll, giáo sư ở Đại-học California đã phải hoảng hốt kêu gọi nên kịp thời ngăn chặn. Vance Packard thì bảo đây là báo hiệu của giai đoạn « đa thê và đa phu » trên mặt đất này. Laslo Havas và Louis Pauwels cũng viết một quyển sách nhan đề là *Les Derniers jours de la monogamie* (Những ngày cuối cùng của chế độ độc thê).

Ở đây có lẽ chúng ta chưa cần tìm

biểu ai nói có lý hơn. Tuy nhiên có một điều khiến chúng ta không thể không đề cập đến. Đó là sự xuất hiện của các nhà nghiên cứu tình dục. Họ đã đến từ nhiều ngành khác nhau như xã hội-học, tâm-lý-học, sinh-vật - học, y-học. Song họ giống nhau ở một điểm là cùng quan tâm đặc biệt đến cuộc cách-mạng tình-dục hiện-đại. Nói cho cùng, họ cũng là một loại hiện-tượng tình-dục trong cuộc cách mạng yên hòa, vĩ đại, hỗn loạn và kỳ lạ này nữa.

Tình-dục-học (Sexologie) quả là một môn học mới mẻ mà trước đây có lẽ không ai ngờ lại xuất hiện được. Chính Alfred Kinsey là người đầu tiên đã khai phóng cho môn học này. Ông nguyên là một nhà côn trùng học. Nhưng từ 1938, giáo sư Kinsey bắt đầu thiết lập Viện Nghiên cứu Tình dục (Institute for Sex Research). Mười năm sau ông công-bố một bản phúc-trình khổng lồ hoàn toàn có tính cách khoa học gồm 10 ngàn trường hợp nghiên cứu (với chẳng chịt những con số và bảng thống kê). Nhan đề là : « Bản-năng tình dục của nam giới ». Đó là một công-trình vĩ đại mở đầu cho những khám-phá sau này về một địa-hạt gần gũi nhất nhưng cũng xa lạ nhất của con người. Có biết Kinsey đã khai-phá môn học này trong hoàn cảnh như thế nào (nghèo tài chánh, thiếu chuyên-viên, máy móc, thành-kiến xã-hội với việc làm « quai gỡ nhảm nhí » thiên hạ xuyên tạc dèm pha...) mới thấy khâm phục ông vô cùng. Sau pho phúc trình về tính dục nam giới, năm 1953 Kinsey và nhóm chuyên viên của ông lại hoàn thành pho phúc trình đồ sộ gồm

8 ngàn « ca » về tình-dục nữ giới. Đây là một thành công táo bạo của Kinsey. Bởi vì chúng ta biết rằng trước ít ai dám bàn đến dục tính của phụ nữ vì đó là điều cấm kỵ. Năm 1887 một bác sĩ ở Anh quốc bị loại ra khỏi Y-sĩ-đoàn chỉ vì đã viết một quyển sách đề cập đến tình dục của nữ giới. Đầu thế kỷ XX lại một nhà văn ở Chicago bị kết án khổ sai chung thân cũng vì mô tả cảnh ái ân của phụ nữ. Cho nên khởi điểm công trình nghiên cứu của Kinsey về nữ giới, nguyên nó đã là một hành-động cách-mạng. Rồi chính nhờ có Kinsey mở đường khai lối mà về sau mới xuất-hiện thêm những nhà tình-dục-học tiên-phong như W.H. Masters, Virginia E. Johnson, Richard Stiller, Lemon Clark, Georges Valensin v.v...

Họ là những người đã phơi bày ra dưới ánh sáng khoa học những điều mà trước kia các cụ cho là « ai chả biết » nhưng thực ra lại biết rất mù mờ. Phải đợi đến Kinsey thì tình dục mới được tìm biểu một cách khoa học và có tính cách thực nghiệm. Những vấn đề như *thủ-dâm* (onanisme), *cuồng dâm* (masochisme), *bạo dâm* (sadisme), *tình vật dâm* (félicisme), *đồng tình luyến ái* (homosexualité), *bất lực* (impuissance), *lãnh cảm* (frigidity), *cực cảm* (orgasme) v.v... mới được nhận mặt tường tận và tìm cách chữa trị. Từ nay tình-học là một môn học vô cùng quan trọng. Bởi vì nếu người ta dạy cho thanh thiếu niên văn chương, toán pháp, vạn vật, lý hóa ... thì tại sao lại không dạy cho họ một khoa học mà hạnh-phúc của đời họ sẽ tùy thuộc vào đó rất nhiều ?

Tuy nhiên, trong khi một số nhà khoa

học đang cắm cúi nghiên cứu để đưa tinh-dục lên hàng một môn học quan-trọng và đứng-đầu thì cũng có nhiều nhà nghiên-cứu theo đuổi những mục-dịch có tính cách thương-mãi và thiển-cận. Chẳng hạn họ tìm cách khám-phá những vật dụng làm tăng tinh-dục. Họ mở những cuộc điều-tra để tìm xem trong trường-hợp nào, khung cảnh nào, ánh sáng nào, màu sắc nào, tiếng nhạc nào, mùi hương nào... sẽ làm tăng nhục-cảm. Khả năng làm tình, sở thích, đòi hỏi khác nhau ra sao giữa các loại phụ-nữ cao-thấp, mập- ốm, ngực lớn hay nhỏ, móng nở hay lép, đùi ngắn hay dài, tóc đen hay bạch kim, mắt xanh hay nâu v.v. Bác sĩ Bonnie Prudden lại còn viết một quyển sách trong đó có cả phần *Sexercises* (tập luyện tình dục). Bà bảo phụ-nữ càng làm tình nhiều thì thân thể càng hấp dẫn. Nhưng « nghiên cứu lâm cảm » về tình dục như thế, kể cả ngày thật cũng không hết.

Đáng lưu ý nhất là gần đây ở Mỹ lại xuất-hiện một cái trường mang tên là *School for Marital Cohabitation* (Trường dạy sống chung trong hôn nhân). Nó không phải là loại « giáo dục sinh lý học đường » như ở các nước tân tiến. Cũng không phải là « lớp dạy hôn nhân » đầy tính cách đạo đức mở ra ở khắp nơi.

Lại càng không phải là kiểu « Trung-tâm nghiên-cứu sinh-vật-học truyền giống » như của cặp Masters và Johnson ở Missouri. Có người cho đó là một ổ điểm trá hình. Người thì lại bảo đó là loại trường dạy tình dục hết sức tân tiến. Các nữ giáo-sư ở đây có hai việc là giảng-giải và hướng-dẫn các cậu con trai chưa có kinh-nghiệm thực-tập làm tình hoặc dạy dỗ cho các ông đã có kinh-nghiệm phòng the trở thành những tay lão luyện. Học phí đắt lắm : ghi danh 25 đôla, bài học thứ nhất 75 đôla, 5 bài sau mỗi bài 50 đôla, tài liệu in mỗi bài phải trả 2 đôla, thù lao cho các nữ giáo-sư là 50% tiền học phí mỗi bài. Trong tương lai bà quản-đốc Marian Hale lại còn dự tính sẽ mở những lớp học cho phụ-nữ và người hướng dẫn việc thực-tập dĩ nhiên phải là các nam giáo-sư.

Sự kiện này quả là điều ít người có thể quan-niệm nổi. Chúng tôi tự bởi không biết loại hiện-tượng tình-dục như trò chơi ái-tình tay tư hay trường dạy làm tình trên đây sẽ là những thực-tại xã-hội bền vững hay chỉ là những bèo bọt rác rưởi bồng trên cuộc cách-mạng tình-dục hiện nay ?

(còn tiếp 1 kỳ)

NGUYỄN-THỊ NGỌC-THẨM

Sắp phát hành

TẠP BÚT IV

của VÕ PHIẾN

THỜI MỚI xuất bản

TRÍ ĐĂNG tổng phát hành

Đã phát hành

VẬT LÝ Lớp 12AB Tập 2

có thêm cách giải toán các loại

NGUYỄN TRỌNG THI — PHẠM THƯ

Đang in

CÂU HỎI GIÁO KHOA VẬT LÝ

Luyện thi Tú Tài 2 AB

NGUYỄN TRỌNG THI — PHẠM THƯ

THỐNG NHẤT *phát hành* ĐẠI DƯƠNG *xuất bản*



Mua ngay đọc kỹ

Đề biết ai giết : Đại tá PHẠM NG. THẢO

*Sau Cách mạng 11 - 63 đã được phơi bày
trong cuốn :*

NHỮNG CÁI CHẾT TRONG CÁCH MẠNG 1-11-63

Tổng phát hành **THỐNG NHẤT**

117, Đại lộ Lê Lợi Saigon

Vài nét chấm phá về Trung Y hiện đại :

« ĐỎ phải hơn CHUYÊN »

Triết-thuyết Đông-y vốn dựa vào mâu thuẫn âm dương. Nhưng hệ-thống lý-luận căn-bản của y-lý cổ-truyền, ra đời cách đây hằng mấy nghìn năm, dường như đang được chứng-nghiệm — một cách rất ngẫu nhiên và trên một khía cạnh rất bất ngờ — ở Trung-hoa lục-địa. Đây là sự mâu-thuẫn trầm-trọng giữa chủ-nghĩa xét lại của Kroutchev và chủ-nghĩa cách mạng của Chủ-tịch Mao. J. Lavernhe (1) khi đề-cập đến vấn-đề này, đã tự hỏi phải chăng đây vẫn là âm với dương ?

Nhưng dường như Lavernhe đã vi-von không được đúng. Bởi vì âm dương trong Đông-Y, dẫu rằng mâu thuẫn nhưng vẫn thống-nhất, vẫn nâng-đỡ, vẫn nương-tựa, vẫn chi-phối lẫn nhau, chứ không hề đối-lập tuyệt đối. Nếu muốn mượn một hình-ảnh trong hệ-thống lý luận của y-lý cổ-truyền để mô-tả sự xung-khắc trầm-trọng giữa đường-lối xét lại tư-sản Kroutchev và chủ-trương cách-mạng vô-sản Mao-trạch-Đông, thì có lẽ phải mượn quan-niệm về chính tà của Đông Phương mới đúng. Vì chính và tà là hai yếu-tố hoàn toàn đối-lập, triệt để không thể song song tồn-tại được. Hiểu theo Tây-Y, chính khí và tính miễn dịch, là sức đề-kháng, là sức tự vệ của cơ-thể, trong khi tà khí là mọi tác-nhân gây nên bệnh-tật. Nếu chính-khí thắng thì tà khí phải lui, nếu tà-khí thịnh thì chính-khí phải suy. Đây chính là nội-du g của những chủ-trương kinh-diễn trong y-lý Đông-Phương như « chính khí tồn nội, tà bất khả can » hoặc « phù chính khu tà » hoặc « tà khí tặc chính yên » v.v...

Dẫu sao đi nữa, thì sự chõng đối giữa hai đường lối chính-trị vẫn vẽ nên những nét nổi bật trong bệnh-án dưới đây, được trình-bày trên một số của tờ Trung-quốc Y-học (2), với tựa-đề « Một trận chiến dưới sự lãnh-đạo của tư-tưởng Mao Chủ tịch : Cắt bỏ thành-công một bướu xơ thần-kinh sau màng bụng nặng 45 kilô ». Bệnh-án do các cán-bộ Quân-Y thuộc một đơn vị Quân-đội Giải-phóng Nhân-dân viết.

Phần dành cho chuyên-môn y khoa rất ít. Thậm chí chúng ta không được rõ bệnh-nhân bao nhiêu tuổi nữa ! Trái lại, phần thuyết-giảng về chính-trị thực là tràn giang đại hải (3). Ấu cũng là một nét chấm phá đặc thù của Trung-Y ngày nay, vốn chịu ảnh-hưởng rất nặng-nề của tư tưởng Mao-Trạch-Đông, con người vẫn hô hào ung-thư chỉ là con cọp giấy, con người vẫn khuyến khích khâu

1. J. Lavernhe. La pensée de Mao-Tsé-Toung dans la médecine chinoise contemporaine. Presse Médicale vol. 77, n° 7, p. 231-232, 8.2.1969.

(2) China's Medicine. Chinese Medical Building, Peking, China. n° 8, p. 458-472. August 1968.

(3) Những tiêu đề của bài này là những tư tưởng của chính họ Mao, nh ng do người viết thêm vào bệnh-án.

vết thương bằng kim may áo quần, con người có phép thần giúp người bệnh mọc thêm tay chân bị cắt !!.. (4)

Tùng quần chúng trung lai, đáo quần-chúng trung thứ (1)

Ngày 21 tháng 2 năm 1968, đồng chí Thụy-Bình-Vũ, một công nhân xe lửa, dùng xe bò chở đến cho ban Y-tế chúng tôi chị vợ tên Tường-Thiếu-Khuyết đau nặng. Vừa thấy chúng tôi, đồng chí đã vồn vập bắt tay rồi tha thiết nói bằng tất cả tâm can ruột thịt : «Thưa các đồng chí trong Quân đội Giải phóng Nhân dân, chúng tôi đến nhờ các đồng-chí chữa-trị một người bệnh đang chờ chết.»

Nhìn vào xe, chúng tôi thấy chị Tường ngồi cúi gập người, hai tay nặng nhọc đỡ lấy thân mình. Bụng chị ngạo nghễ nhô ra đằng trước. Chị thở hào hển. Hai tay chị không thể nào với được đến rốn.

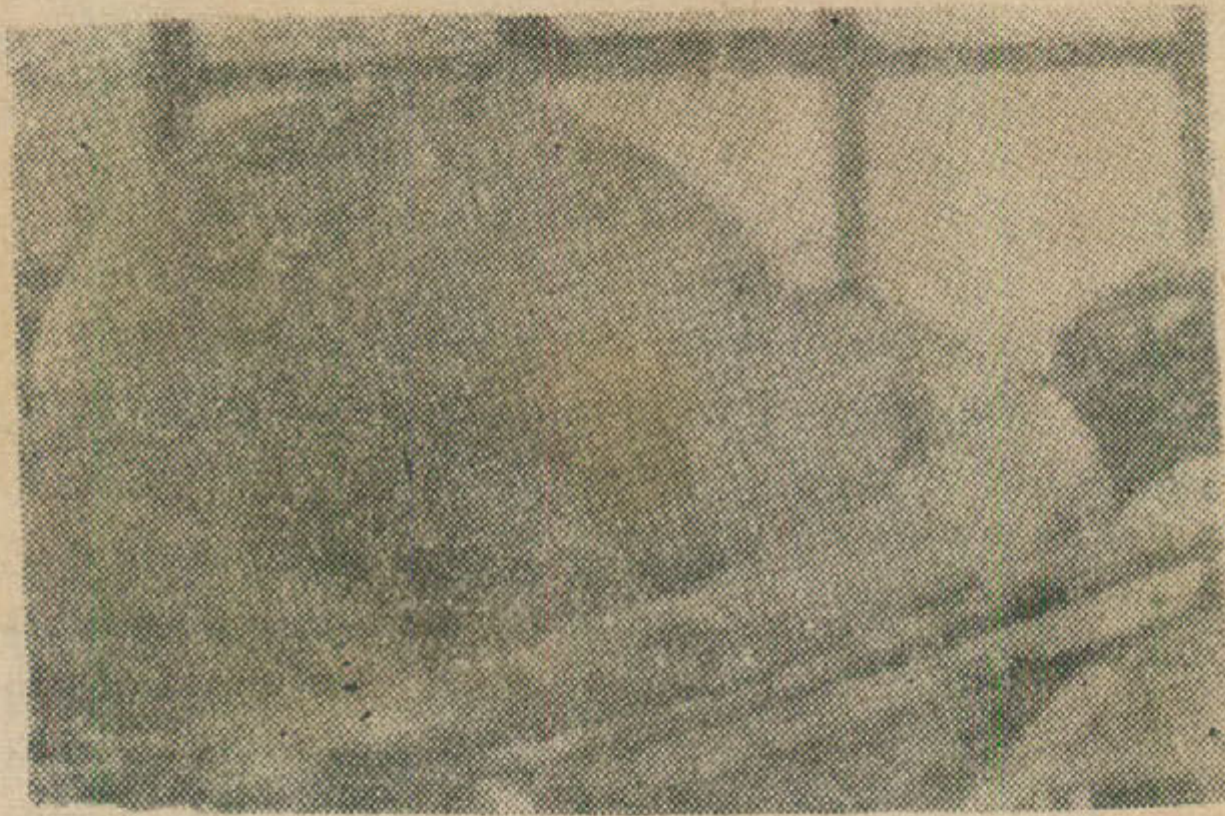
Thấy một người chị em ruột thịt lâm vào cảnh-tượng thương tâm như thế, tình máu mủ giai-cấp tràn ngập lòng chúng tôi. Lập tức chúng tôi kiểm tra ngay người bệnh và phát-giác ra rằng một cái bứu khổng lồ đã chiếm hết cả bụng và một nửa ngực. Tuy người mảnh mai, chị Tường cũng cân nặng đến 96 ký. Chúng tôi chưa hề thấy — và cũng chưa hề nghe nói đến nữa — một trường hợp tương tự. Phải làm gì bây giờ, nếu chúng tôi thỏa thuận nhận điều-trị chị Tường?

Lúc bấy giờ mới là lúc anh chồng kể lại cho chúng tôi về những ngày tháng dài gian-khò anh đưa vợ tìm thầy chạy thuốc «Vợ tôi khởi ốm vào năm 1964, và chúng tôi đã đến xin

khám ở nhiều bệnh-viện. Nhưng những cán-bộ tiểu-tư-sản, sau khi chẩn-đoán, kết-luận rằng bệnh vợ tôi không chữa được, và chỉ lo tìm cách tống-khử chúng tôi đi. Trong khi đó thì cái bứu, lúc ban sơ lớn khoảng nắm tay, cứ mỗi ngày mỗi bành trướng. Vợ tôi không ngồi, không nằm, không đứng được, và đêm cũng như ngày, chỉ còn cách cúi khom mình trên giường, như các đồng-chí đang thấy. Mọi công-tác vệ-sinh hộ-lý, chúng tôi phải chia nhau mà làm, tôi cùng với các con nhỏ. Riêng tôi, tôi biết rằng bệnh-viện này không lớn, và trong các cán-bộ y - khoa ở đây, cũng không có những giáo-sư chuyên-khoa hay những nhân-tài kiệt-xuất. Nhưng tôi vẫn đến đây, đến cùng những đồng-chí trong QĐGPND, đến cùng những đồng-chí trung - thành với đường lối cách-mạng của Mao-Chủ-tịch. Xin các đồng-chí cứu vợ tôi!»

Những lời nói tha-thiết ấy là những lời buộc tội nặng-nề chủ-nghĩa xét lại của bè lũ Kroutchev Trung-quốc, và là một bài học vô-giá cho chúng tôi. Chúng tôi nhận-thức đang đứng trước một trường hợp không phải bình-thường, trái lại đây rõ-ràng là một trận chiến một mất một còn giữa chủ-nghĩa xét lại tư-sản và chủ-nghĩa cách-mạng vô-sản.

(4) G. Urban. *The miracles of Chairman Mao*. Tom Stacey Ltd. London. 1971.



*Tuông-Thiếu-Khuyết
vợ Thuy - Bình - Vũ
trên bàn mồi*

Phục-vụ công nông binh

Mao-Chủ-tịch đã dạy : « Phục-vụ ai ? Đây là một vấn-đề căn-bản, một vấn-đề nguyên-tắc »

Trong công - trình nghiên - cứu và thực thi y-học, bè lũ Kroutchev Trung quốc đã chủ-trương một chính-sách xét lại phản cách-mạng, chỉ nhằm phục vụ một thiểu-số thị-dân. Trái lại, Mao-Chủ-tịch luôn luôn nhấn-nhủ chúng tôi phải phục-vụ quần-chúng nhân-dân, đại-chúng công nông binh. Như vậy, nhận chữa cho Tuông - Thiếu-Khuyết hay từ-chối rõ-ràng là trung-thành với hay phản-bội lại đường lối cách-mạng của Mao Chủ-tịch.

Khi được chúng tôi báo-cáo vấn-đề, chi-bộ Đảng trong đơn-vị đã vạch ngay cho chúng tôi một hướng đi rõ-rệt : dẫu rằng bệnh viện nhỏ, nhưng luôn luôn vẫn phải mở rộng cửa đón tiếp những thành-phần quần - chúng nhân-dân lao-động. Và chi-bộ quyết-định phải làm mọi cách để chữa trị

cho chị Tuông.

Bốn năm trước, chủ-nghĩa xét lại tư-sản đã tuyên án tử chị Tuông. Chị đã tuyệt-vọng, nhưng vẫn kiên-cường chiến đấu chống lại cái chết. Giờ đây, chúng tôi phải cố gắng làm sao để thuyết-phục chị, cho chị hiểu rằng bệnh của chị có thể chữa lành, để chị sẵn-sàng hợp tác với chúng tôi đi tìm một hướng điều-trị mới.

Cân-nhắc vấn - đề, chúng tôi thấy rằng chỉ có tư - tưởng Mao - Trạch-Đông mới có thể giúp giải-quyết. Vì vậy, đồng-chí y-tá Lý-Duy-Triệu được ủy - nhiệm cùng chị Tuông học - tập các lời dạy của Mao-Chủ-tịch.

Chẳng bao lâu, tư-tưởng Mao-Trạch-Đông đã soi-sáng trí óc chị Tuông. Chị hiểu rõ rằng chị đã là nạn-nhân của chủ-nghĩa xét lại phản-động. Chị treo một bức chân-dung Mao Chủ-tịch trên đầu giường và nhắc đi nhắc lại thường-xuyên : « Dưới sự chỉ-đạo sáng-suốt của Mao Chủ-tịch, ta sắp được cứu sống ».

Ý-thức-giai cấp và ý-thức chiến-đấu được nâng cao, chị Tường không những chỉ tin-tưởng vào sự khỏi bệnh chắc chắn, mà còn thấu-triệt quan-niệm cách-mạng về sự sống và cái chết. Chị nói với chồng : « Nếu vạn nhất em có mệnh-hệ nào, thì anh phải yêu cầu các đồng-chí trong QĐGPND cắt xẻ cục bướu để nghiên cứu và cố-gắng tìm tòi hầu phát minh ra những phương-thức giải-quyết tốt chứng bệnh của em, nhằm chữa lành các anh chị em bản cổ nông ruột thịt khác. » Như vậy, chị tỏ ra không còn hãi sợ công-tác phẫu - thuật nữa, và đây là một điều-kiện rất quan-trọng để công việc tiến-hành tốt.

Nguyên-tác thị Đảng chi-huy thương

Khi chúng tôi bắt đầu chẩn - đoán xác-định bệnh, thì một câu hỏi được đặt ra : « Đây là loại bướu gì, liệu có thể chữa lành, chữa khỏi hẳn không ? » Mao Chủ-tịch đã dạy « Nếu các đồng-chí không giải-quyết được một vấn-đề thì hãy tìm hiểu về hiện-trạng và nguyên-ủy của vấn-đề ấy ». Cho nên chúng tôi quyết-định thành - lập một tiểu-ban điều-nghiên. Tiểu-ban phân-công đến các bệnh-viện trước kia đã tiếp-nhận chị Tường, và sau khi tham khảo hồ-sơ bệnh-lý, phát-giác ra rằng trường - hợp chị Tường được chẩn-đoán là « bướu xơ sau màng bụng, hơi ác tính (1) ».

Nghe tin này, một số đồng-chí tỏ vẻ mất tinh-thần. Chi-bộ Đảng thấy ngay là thái-độ tiêu-cực ấy chẳng qua

chỉ là hậu-quả của những ảnh-hưởng nguy-hại cho chủ-nghĩa xét lại còn tiềm tàng trong cán-bộ Y-khoa. Chúng tôi liền mở một cuộc nội-thảo về tư-tưởng Mao-Trạch-Đông, và dùng tư-tưởng Mao Chủ-tịch làm khí-giới, chúng tôi đã phá quan-điểm cổ-hủ của y-giới về các chứng bệnh gọi là « không chữa được ».

Khái-niệm bệnh không chữa được là một khái-niệm phản lại tư-tưởng Mao-Trạch-Đông. Bởi vì tuy có một số bệnh mà chúng ta không thể chữa được trong hiện-tại, nhưng rồi ra, không sớm thì muộn, chúng ta sẽ có biện-pháp hữu-hiệu để đối phó.

Mao Chủ-tịch vẫn khuyên - như chúng tôi phải giành giật những kẻ đang hấp-hối ra khỏi tay thần chết, phải chăm sóc các thương-nhân, phải có lòng từ-ái cách - mạng. Bè lũ tự xưng là chuyên-viên, là chuyên-gia, là những tay cự-phách theo chủ-nghĩa xét lại tư-sản phản-động, chẳng qua chỉ mượn những danh-từ bệnh không chữa được để có cơ xa lia, gạt bỏ đại-chúng nhân dân. Chúng tôi, trung-thành với tư-tưởng Mao Chủ-tịch, thấu-triệt đường lối cách-mạng vô-sản của Người, chúng tôi luôn luôn tha-thiết với các tầng-lớp cùng khổ anh em, chúng tôi phải làm hết sức để cứu từng mạng sống và chữa từng thương tích.

Chúng tôi cực-lực đã phá tư-tưởng cầu an chủ bại, ngại khó ngại khổ, sợ

(1) Có nghĩa là bướu thuộc loại nam khoa (ung-thư).

tồn - thương uy - tín cá - nhân, không dám phát-huy sáng-kiến.

Chúng tôi đã bàn luận, đã khám đi khám lại, đã hội chẩn tất cả hơn 30 lần về trường hợp Trường-Thiếu-Khuyết. Cuối cùng, chúng tôi đập đồ chẩn đoán sơ khởi của bè lũ xét lại thiên cận, và đi đến kết luận đây là trường hợp bứu lành chứ không phải bứu độc. Các dữ kiện về sau đã chứng minh điều này.

Quan giáo binh, binh giáo quan, binh giáo binh

Chủ nghĩa Kroutchev Trung-quốc với bè lũ tay sai đã từng quan niệm phải dựa vào kỹ thuật, phải dựa vào các chuyên viên để trị liệu bệnh tật. Phong trào cách mạng, do Mao Chủ-tịch lãnh đạo lại chủ trương «đỏ phải hơn chuyên» phải dựa vào quần chúng đa số, phải tin tưởng vào quảng đại nhân dân.

Tất cả các đồng-chí trong cơ-quan — bác sĩ, y sĩ, y tá, hộ lý, bệnh nhân — đều lần mình tham gia chiến đấu. Mọi người thi đua phát huy sáng kiến, đề nghị các biện pháp cứu chữa chị Trường. Có rất nhiều ý kiến độc đáo được trình bày, và được đúc kết lại thành mười chủ điểm, bao gồm 120 biện pháp cụ thể.

Dẫu khó khăn đến đâu, những kẻ được trang bị tư tưởng Mao-Trạch-Đông cũng không lùi bước. Chẳng hạn vấn đề gây mê. Đồng chí bác-sĩ Cao Khải-Thành chỉ được theo học chuyên khoa gây mê trong ba tháng. Chúng tôi ủy-thác nhiệm-vụ này cho

một tiểu tổ ba người do đồng chí Cao lãnh-đạo. Họ liền cùng nhau tham khảo các chương trong tập tư-tưởng Mao-Trạch-Đông. « Phục vụ nhân dân, Ngu-công di sơn (1) »... là những chương vẫn được quần chúng đọc nhiều. Dựa vào đấy, họ tiên liệu các khó khăn có thể xảy ra và họ chuẩn-bị ba máy gây mê. Nhưng vì vẫn chưa được yên lòng hẳn các đồng chí ấy còn sửa soạn thêm một cái máy khác, sáng-chế ngay tại chỗ trước khi phẫu.

Muốn cắt bỏ bứu, phải mò theo đường nào bây giờ? Đề giải-quyết vấn-đề này đồng-chí y-tá Phương-Huệ-Minh đã thức ba đêm liền để vẽ tám kiểu mổ, và chỉnh-lý lại hơn ba mươi lần. Cuối cùng, với sự đồng tâm hiệp lực của tất cả cán-bộ trong cơ-quan, chúng tôi tìm ra một lối mổ thích-nghi.

(1) Chuyện xưa kể rằng Ngu-công tuy đã 90 tuổi, nhưng còn muốn san bằng hai trái núi Thái hành và Vương ốc. Có người cười thì Ngu-công bảo: «Ta chết có con, con chết có cháu, cháu chết có chắt. Còn núi kia vẫn không lớn thêm thì ta lo gì mà không san bằng được». Thượng-đế nghe biết liền sai thần dời hai trái núi đi.

Ngày nay đối với Mao-Trạch-Đông—Mao-Trạch-Đông đã đan cử câu chuyện Ngu-công di sơn trong cuốn sách hồng ghi tư tưởng của mình, và còn bình luận thêm nữa — thì hai ngọn núi vĩ đại ngăn chặn bước tiến của dân tộc Trung-hoa là đế quốc và phong kiến. Với sự trợ giúp của Thượng đế con cháu Thần nông chắc chắn sẽ san bằng cả đế lẫn phong. Có điều Thượng đế trong tư tưởng của Mao là quần chúng nhân dân Trung-quốc chứ không ai khác. (Tsien Tche-Hao. Comment Mao utilise Yü-kung. Réalités n° 310, p. 66 Nov. 1971.

Bên cạnh những anh chị em cùng nghiệp-vụ, các cán-bộ khác ngành, các anh chị em chi^{ến}-sĩ, các anh chị em lao-động và cả những bà con ruột thịt của trại gia binh cũng tham-gia công-tác. Nhờ sự giúp-đỡ hết lòng hết sức của quần-chúng nhân-dân, một trận-đồ phẫu-thuật được hoạch-định và mọi y-cụ cần thiết đều sẵn sàng.

Đoàn-kết, khẩn-trương, nghiêm-túc, hoạt-bát

Sáng ngày 23 tháng 3, trận chiến bảo-vệ tư-tướng Mao Chủ-tịch khởi sự. Chi-bộ Đảng đề-cử đồng-chí Phó Bí-thư cùng một số Chi-ủy-viên đến bệnh-viện trực-tiếp hướng dẫn chúng tôi theo tư-tướng Mao-Trạch-Đông.

Đúng 7 giờ 40, tám tổ chiến đấu, kể cả tổ hướng dẫn chính trị và tổ thủ thuật, vào vị trí tác chiến. Bệnh nhân được đưa vào phòng mổ. Khi rời phòng bệnh, chị đã cùng đồng chí y tá Lý nhắc đi nhắc lại nhiều lần một câu của Mao Chủ-tịch: «Chúng ta phải cương quyết, không được lùi bước trước mọi hy sinh, phải biết khắc phục mọi gian khổ». Lòng bình thản, không hề một chút e ngại, chị lên bàn mổ.

Vừa gây mê chưa được năm phút, đã thấy có triệu chứng đáng ngại. Chị Tư n thở rất khó nhọc, áp huyết xuống thấp, và nhịp tim hỗn loạn. Khắp người chị đầm mồ hôi, nước da xanh mét, chị gần như sắp tởm ra.

Trong lúc nguy cấp ấy, đồng chí Phó Bí-thư động viên tinh thần chúng

tôi bằng tư tưởng Mao-Trạch-Đông: «Phải đoàn kết, khẩn trương, nghiêm túc, hoạt bát để chiến thắng». Được tư tưởng Mao-Trạch-Đông tiếp sức, các đồng chí có trách nhiệm bình tĩnh khám lại bệnh nhân và phát-giác nguyên nhân gây hỗn loạn. Lập tức, bác sĩ Cao-Khải-Thành táo-bạo quyết định dùng cái máy do đồng chí sáng chế. Máy này quả nhiên chạy tốt.

Nhưng những khó khăn mới dồn dập xảy đến. Trên mặt bướu, có một cái màng và chúng tôi không thể nào phân biệt được đây là màng bụng hay là màng riêng của bướu. Nếu là màng bụng, thì chúng tôi phải lo bảo vệ nghiêm túc, nếu không, sinh mệnh người chị em ruột thịt sẽ bị đe dọa nặng nề, trong thời kỳ sau mổ. Vấn đề phải mổ bên trong hay bên ngoài màng bụng cũng đã trở thành một trận chiến đấu quyết liệt và gian khổ giữa đường lối cách mạng theo Mao-Chủ-tịch và đường lối xét lại tư sản phản động. Theo lý thuyết y học xét lại tư sản, thì nếu cắt bỏ được bướu và người bệnh không chết trong khi mổ, là kẻ như thành công.

Nhưng Mao Chủ-tịch đã dạy: «Bồn-phận của chúng ta là phải có trách-nhiệm đối với quần-chúng. Mỗi một lời nói, mỗi một hành-động và mỗi một biện-pháp chính-trị của chúng ta đều phải vì quần-chúng». Vì vậy, không những chúng tôi phải cố gắng giúp chị Tư sống, mà chúng tôi còn phải làm sao để chị có thể tiếp-tục tham-gia lao-động, hầu phục-vụ xã-hội chủ-nghĩa,

Dùng một phương-pháp hết sức tỉ mỉ, các đồng-chí phẫu-thuật-viên đã thành-công trong việc tránh xâm-phạm vào xoang màng bụng. trái lại, từ đầu đến cuối, tiến-trình phẫu-thuật đã xảy ra ở ngoài phúc mô.

Nhưng làm sao cắt bỏ được cái bướu? Chúng tôi lại phải cầu viện tư-tưởng Mao Chủ-tịch, dựa vào lý-luận quân-sự: « Tấn công các lực-lượng địch phân-tán và lẻ-loi trước, rồi sau mới đến các lực-lượng tập-trung và hùng-hậu » và « bao vây trọn vẹn các lực-lượng địch, cố-gắng tiêu-diệt chúng toàn diện » Chúng tôi liền quyết-định cắt bỏ các màng dính hai bên đến tận gốc bướu.

Khi tách bướu ra khỏi các cơ-quan lân-cận, thủ-thuật - viên thấy cả một hệ-thống mạch máu chằng chịt bao quanh. Thao-tác phẫu dẫn rất tử tốn, nhưng vẫn gây chảy máu nặng, 5000 phân khối máu chuẩn-bị chằng bao lâu đã chuyển hết.

Được tin này, các đồng-chí đang chờ đợi ở ngoài thì đua nhau xung-phong hiến máu. Vì vậy có đến 7250 phân khối máu của 38 cán-bộ và chiến sĩ đã chảy vào các tĩnh - mạch của Tường-Thiếu-Khuyết.

**Quyết bất năng nhất kiến
thành tích tự tự mãn**

Sau mười giờ làm việc bằng hai bằng ba, các chiến-sĩ trung-thành với đường lối cách-mang của Mao Chủ-tịch đã cắt bỏ được cái bướu.

Khi hồi-tỉnh chị Tường rất xúc-động thấy mình đã được giải-phóng khỏi chứng-bệnh ngặt-nghèo. Những lời đầu tiên của chị là « Mao Chủ-tịch muôn năm! Mao Chủ-tịch đã cứu tôi! » Tư-tưởng Mao-Trạch-Đông đã thổi vào người chị một sức mạnh và một ý-chí sắt đá. Và vì vậy, mặc dầu thao-tác phẫu-thuật rất khó-khăn và lâu dài, chị Tường đã hồi - phục rất nhanh. Ngày thứ sáu, những vết khâu chằng-chịt trên vết mổ dài 95 phân được cắt bỏ, vào ngày thứ tám, chị Tường bắt đầu ngồi dậy tập đi.

Bây giờ thì chị đã hoàn-toàn bình-phục, và đang tham-gia công-tác lao-động sản-xuất trong gia - đình cũng như trong nông-hội.

Thành-công to lớn của công-tác phẫu-thuật này đã là một bài học quý-giá cho tất cả các đồng-chí thuộc cơ-quan. Trong tương-lai, chúng tôi còn phải dương cao hơn nữa ngọn cờ đỏ của tư-tưởng Mao-Trạch-Đông, phải thành-công hơn nữa khi học-tập và áp-dụng tư-tưởng Mao-trạch-Đông, và phải hết sức hết lòng phục-vụ chiến sĩ cùng quần-chúng nhân dân.

B.S. TRẦN VĂN TÍCH
dịch từ *China's Medicine*

CAFÉ TÙNG

6 Khu Hòa Bình - Đà Lạt Đ.T. 2394

- Quán Café chuyên nghề, nơi gặp gỡ của những khách sành điệu và Văn Nghệ sĩ.
- Quán café đã từng hoạt động trên 20 năm.
- Quán café duy nhất do ông Trần-đình-Tùng trực tiếp điều khiển. Chưa từng mở chi nhánh hoạt động ở bất cứ nơi nào khác.

Chủ nhân kính cáo

«Ai biết người đồng thời của hai bà Trưng dùng ngôn ngữ nào thì vấn đề nguồn gốc của dân tộc Việt Nam sẽ được giải quyết dễ dàng»

G. COEDÈS

Cố Viện trưởng Viện VIỄN ĐÔNG BÁC CỔ

* * *

Tác phẩm dưới đây trả lời được câu hỏi hóc búa đó. Mỗi chương sách là một khám phá lớn, đọc rất say mê, mà không có khám phá nào không dựa vào chứng tích khoa học. Những khám phá kinh dị về thượng cổ sử 5000 năm của dân ta đều chứa đựng trong 900 trang của quyển

NGUỒN GỐC
MÃ LAI
của DÂN TỘC
VIỆT NAM

Bác bỏ tất cả những sử thuyết sai lầm từ cổ chí kim, kể cả cuộc nghiên cứu nền văn minh Đông Sơn

Tác phẩm của BÌNH-NGUYỄN LỘC

LÁ BỎI

TỔNG PHÁT HÀNH

Xã-hội Nguyễn-Trường-Tộ và xã-hội Y-Đặng Bác-Văn

(Bài nói chuyện của ông Đào Đăng Vỹ nhân dịp kỷ niệm Bách chu niên ngày từ trần của Nguyễn-Trường Tộ tại thính đường Trường Quốc-gia Âm-nhạc vào ngày 22-1-71 do nhóm Tinh-Việt Văn-Đoàn tổ chức).

Trước đây, trong một bài đã đăng ở tuần báo Văn-Đàn của Tinh-Việt Văn-Đoàn số đặc biệt về Nguyễn Trường Tộ tiên sinh, với nhan đề « Nguyễn-Trường Tộ và Y-Đặng Bác-Văn », chúng tôi đã từng kể lại một giai thoại về cuộc gặp gỡ giữa nhà chí sĩ họ Nguyễn và chính-trị-gia hữu danh Nhật-bản là Y-Đặng Bác-Văn. (Ito Hirobumi)

Câu chuyện này chỉ là một truyền thuyết do các cụ xưa kể lại, chớ không có tài liệu đích xác nên chúng tôi tường thuật với mọi dè dặt trong bài trên, cũng như trong cuốn sách tôi đã viết bằng Pháp văn cách đây lối 30 năm, với nhan đề « Nguyễn-Trường-Tộ et son temps ». Theo truyền thuyết đó, hai nhà ái quốc trên, một Việt một Nhật, đã gặp nhau trên một chuyến tàu thủy hồi quốc sau lúc hôn-ba qua Âu-Tây để tìm cái học Tây-phương hầu chống ngay lại sự xâm nhập của Tây phương vào Á-châu. Qua những cuộc bút đàm bằng Hán-văn trên tàu, hai người tỏ ra rất khâm phục nhau, về những kiến thức uyên bác và kế hoạch cải tiến quốc-gia để có thể tồn-tại trước làn sóng từ Tây-phương ập tràn

sang Đông-phương. Hai người đã chúc nhau thành công và may mắn trong tương lai góp phần cứu quốc và kiến-quốc.

Nhưng về sau Y-Đặng Bác-Văn đã thành công rực-rỡ mà Nguyễn tiên-sinh đã thất bại nặng nề. Nhật-bản đã trở thành một cường quốc mà Việt-nam đã phải mang ách ngoại bang đô hộ ngót trăm năm... cho đến ngày nay vừa thoát tay thực dân lại lâm vào cảnh Nam Bắc phân tranh, Quốc Cộng chém giết nhau trong gần phần tư thế kỷ.

Thành bại, nguyên nhân vì đâu ? Sự thành công vĩ đại của Nhật có phải là công của một Y-Đặng Bác-Văn, thất bại chua cay của Việt-nam phải chăng là lỗi riêng của một Nguyễn-Trường-Tộ ? Vấn-đề không giản-dị như thế. Muốn hiểu qua sự thành bại trên, ta cần xét qua tình-hình hai nước trong thời-kỳ các quốc-gia Tây-phương đua nhau bành trướng ảnh-hưởng sang Đông-phương.

oOo

Quốc-gia Việt-nam vào đầu thế kỷ 19 là một nước oai-hùng ở Đông-Á, có lẽ

còn hơn Nhật-bản thời bấy giờ. Vua Quang-Trung Nguyễn-Huệ vừa đại thắng quân Mãn-Thanh là đoàn quân đã từng chinh-phục nước Trung-hoa và lập Thanh-triều lừng-danh ở Á-Châu. Trận thắng oanh-liệt ấy đã xảy ra đầu năm 1789 là năm có cuộc Cách-mạng ở Pháp. Quân Tây-Sơn của Quang-Trung đã làm rung-động cả nước Tàu và dân các tỉnh Quảng-Đông, Quảng-Tây đã rùng rùng di-cư tránh xa biên-giới Việt-Hoa vì sợ Nguyễn-Huệ thừa thắng đánh sang Trung-Quốc như đời Lý-Thường-Kiệt.

Trước Nguyễn-Huệ thì nhà Trần đã từng đánh thảm-bại quân Mông-Cổ và Trung-hoa của nhà Nguyên là đạo quân vô-địch đã chiếm Trung-quốc và đã làm rung-động cả đến Âu-châu, Ba-tư và Ấn-độ (thế-kỷ 13). Sau nhà Trần đến đời Lê-Lợi, trong mười năm khổ chiến cũng đã toàn thắng quân nhà Minh (thế-kỷ 15)...

Đối với các nước láng-giềng khác đã từng khuấy phá biên-thùy dân tộc Việt, thì cuộc Nam tiến trong mấy thế-kỷ đã đem lại toàn bộ nước Chiêm-thành vào bờ-cõi Việt-nam. Chân-lạp, Nam-chiếu và Ai-lao đã từng ở dưới sự đô-hộ và che-chở của các triều-đại Việt-nam. Ngoài ra, quân Xiêm-la cũng đã nhiều lần bị quân Tây-Sơn, cũng như quân nhà Nguyễn đánh lui để bảo-vệ cho Cao miên, và giữ nền tự-chủ cho Nam-Việt.

Trước đó, thì đoàn quân nhỏ bé của Nguyễn-Ánh trong lúc tá-túc tại nước Xiêm (vì bị bại trước Tây-Sơn), đoàn quân ấy đã giúp vua Xiêm đánh lui quân xâm-lãng của Miến-điện (1785-1786),

Như vậy là từ phương Bắc đến phương Nam và qua đến phương Tây, dân Việt-nam đều được kính nể.

Vua Gia-Long sau khi thắng Tây-Sơn và thống nhất sơn-hà còn làm cho Việt-nam có một địa-vị bền-vững hơn nữa.

Tuy nhiên trong cái thế thắng của vua Gia-Long, trong sự phục hưng của nhà Nguyễn, đã ngầm có những cái thế bại cho Việt-nam về sau này.

Việc giết hại các công thần nguyên-huân lập-quốc như Nguyễn-Văn-Thành và Đặng-Trần-Thượng vì những chuyện nhỏ nhặt không ra gì... Việc ấy so với việc voi xé xác mẹ con nữ-tướng Tây-Sơn là Bùi-Thị-Xuân, việc quật mả Nguyễn-Huệ và dùng đầu-lâu vua Quang-Trung để đi tiểu... Những sự ấy lịch sử đã phê phán là quá dã-man và nhỏ nhen.

Sau vua Gia-Long lại lập con thứ làm, thái-tử kế-nghiệp, thay vì lập dòng chính là con Hoàng-Tử Cảnh, đó cũng là một nguyên-nhân cho sự suy-đời về sau.

Tuy việc lập vua Minh-Mạng kế-vị là hợp-lý vì lúc ấy con Hoàng-Tử Cảnh là đích-tôn còn quá bé nhỏ, mà Triều Nguyễn mới xây-dựng lại sau bao nhiêu năm bị chinh-chiến với Chúa-Trịnh, rồi với Tây-Sơn, thì việc duy-trì cho dòng họ Nguyễn phải cần một nhà vua thông-minh và đã lớn tuổi. Tuy vậy nhưng việc phế-lập đã gây chia-rẽ giữa công-thần, và phái Lê-Văn-Duyệt đã nâng-dỡ ngành đích-tôn về sau luôn luôn bị vua Minh-Mạng nghi-ngờ, và cái án Lê-Văn-Duyệt bị san bằng mồ mả, truy nguyên

cũng vì vua mới không dung kẻ cự-thần nhiều công làm cho vua cũng đố-ky, nhưng cũng vì các công-thần này đều là bạn chiến-sĩ với Hoàng-Tử Cảnh xưa, nên bị thù ghét.

Lòng nghi-ky và nghiêm-khắc của nhà vua còn tỏ-lộ ra đối với cả hoàng-thất trong các nhánh khác, cho nên vua đã làm ra một bài thơ Để-hệ để lấy mỗi chữ trong ấy làm chữ lót cho hậu-duệ của chi nhánh mình. Còn con cháu các hoàng-tử khác, cũng như hậu-duệ của các chúa Nguyễn xưa, đều phải đặt danh-hệ riêng biệt. Bài thơ của vua Minh-Mạng có mấy câu như sau đây chúng tôi chỉ xin nhắc lại :

*Miền Hường Ưng Bửu Vĩnh
Bảo Quý Định Long Trường,
Hiền Nang Kham Kế Thuật,
Thế Thoại Quốc Gia Xương.*

Mỗi chữ của bài thơ chỉ thế-bậc trong Đích-hệ, tức là Để-hệ kể từ con vua Minh-Mạng về sau : như Miên (hay cũng đọc là Mân) chỉ thế-hệ con vua Minh-Mạng (như vua Thiệu-Trị là Miên-tông). Hường chỉ thế-hệ cháu nội (như vua Tự-Đức húy là Hường - Nhậm hay Hồng-Nhậm) v.v... Con cháu của anh em vua Minh-Mạng đều thuộc về Phiên-hệ và cũng có những bài thơ riêng cho mỗi Hệ...

...Những người Pháp đã từng giúp Nguyễn-Ánh và Hoàng-Tử Cảnh trong các cuộc tranh hùng với Tây-Sơn như Chaigneau và Vannier v.v... cũng bị nghi ngờ và đối đãi lạnh-nhạt, và về sau các người này đều chán nản mà về nước

VÀI HÀNG TIỂU SỬ

Nguyễn-Trường-Tộ là người Nghệ-an, sinh năm 1928, ở phủ Hưng-nguyên, làng Bùi-Chu. Ông đã nổi tiếng là một nhà nho uyên-thâm, nhưng vì là người công-giáo nên không được dự thi và không phải là người khoa-bảng. Năm 1858, ông gặp Giám-mục người Pháp tên Gauthier (tên ta là Ngô-gia-Hậu). Ông này thấy tiên-sinh có óc thông-minh phi-thường và trí nhớ khác người nên đã dạy cho học Pháp-ngữ và giảng cho các môn học-thuật Thái-Tây, rồi lại đưa qua La-mã và Paris (1860) học tập mấy năm. Tiên-sinh vừa học vừa quan-sát mọi ngành sinh-hoạt ở Âu-Tây. Kiến-vấn ông vô cùng quảng-bác và ông đã tìm hiểu cả lịch-sử hoàn-cầu, chính-trị, kinh-tế, ngoại-giao, binh-pháp, kỹ-nghệ, khoa-học.v.v...

Ông thấy quang-cảnh cường-thịnh của Âu-châu và ông đã biết dã-tâm của Tây-phương đang dành nhau xâm-chiếm thị-trường và lập thuộc-địa khắp nơi trên thế-giới.

Nhiệt - tâm yêu nước khiến ông lúc trở về, đã đem tất cả sở-học nghiên-cứu những cải cách cần thiết cho nước nhà tránh khỏi nạn ngoại-xâm. Nhưng vua Tự-Đức và triều-đình đã không nghe ông, vì thế Việt-Nam bắt đầu bị Pháp và Tây-ban-nha uy-hiếp. Ông chết trong tù hận năm 1871 cách đây đúng 100 năm, và 6 tỉnh Nam-ky lúc ấy đã bị Pháp chiếm ...

cả. Nhưng việc này xảy ra trong khoảng những năm 1820-1826.

Vả chăng, đây là một việc thiếu sót, làm cho nước ta đã mất một cơ-hội quý-hóa để cùng các triều-thần Pháp tìm-hiểu biết thêm Thái-Tây, mở tầm mắt ra ngoài cái thế-giới bế-môn tỏa cảng của các nước Á-Đông? Nếu Hoàng-Tử Cảnh còn sống và kế ngôi vua Gia-Long thì lịch-sử Việt-nam có lẽ đã có một chiều-hướng khác chăng, và có lẽ ngoài cái Nho-học (thứ Nho-học từ-chương của nhà Tống, chớ không phải cái học Vương-Dương-Minh đã thịnh-hành ở Nhật-Bản). Chúng ta đã sớm thâm nhập được thứ Dương-học như người Nhật, hoặc ít ra cũng hiểu cách đối-đãi ngoại-giao mà lập cái thế cùng mở rộng nước đón tiếp giao-thương với tất cả các cường-quốc như Xiêm-La đã làm để giữ được nền độc-lập.

Thật ra, không phải là người Pháp có ý dòm ngó nước ta từ lâu. Ngay như việc Giám-mục Bá-đa-lộc lúc cầu-viện tới nước Pháp để giúp Nguyễn-Ánh cũng đã hứa với Pháp triều là sẽ nhượng cho Pháp quần-đảo Côn-sơn và hải-cảng Đà-nẵng. Việc ấy đã không thành vì nước Pháp đang hồi hỗn-loạn, còn các người sang giúp nhà Nguyễn chỉ là nhóm người phiêu lưu đi theo Giám mục Adran đó thôi (thế mà sau này Pháp vẫn đòi thi-hành, và đã bị triều-đình ta từ chối, vì Pháp không chính-thức giúp gì cho nhà Nguyễn cả).

Lòng nghi-kỵ của vua Minh-Mạng và lậu-duệ ông ta đối với con cháu các

hoàng-tử khác và ngay cả đối với người trong Đế-hệ đã làm cho nhà Nguyễn có một chính-sách hà-khắc đối ngay với người trong họ Nguyễn-Phước. Các hoàng-tử và con cháu thường chỉ có tước mà không có vị, có danh vương hầu bá tử mà không có chút quyền binh trong tay, chỉ được lãnh một số lương của vua cấp để sống và chơi bời. Ai đã đọc qua cuốn Tuy-Lý-Vương của Trần-Thanh-Mại thì biết cái cảnh sa-đọa của con cháu nhà vua Tự-Đức..., cảnh ấy đều do chính-sách từ vua Minh-Mạng gây ra, và đã làm cho nhà Nguyễn yếu thế dần.

Các nho-sĩ trong nước chỉ theo cái học từ-chương của Tống-nho để thi đậu làm quan, gặp việc gì ở đời cũng đem Ngũ-kinh Tứ-thư ra dẫn chứng, mỗi lời nói thường viện-dẫn những Khổng-tử viết, Mạnh-tử viết, chớ không tìm tòi gì thêm nữa, tuy là người Tây-phương đã có mặt ở Đàng Trong cũng như Đàng Ngoài từ thế-kỷ 16 (đã lập việc buôn bán tại Phố Hiến ở Đàng Ngoài và Hội-An ở Đàng Trong, lập nhà đúc đồng sắt tại Thuận-hóa v.v...) các triều-thần chỉ biết thờ vua và hưởng nhàn, và gặp việc khó chỉ biết hướng về nước Tàu để lấy làm gương mẫu. Nhưng Trung-quốc thời bấy giờ cũng lúng-túng như ta, chỉ biết tự-tôn tự-đại, khi gặp người Tây-phương đến lấn-áp cũng chịu thua và đầu hàng liên-tiếp.

Trường-Tộ tiên-sinh ở trong cái hoàn-cảnh suy-nhược ấy, nhưng còn gặp cái khó-khăn nguy-hiểm hơn kẻ khác nữa, vì tiên-sinh là người công-giáo mà các triều-đình Việt-Nam đều chống sự gia nhập các tôn-giáo mới mà thời-nhân

cho là tà-giáo cũng như người truyền-giáo là đám quân tiên-phong cho sự xâm-lấn của Âu-Tây. Cái học của Nguyễn tiên-sinh là cái học do các linh-mục người Tây-phương truyền cho, và cũng do các linh-mục này mà tiên-sinh và các bạn tiên sinh như Nguyễn-Đức-Hậu, Nguyễn - Điều đã xuất-ngoại (1866) học hỏi. Các vị này mắt thấy tai nghe cái gì mới lạ ở nước ngoài đều đem về tâu trình Vua và Triều đình, và đề nghị nhiều điều cải cách lợi cho quốc gia. Nhưng bao nhiêu điều trần của Nguyễn-trường-Tộ đều bị triều-thần bác bỏ. Năm 1868 Ông Đinh-Văn-Điều cũng lại điều trần xin đặt doanh điền khai thác hầm mỏ làm tàu hỏa và tàu thủy như Tây-phương: ông này cũng không may gì hơn Trường-Tộ tiên-sinh. Năm 1879 ông Nguyễn-Hiệp đi xứ Tiêm-la về. năm 1881 ông Lê-Đỉnh đi xứ Hương-cảng về đều tâu vua xin mở ngoại-thương, giao dịch với nhiều nước như Xiêm và Nhật để tránh cái nạn một cường quốc độc quyền uy hiếp. Phan-Liêm và trước đó Phan Thanh-Giản cũng đều tâu xin các việc cải cách, nhưng triều-đình do vua giao phó xét định đều đã bỏ trôi hết. Chính vua Tự Đức đã truyền bảo các quan suy xét kỹ chớ nếu không tìm cách tiến bộ tức là đã thoái bộ. Vậy mà triều thần một là vì dốt việc bên ngoài, hai là đố kỵ, ba là quá nệ cổ nên đều có một thái độ thật đáng trách. Vua rất thông minh nhưng chỉ là một thi sĩ ưa-nhàn, không biết làm gì hơn với những triều-thần hủ-lậu như vậy. (Các vị đại thần thanh liêm khí tiết như Phan-Thanh-Giản, Hoàng-Diệu, Nguyễn-Tri-Phương v.v. chỉ là thiểu số và cũng

không phải là người của thời-thế). Và vì vậy mà nước Việt Nam đã mất chủ quyền trong một thế kỷ...

Hoàn cảnh nước Nhật ở đầu thế kỷ 19 tuy tương tự nước ta, nhưng tinh thần của các nhân sĩ đương thời đã khác hẳn đa số nhân-sĩ của ta.

Cho đến giữa thế kỷ 19, nước Nhật cũng không hơn gì Việt-nam, nội-tình rối ren, phe phái tranh quyền gây nhiều cảnh tương tàn đổ máu, dân tình khốn đốn, luôn luôn bị đói kém vì kinh tế lạc hậu, thiên-tai liên miên. Nhật giữ được nền độc-lập lâu dài cũng chỉ nhờ ở địa thế nước biển bao bọc tứ bề, mà nước Trung-hoa khổng lồ thường gây cuộc xâm lăng các lân quốc lại kém về thủy quân, nên trải qua bao nhiêu thế kỷ nước Nhật đã tránh khỏi nạn ngoại xâm. Nhưng tình thế ấy cũng tạo nên cho người Nhật khối óc tự cường tự lập, sĩ khí rất cao. Tinh thần hiếu học tìm tòi nghiên cứu đã giúp cho Nhật chóng phát triển trong thời kỳ gặp gỡ Đông-Tây.

Chánh sách Mạc-Phủ lúc đầu cũng là chánh sách bế môn tỏa cảng như các triều đình Việt-nam. Nhưng các phong trào học thuật luôn luôn tiến bước. Phái Tống học và Chu-tử học-phái đã dựa vào uy quyền Mạc-phủ mà hoằng-phát, nhưng vẫn có các học phái khác đã chống lại cái lối học từ chương ngâm vịnh mà lập ra Cống-nghĩa học phái chuyên về khảo cứu và phát huy truyền thống dân tộc nên cũng gọi đây là phong-trào Quốc-học. Sau đó lại có Dương Minh học phái theo thuyết tri hành hợp nhất đời nhà Minh của Trung-hoa.

Bên cạnh các học phái này, thì ngay từ thế kỷ 17 dưới thời-kỳ Mạc-Phủ đang nghiêm khắc giữ chính sách bế môn tỏa cảng là đã có một phong-trào Lan-học là cái học do các thương-gia Hòa-lan du-nhập với các tư-tưởng học-thuật Tây-phương. Sau này phái Lan-học lấy tên là Dương-học tức là Âu-học, vì cái học đó do những người ở ngoài Đại-dương du-nhập vào quốc-gia Nhật-bản. Từ cuối thế-kỷ 17 và đầu thế-kỷ 18 đã có người Nhật viết những sách khảo cứu về Tây-phương, như bộ *Hoa-di Thông-thương-khảo* của Tây-Xuyên-Như-Kiền (Nichikawa Shoken), *Tây-dương-kỹ-văn*, *Thái-lâm-dị-ngôn* của Tân-Đĩnh Bạch-Thạch, rồi những sách *Đại-số-học*, *Phát-vi-toán-pháp*, *Y-dược-bản thảo*, *Nhân-thể-giải-phẫu*, *Bách-khoa từ-điển* (dịch cuốn Bách-khoa từ-điển của Pháp ra thành 68 quyển đến năm 1841 mới hoàn thành). Về sau lại có sự hợp tác giữa các học-giả Nhật và học-giả Tây-phương để viết nhiều sách-khảo-cứu về Tây-học rất bổ-ích. Sang đầu thế kỷ 19 thì đã có những tư thực về Dương-học mở ngay tại trong nước, và thời Minh-trị Thiên-hoàng thì đã có nhiều chuyên-viên nhất là người Đức và Pháp đến phục vụ tại Nhật-Bản.

Điều đáng chú ý cho ta, là trong lúc chánh-quyền Nhật-Bản cấm-chỉ ngoại-nhân và ngay cả sách vở Tây-phương du-nhập vào trong nước thì nhiều người thuộc các tầng lớp xã-hội, thuộc đủ phe phái vẫn lén lút giao-thiếp với ngoại-nhân để học ngoại-ngữ và tìm cách đem nhiều sách Tây-phương về để khảo-cứu và biên dịch ra Nhật-ngữ và phổ-biến

trong dân-gian. Nhiều thanh-niên đã trốn đi du-học ngoại-quốc. Phái Dương-học mỗi ngày một bành-trướng, lại gặp sự chống đối ngăm ngăm của phái Tống-nho, nên Mạc-Phủ đã đàn-áp phái Dương-học và nhiều học-giả có công lớn với Tân-học đã bị kết tội tù đày và nhiều học-giả cũng nhiều nhà trí-thức đã tự-sát vì phẫn-uất... Tuy-nhiên những hy-sinh này sẽ đem lại nhiều lợi-ích cho quốc-gia Nhật-Bản về sau.

Trong thời-gian này ở Trung-quốc đã xảy ra trận Nha-phiến chiến-tranh (1839-1842) do người Anh gây ra, và nhiều thuyền bè của các nước Tây-phương vẫn lui tới ở Á-châu làm cho Mạc-Phủ càng hoảng sợ và lần lần đã nói tay với bọn Dương-học và chuẩn-bị đối-phó với Tây-phương. Việt-Nam cũng bắt đầu bị Pháp và Tây-ban-nha đến gây sự vì vấn-đề cấm đạo và giết đạo...

Năm 1853, Hạm-đội Hoa-kỳ của Tư-lệnh Hải-quân Perry đến uy-hiệp, và các hạm-đội Nga và Pháp, Anh cũng lui tới ở Hải-phận Nhật đầy vẻ đe dọa khiến Mạc-Phủ phải ký hiệp-ước và mở bang-giao với Hoa-kỳ, và kế tiếp năm 1855 Hiệp-ước Nga-Nhật lại được ký-kết, rồi đến Hiệp-ước Nhật-Hòa (1856), Nhật-Anh v.v. Những Hiệp-ước này đều là Hiệp-ước bất-bình-dẳng đối với Nhật, nhưng vì nhiều nước tranh nhau nên Nhật vẫn còn tự-chủ.

Với các Hiệp-ước trên thì chánh-sách bế-môn tỏa-cảng đã bị phá tan, chế-độ Mạc-Phủ bắt đầu suy-tàn để Thiên-Hoàng tự quyền lo chỉnh-đốn việc nước, và cuộc canh-tân Nhật bắt đầu. Các học-

giả và thanh-niên xuất-ngoại hoặc công khai, hoặc lén lút như Y-Đằng, Bác-Văn Ito Hirobumi và Tinh-Thượng-Nghị (Inoué Kowashi) (1863) đều trở về phục-vụ tổ-quốc. Các sĩ-phu đã tạo cho Nhật một môi-trường thuận-tiện để Âu-hóa và phát-triển mạnh Hoàn-cảnh xã-hội do đám sĩ-phu Dương-học đã tạo cho Nhật đủ điều-kiện để tiến-bộ mau chóng.

Riêng Y - Đằng Bác - Văn đã có công lớn cho nền Duy-Tân nước Nhật. Từ buổi thiếu-thời, ông đã theo phong-trào Dương-học và sớm đã trốn đi du-học các nước Tây-phương. Năm 1868, ông đã dự vào cuộc đảo-chánh của phái *Tát-trường* (Choshun) đánh đổ chế-độ Mạc-Phủ và dành lại toàn-quyền cho Thiên Hoàng trực tiếp xử-trị việc nước. Năm 1869, ông vào Nội-các nắm chức Thứ-trưởng Tài-chánh, năm 1871-72 ông đi Hoa-kỳ trong phái-bộ Iwakura, và năm 1883 ông lại được cử đi nghiên-cứu các Hiến-pháp ngoại-quốc và ông đã trở lại Hoa-kỳ và đến Anh, Bỉ, Đức. Chính ông đã chịu ảnh-hưởng nhiều của chính-thể Đức-quốc để thảo ra Hiến-pháp mới của Nhật. Và từ khi ông lên nắm quyền Thủ-tướng, năm 1885, nước Nhật mới bắt đầu tiến-bộ mạnh-mẽ trên đường Duy-tân, sau những năm lục-đục chia rẽ phe-phái và Tân-Cựu từ lúc *Minh-Trị* lên ngôi, tức là từ 1868... Chẳng bao lâu, Nhật đã đủ sức can-thiệp vào nước Đại-hàn, đánh bại quân Mãn-Thanh (1894) chiếm Đài-loan, và được nhượng bán-đảo Liêu-đông. Năm 1902, Nhật ký hiệp-ước đồng-minh với Anh-quốc để chặn đường Nga tiến xuống miền Nam lục-địa Á-châu. Năm 1905,

Nhật lại đánh thắng Nga ở trận hải-chiến Đồi-mã. Các Hiệp-ước bất bình-đẳng lần lần được hủy bỏ và hiển-nhiên Nhật đã đứng ngang hàng với các cường-quốc Tây-phương.

Buồn thay, trong thời-gian ấy, Việt-Nam ta đã lần-lượt bị Pháp đánh bại : Đà-nẵng bị bắn phá năm 1847 rồi 1858, Gia-định bị mất năm 1859, ba tỉnh miền Đông Nam-Việt bị mất năm 1862, rồi ba tỉnh miền Tây năm 1867, thành Hà-nội bị hạ năm 1873, Hiệp-ước Việt-Nam nhận Pháp đô-hộ được ký năm 1883 và 1884...

Nguyễn-Trường-Tộ đã chết trong năm 1871. Tiên-sinh đã chết trong tuổi hạc. Những gì đã xảy đến cho quốc-gia, tiên-sinh sớm biết trước, nhưng tiên-sinh đã không làm sao cản trở được, tiên-sinh không cảnh tỉnh nổi người lãnh-đạo quốc-gia để canh-tân đất nước hòng tránh kịp nạn ngoại-xâm. Những bản điều-trần của nhà chí-sĩ mang đầy tâm huyết và đã đưa ra những kế-hoạch hợp thời để cứu nước, nhưng than ôi, đây chỉ là tiếng kêu gào trong sa-mạc. Cái học từ-chương không thực-tiến đã thất-bại nặng nề trước khoa-học và kỹ-thuật Tây-phương. Các thi-văn ủy-mị đời Tự-Đức không chống được thần-công đại-bác của quân xâm-lãng tàn-bạo...

Cuộc thành bại đã rành rành trước mắt !

Tuy nhên bình tâm mà xét cho kỹ, thì vào buổi giao-thời giữa Đông-Tây, sĩ khí nước Nhật cao, bản-tính người Nhật rất chịu khó, cố-gắng và kiên-nhẫn, hoàn-cảnh rất thuận-tiện cho phong-trào

Duy-Tân đời Minh-Trị sau này, nhưng Nhật lại còn có cái may mắn hơn Việt-Nam là nhờ nhiều cường-quốc Tây-phương đến Nhật cùng một lúc, và Nhật tuy bị bắt buộc nhưng cũng đã kịp thời ngoại-giao với tất cả các cường quốc ấy, để ngoại-nhàn vì cái thế liên-lập giữ miếng nhau mà không riêng một nước nào có thể dành riêng cho mình miếng mồi Nhật-Bản. Giả sử lúc đó, riêng một Hoa-kỳ hay Anh-Quốc đánh chiếm Nhật để đô-hộ mà không bị các nước khác cản trở thì Nhật cũng khó bề thoát khỏi ách lệ-thuộc ngoại-bang đầu cho trình-độ Âu-học đã đi trước nước ta.

Việt-Nam kém về phương--tiện du-nhập các môn học Tây-phương và nhân-sĩ trong nước chưa kịp xoay chiều đổi hướng cho kịp đà tiến-hóa của tư-tưởng khoa-học Tây-phương... lại còn rủi bị ở cái thế các cường-quốc đã chia nhau qua phần các khu-vực chịu ảnh-hưởng và xâm-chiếm. Anh đã chiếm được Ấn-độ, Tân-gia-ba, Miến-điện, Mã-lai, và để cho Pháp rảnh tay chiếm Đông-dương, đặt nền đô-hộ lên Cao-miên, Ai-lao và Việt-nam. Xiêm-la (tức Thái-lan ngày nay) được xem như miền trái độn giữa Anh-Pháp và hai nước này đã như ngầm đồng-ý không ai chiếm miền trái-độn ấy để tránh sự động chạm giữa hai thế-lực tranh đua nhau. Hoa-kỳ đã được phần chiếm Phi-luật-tân không muốn va chạm với Anh-Pháp, Nga chưa dòm ngó đến Miền Nam và ngoài đại-dương...

Nhưng với hoàn-cảnh nước Việt-Nam lúc bấy giờ thì dầu không bị xâm-

chiếm, cũng khó tiến-bộ mau chóng và hùng mạnh như Nhật-bản được.

oOo

Dầu sao đối với chúng ta ngày nay, bài học của Nguyễn-Trường-Tộ và Y-Đằng Bác-Văn thật đáng suy-ngẫm. Xã-hội Nguyễn-Trường-Tộ không giúp cho nhà chí-sĩ Việt-Nam thành-công, mà xã-hội Y-Đằng Bác-Văn đã giúp cho ông và đồng-chí của ông thành-công rực-rỡ. Sự thành-bại của một nước không thể do một người hay một phe nhóm tạo nên, mà do tất cả sĩ-phu trong nước phải chịu trách-nhiệm, với sự thành-tâm đóng góp của toàn thể nhân-dân. Sự đoàn-kết giữa những người lãnh-đạo quốc-gia và các đoàn-thể trí-thức, các phe đảng, và cả quảng-đại quần chúng là điều cần-thiết cấp-bách cho sự sống còn của dân-tộc trong những giai-đoạn nguy-ngập như thời-kỳ Nguyễn-Trường-Tộ cũng như trong thời-kỳ chúng ta đang sống hiện nay!

ĐÀO-ĐĂNG-VỸ

SÁCH MỚI

Điều buồn giao - chỉ tập thơ của Nguyễn Văn Đệ do Nguồn xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 80 trang, gồm trên 60 bài thơ. Giá 100đ.

— Vành khăn tang cho tuổi tập thơ của Trần Sao Hoa do tác giả xuất bản và gửi tặng. Sách dày trên 20 trang gồm 10 bài thơ. Giá 55đ

— Hình bóng cũ truyện của Tuy Hiền do Huy Hà xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 60 trang, khổ 10x20. Giá 60đ

Cai Ma - túy theo Đông - Y

Đáp ứng lời kêu gọi chính đáng của tòa soạn Tạp-chí Bách-Khoa đăng trong số 349, để giúp phần nào các bạn thanh niên thiếu lý tưởng, chán chường giữa nếp sống cuồng loạn của thị thành cũng như các quân nhân qua bao nhiêu tháng năm dài cô đơn giữa tiếng nổ vang rền của bom đạn trong khói lửa và các bạn kỹ-nữ phải thức suốt bao đêm tàn chiều-chuộng, kiếm cách giải sầu cho những khách làng chơi ngoại-quốc man mác buồn tưởng nhớ quê-hương, nên đã lỡ sa chân vào địa-ngục môn của Ma túy, tôi trình bày sau đây những phương pháp cai ma-túy của Đông-phương ngõ hầu quý bạn có phương tiện tự cải tạo lại thể chất và tinh thần để mà vui sống và làm lại cuộc đời tươi đẹp hơn vì có lẽ hơn ai hết các bạn đã rõ thế nào là sự đau khổ của nô-lệ, của địa-ngục...

Sự bắt ghien của các chất ma-túy hết sức ghê-rợn đã âm-thâm biến những kẻ tự hào giàu nghị-lực phải trở thành nô-lệ một thói quen khó bề chống-cự. Người ghiền ma-túy ngày nay đa số ở trong giới trẻ, là những kẻ khí huyết đang độ phương-cương mà sự lạm dụng phung-phí xem qua đường như không gây tổn-nại nao, hay đau vì vậy mà chất độc của ma-túy đã thâm nhập tạo cho nạn-nhân một bệnh ghiền kinh-niên. Bị rang buộc trong vòng xích do tự mình rèn đúc, thân-thể, óc-não, ý-chí suy-mòn liệt-nhược vì chất độc tàn-phá, hủy hoại trong tế bào, trong thần-kinh-hệ nên một khi thiếu chất ma-túy kẻ ghiền đi đến chỗ không từ-nan một hành-vi xấu-xa, phi-pháp nào mà không làm để làm lắng dịu cơn ghiền. Họ đã bán hồn cho quỷ dữ. Từ một con người tốt họ trở thành một kẻ vô-lương khi cơn ghiền hành-hạ.

Trước một người ghiền, sự vật-vã vì thiếu ma-túy của họ còn to lớn hơn tất cả sự đau khổ mà người ghiền

gây cho gia-đình họ. Họ không ngần-gại gì mà không vót tiền mua ma-túy để thỏa mãn cơn-ghiền mặc cho gia-đình, vợ con đói cơm rách áo. Với bất cứ giá nào họ cũng phải xoa dịu tạm thời cơn vật-vã. Đa số người ghiền lúc ban đầu dùng ma-túy là để nhận chìm đau khổ, phá đồ thành sầu nhân-thế bao la... nhưng đến khi mắc ghiền rồi thì họ dùng ma-túy bởi vì họ khốn-khổ — sự khốn-khổ gây ra do chất ma-túy họ đã dùng như một khí cụ diệt khổ hứa-hiệu — và tìm thay một sự đình hoãn giả-định bằng cách tiêm, hút, uống thứ ma-túy gây ra sự khốn-khổ cho họ. Họ đã làm lớn và họ đã thực sự biến thành những người bệnh: họ bị bứt-rứt quá đổi, thần-kinh suy nhược chẳng để cho họ một giây lát nghỉ-ngơi...

Mọi hình-thức nghiệm-độc đều là những sự tìm kiếm nông-nổi một sự «thoa dịu». Nhưng kẻ lãnh mạnh không dùng những độc dược để xoa dịu. Những thể xác kích - động, những bộ thần-kinh dễ kích - thích

được xoa dịu bằng chính các chất gây ra kích - động và kích - thích. Người ghiền cà-phê làm lắng dịu cơn nhức đầu bằng cách uống thêm một ít cà-phê là chất chính nó đã gây ra chứng nhức đầu cho người dùng trước kia. Người ghiền nha-phiến làm êm dịu các giây thần-kinh với chất nha-phiến là nguyên-nhân đã gây ra sự suy-nhược cơ-thể.

Nói cho đúng ra không có sự đối với thuốc men cũng như sự thèm khát đối với một độc dược nào nơi những người nghiện-độc như người ta thường lầm tưởng. Sự khát-vọng nơi một chất ma-túy chỉ là một phản ứng vật-vã đặc-biệt và rất khó chịu do sự suy-nhược và sự tổn-hại gây cho cơ-thể... Đây không phải việc đòi hỏi sự hưng-phấn hay đê-mê — cũng không phải một sự đòi hỏi bô-túc độc-dược, sự đau đớn, sự suy nhược — nhưng là một tiếng kêu trong tình-cảnh nguy-nan. Cho nên cái điều cần-thiết thực sự là sự nghỉ-ngơi và sự dừng lạm-dụng. Sự « xoa dịu » tiếp theo sau khi dùng một lượng ma-túy là hư-ảo, tưởng-tượng.

Thiếu ma-túy người ghiền cảm thấy yếu ớt, bủn rủn. Sau khi dùng chất ma-túy, họ vẫn yếu-đuối suy-nhược như vậy nhưng họ không ý-thức được điều đó. Ma-túy chỉ xóa ý-thức họ về điều-kiện thực-tại trong một khoảng thời-gian nào đó. Con người trở nên gắt-gông và thiếu nhân-nại khi thiếu ma-túy. Sự gắt-gông và thiếu nhân-nại chỉ là những triệu-chứng gây ra do chất ma-túy kích-thích hoặc xoa dịu

và người ghiền cứ giữ thành thói quen mãi về sau.

Sự ngưng nghỉ tạm thời những cảm giác yếu đuối và đau đớn, sự « xoa dịu » tạm bợ có thể thu hoạch được nhờ một liều lượng ma túy là nguyên nhân của sự đau khổ khiến kẻ nạn nhân đáng thương tưởng lầm rằng sự vật vã kia là một khát vọng dữ dội về chất ma túy thường dùng đó. Xem đây ta có thể giải thích sự việc thói quen ghiền thuốc biến đổi thành thói quen « xoa dịu ». Người ta nói rằng hút (hay hít, tiêm, ngậm...) quen thành ghiền, ghiền tức là thói quen vậy. Thói quen không phải do thuốc mà do người tạo nên vậy. Con người thực tế là một con vật tạo ra những thói quen. Vì một lý do nào đó, họ dùng một chất độc một lần đầu tiên, thế rồi sau đó họ dùng đi dùng lại vừa để tìm lại khoái cảm ban đầu vừa như một phương tiện thoát khỏi một tình trạng vật vã ..

Ngày xưa ở Á-Đông hầu như không có nạn ghiền ma-túy. Thật ra thì nha phiến gốc vốn ở Á-rập đã du nhập vào Trung-hoa từ khoảng đời nhà Đường. Tên « Á-phù-dung hay « Á-phiện » của nó cũng đều do tiếng Á-rập là « Afun » đọc trại ra nhưng ban đầu người Trung-hoa chỉ dùng cốt để trị bệnh. Người Trung-hoa thực-sự mang nặng nghiệp ghiền kể từ ngày người Hồng-mao đầu độc dân-tộc này vào đầu thế-kỷ thứ 18 và đến đời vua Đạo-Quang nhà Thanh thì gây thành trận chiến tranh Nha phiến (1840-1842) ghi đậm trong lịch sử loài người một vết như

về dã tâm cùng hung cực ác của bọn thực dân.

Giiền ma túy được Đông y xem như một chứng bệnh gây ra do một sự đầu độc dần dần tạng phủ đưa đến một tình trạng suy nhược mất

quân bình Âm Dương trong cơ thể con người.

Phép cai cho người hút thuốc phiện được gọi là *giới yên* đại để có 3 cách :

A. — TRỊ-LIỆU BẰNG DƯỢC-PHẨM

1) Theo mạch lạc, Âm Dương của cơ thể :

—a) Phép giới yên cho người Âm hư, miệng lưỡi khô khan, không tân dịch đại tiện bôn :

Dùng thang «ĐẠM THÁI LỤC TRÀ DIỆP GIỚI YÊN».

Lục trà diệp	1 lượng
Đạm trà	1 lượng
Muối sống	4 đồng cân
Sái thuốc phiện	4 đồng cân

(mỗi thang sau bột 5 phân cho đến khi hết).

hoặc thang «SÂM YẾN BÁCH BỒ GIỚI YÊN»

Nhị hồng sâm	1 đồng cân
Minh đảng sâm	2 đồng cân
Mạch môn	2 đồng cân
Bạch linh	2 đồng cân
Đỗ trọng	2 đồng cân
Sứ quân tử	2 đồng cân
Mẫu lệ	3 đồng cân
Cam thảo	4 đồng cân
Hạt sắc	1 đồng rưỡi
Hồng táo	1 lượng
Yến oa	2 đồng cân
Lô đảng sâm	2 đồng cân
Ngọc trúc	2 đồng cân

Nữ trinh tử	2 đồng cân
Bối mẫu	2 đồng cân
Tang thâm	2 đồng cân
Anh túc xác	4 đồng cân
Tần bì	1 đồng rưỡi
Trầm hương	5 phân
Sa đường	2 lượng

Tất cả đem nấu cao hoặc làm hoàn.

—b) Phép giới yên cho người Dương hư, tay chân không ấm áp, bụng lạnh hay sôi, đi tả, miệng không khát nước (Tỳ Dương hư) :

Dùng thang «LÝ TRUNG GIỚI YÊN»

Đảng sâm	3 lượng
Cam thảo	3 »
Bạch truật	3 »
Cần cương	3 lượng
Xích đương	3 »
Chỉ thiết tử	3 »

—c) Phép giới yên cho người Dương hư (Thận Dương hư), tinh lạnh, dương vật bất cử, chân lạnh, sắc mặt bạc trắng, miệng không khát nước :

Dùng thang «GIA VỊ BÁT VỊ GIỚI YÊN»

Thục địa	8 lượng
Sơn thù	4 »

Đơn bì	3 lượng
Phụ-tử	1 »
Xích đường	2 »
Bạch linh	3 »
Sơn dược	4 »
Nhục quế	1 »
Chỉ thiết	2 »

Nếu Thận Dương hư quá thì gia thêm « Lộc nhung »

— d) Phép giới yên người Âm Dương đều hư.

Dùng thang «LÂM VĂN TRUNG CÔNG GIỚI YÊN»

Minh đẳng sâm	4 đồng cân
Hoàng-kỳ	4 » »
Ngọc trúc	4 » »
Anh túc hoa	4 » »
Quạt hồng	4 » »
Triển phúc hoa	2,4 » »
Ích trí nhân	2,4 » »
Xích sa đường	2 lượng »
Phục linh	4 đồng cân
Lô đẳng sâm	4 » »
Bào cương	4 » »
Đỗ trọng	4 » »
Cao khi	4 » »
Bán hạ	2,4 » »
Hồng táo	4 » »

Tất cả nấu cao, uống dần.

— e) Phép giới yên cho người Âm-Dương chưa hư :

Dùng thang «CAM THẢO XUYÊN BỐI GIỚI YÊN»

Cam thảo	8 lượng
Xuyên bối mẫu	4 lượng
Đỗ trọng	4 lượng
Đường trắng	1 cân

Nấu thành cao.
hoặc dùng thang «TỬ BỐI KIM NGƯU GIỚI YÊN»

Tử bối kim ngưu thảo	2 đồng cân
Đường phèn	1 cân
Cao thuốc phiện	2 đồng cân
Nấu thành cao uống dần.	

— g) Phép giới yên cho người khí huyết đều hư.

Dùng thang «GIA VỊ THẬP TOÀN ĐẠI BỒ GIỚI YÊN»

Đẳng sâm	1 lượng rươi
Thục địa	1 » »
Hoàng kỳ	1 » »
Bạch truật	1 lượng
Đương qui	1 »
Bạch thược	1 »
Nhục quế	1 »
Xuyên khung	8 đồng cân
Bạch linh	8 » »
Cam thảo	8 » »

Nấu cao xong thêm vào 4 đồng cân cao thuốc phiện.

h) Phép giới yên cho người Thận hư di tinh.

Dùng thang «GIA VỊ LỤC VỊ GIỚI YÊN».

Thục địa	8 lượng
Sơn dược	4 lượng
Bạch linh	3 lượng
Khiếm thiết	2 lượng
Tật lê	2 lượng
Ngưu tất	2 lượng
Sơn thù	4 lượng
Đơn bì	3 lượng
Trạch tả	3 lượng
Liên tu	2 lượng
Đỗ trọng	2 lượng

—i) Phép giới yên cho người Tỳ hư tiết tả.

Dùng thang «BỒ TRUNG ÍCH KHÍ GIỚI YÊN»

Nhân sâm	1 lượng
Đương qui	5 đồng cân
Cam thảo (chích)	1 lượng
Thăng ma	3 đồng cân
Sanh cương	20 lát
Hoàng kỳ (chích)	1 lượng rưỡi
Bạch truật (sao)	1 lượng
Trần bì	5 đồng cân
Sài hồ	3 đồng cân
Đại táo	20 quả.

—k) Phép giới yên cho người tâm hư không ngủ được.

Dùng thang «GIA VI THIÊN-VƯƠNG BỒ TÂM GIỚI YÊN».

Đảng sâm	5 đồng cân
Bạch linh	5 đồng cân
Huyền sâm	5 đồng cân
Cát cánh	5 đồng cân
Viễn chí	5 đồng cân
Đương qui	5 đồng cân
Ngũ vị	1 lượng
Mạch môn	1 lượng
Tiên môn	1 lượng
Đơn sâm	1 lượng
Hắc táo nhân	1 lượng
Sanh địa	4 lượng
Bá tử nhân	1 lượng

Nấu cao, thêm 4 đồng cân nhựa thuốc phiện.

Ngoài thuốc thang ra phải lưu tâm điều dưỡng kết quả mới mong chóng thu hoạch được.

Phép điều dưỡng:

Trong thời kỳ giới yên phải thanh

tâm, quả dục, kỵ phòng sự, kỵ sự nghi, kỵ giận hờn, kỵ thức khuya. Điều chủ yếu là người giới yên phải quyết tâm.

Phép thanh trường vị:

Mỗi buổi sáng sớm uống một ly nước nóng có hòa một ít muối sống hơi mặn mặn để tẩy sạch tích độc của nha phiến trong trường vị, tăng phủ.

2) Theo kinh-nghiệm:

Các phương thuốc này được gọi là «KINH - NGHIỆM LƯƠNG PHƯƠNG».

— a) «ANH TỨC XÁC ĐỔ TRONG GIỚI YÊN NGHIỆM PHƯƠNG»

Anh túc xác	1 cân rưỡi
Xuyên Đò-trọng	6 lượng
Bào cương	5 lượng
Vân linh	4 lượng
Đảng sâm	1 cân
Sa-nhân mẽ	2 lượng
Trần bì	3 lượng
Sơn tra nhựt	6 lượng

Nấu cao mà dùng.

— b) Cam thảo nấu cao trộn với thuốc phiện mà hút vài ba ngày thì không muốn hút nữa.

— c) «NGÂN HOA ĐẢNG SÂM GIỚI YÊN NGHIỆM PHƯƠNG»

Đảng sâm	2 lượng
Triển-phúc hoa	5 đồng cân
Mạch môn	1 « »
Bạch thược	1 « »
Mộc qua	1 « »

Sài-hồ	4	đồng cân
Đỗ-Trọng	4	“ ”
Kim ngân hoa	5	“ ”
Sanh địa	5	“ ”
Thiên môn	1	“ ”
Vân linh	1	“ ”
Ngô du	4	“ ”
Sa uyển	4	“ ”
Sái thuốc phiện	2	“ ”

Uống đến thang thứ 5 thì không lỏ vị sái thuốc phiện vào nữa.

— d) « LÔI HOÀN GIỚI YÊN NGHIỆM PHƯƠNG »

Lôi hoàn	30	hột
Sanh kỳ	3	lượng
Sử quân tử	70	hột
Cam thảo	1	lượng

Nghiền 4 vị này lấy nước hoa Anh túc viên làm hoàn như hạt đậu, ăn mỗi cử ba hột.

— e) Trứng gà sống 1, 2 quả

Sau khi hút ăn sống một vài quả, 3 tuần sau nghe mùi thuốc phiện thì mửa, ba ngày liền không thèm nữa.

— g) Cây Bồ công anh : 1 lượng

Cách dùng : Nấu với thịt heo mà ăn, cách 1 ngày một lần. Ăn xong sẽ đi tả, dù có mệt cứ nằm ngủ đến lúc tỉnh dậy sẽ vô sự. Kiên chí mà dùng sẽ kiến hiệu như thần.

h) « GIỚI YÊN THẦN PHƯƠNG »

Sài hồ	2	đồng cân
Bắc sa sâm	1	“ ”
Tần giao	1	“ ”
Kim anh tử	2	“ ”
Ngưu tất	2	“ ”

Xuyên sa nhân	1	đồng cân
Thăng ma	1	“ ”
Mộc qua	1	“ ”
Chích huỳnh kỳ	2	“ ”
Quảng mộc hương	1	“ ”
Chánh quất hồng	“	”
(tứ chế)		

Cam thảo	1	đồng cân
Xuyên bối mẫu	1	“ ”
Ư truật	2	“ ”
Đương qui thân	2	“ ”
Thục đoạn	1	“ ”
Bắc Đỗ-trọng	1	“ ”
(sao mật)		
Đào hoa	2	“ ”
Anh túc xác (sao mật)	2	“ ”
Nhựa nhứt	2	“ ”
Gừng sống	1	“ ”

Bi chú : Tứ chế là tằm đi sao lại 4 lần bằng 4 thứ : rượu, dấm, nước muối, nước tiểu con nít.

Cách dùng : Sắc uống 1/3 trước cử hút và 2/3 sau cử hút Uống lúc thuốc còn ấm, nếu nguội thì hâm lại. Trong lúc uống thuốc phải nghỉ ngơi, tĩnh dưỡng, trong thời gian uống cai phải tắm cho hường và mỗi ngày phải giảm hút lần, ít nhất là 2 điều. Bài thuốc này nhiều người đã dùng đều công nhận là rất thần hiệu.

(còn tiếp 1 kỳ)

VÕ-THỊ THANH-ROÀN

Kỳ tới : Trị liệu bằng cách ăn uống theo nguyên lý Âm Dương và bằng phương pháp tuyệt thực

Đường lên Berlin

(Tiếp theo BK số 358)

Đúng 15 giờ, giáo-sư Kunze dẫn chúng tôi đi « giới-thiệu với Berlin ». Chúng tôi đi bộ qua Hohenzollern Platz, sang đại-lộ Fasanen, Uhland đến Kurfurstendamm, khu phố rộng-rạp, sang-trọng nhất Berlin.

Trời vào Thu, lá vàng ngập lối. Mùa Thu ở Berlin thật đẹp, đẹp như tôi chưa bao giờ được thấy ở những miền đất Á-Châu khác. Cũng heo may lành-lạnh, nhưng cái lạnh ấm-áp, dễ-chịu, không tê buốt như ở Luân-đôn hay khô-se như miền Bắc Ý. Cây cối hai vệ đường không mang vẻ úa rả, tàn-tạ, mà lộng-lẫy hẳn lên, màu sắc đột-biến, phong-phú khiến liên-tưởng đến khu rừng Xuân Đông - Phương diễm-ảo. Những chiếc lá vàng xào-xạc dưới chân sẽ giữ nguyên màu sắc qua suốt mùa Đông, dưới lớp tuyết phủ. Cho đến mùa Xuân, tuyết lạnh rã tan, lớp lá cũ mới chịu biến-đổi hình-hài. Tôi chợt hiểu tại sao chữ « Romantisch » được khai-sinh từ nước Đức mà không từ những xứ Âu-Châu khác và tại sao nước Đức có được những thiên-tài ngoại-hạng như cỏ thi-hào Goethe.

Đầu tóc bạc-phơ của vị giáo-sư già tung bay trong gió. Khuôn mặt hồng-hào rạng-rỡ. Ông đi sát vào tôi, tâm-sự :

— « Ông Nguyễn ạ ! Lúc nhỏ tôi học ở Đại-học Berlin, lớn lên có dịp

đến Berlin ít lắm cũng trên 20 lần, thế mà lần nào tôi cũng không ngăn được cảm-xúc. Mỗi lần đến lại thấy Berlin sáng lên một chút, đôi khác đi ít nhiều. Nhất là khu Kurfurstendamm này. Sự đôi khác đó làm cho con người phấn-khởi và xúc-động. « Giọng nói ngắt quãng, trầm-trầm hết sức chân-thành của Ông khiến chính tôi cũng xúc-động lây. Thì ra, sau những khuôn mặt trầm-ngâm, nghiêm-nghị ; nghiêm-nghị đến độ tưởng như làm-li tàn-ác, mỗi người Đức đều ẩn-chứa một tình-cảm nồng-nàn, một hồn-thơ lai-láng. Điều ấy giải-thích tại sao khi tòa-án Nürnberg tha bổng một số nhân vật Đức-quốc-xã, dân chúng Đức đã tự-động vỗ lấy, trừng phạt không nương tay. Không riêng giáo-sư Kunze cảm-xúc mỗi lần đến Berlin mà tất cả mọi người Đức đều dành cho Berlin những cảm-tình đặc-biệt nhất. Tình-cảm nồng-nàn, tha-thiết bàng-bạc trong lời ca điệu hát :

« Ich hab' so Heimweh nach dem Kurfurstendamm ».

« Ich hab' so Heimweh nach meinem Berlin. »

« Und war'n wir och in Frankfurt, Munchen, Hamburg oder Wien « de' is Ja alles nischt, denn Berlin bleit doch Berlin » (1)

(Kurfurstendamm ta nhớ làm sao,

(1) Dân ca Đức

Berlin ruột thắt gan bào thương mong.

Hamburg, Frankfurt phiêu bồng,

Thành Wien lê gót tận cùng Mun-chen ;

Mà nào có thấy đâu hơn,

Berlin muôn thuở vẫn còn Berlin

Kurfurstendamm càng về chiều càng tấp-nập. Hàng trăm chiếc tủ-kính, chế tạo đặc-biệt, đặt dọc theo hè phố ngay lề đường bộ-hành, trưng-bày hàng-hóa cho du-khách xem, đề quảng cáo. Từ những xâu chuỗi ngọc đất tiền đến một đôi bít tất mỏng, từ một chiếc tả trẻ con đến những ki-âu súng săn, không thiếu một vật gì. Mỗi loại hàng có nhiều mẫu, nhiều giá, du-khách tha-hồ nhìn ngắm, lựa-chọn. Nhà cửa trong khu này toà toà mới kiến-thiết nên vẻ sáng-sủa long-lẫy làm chói mắt du-khách. Thêm vào đấy sự sạch-sẽ cố-hữu của dân Đức càng tôn thêm vẻ yêu - kiều cho thành - phố. Đờng-sá đông-đặc nhưng không có lấy một tàn thuốc lá, một cọng rác. Khắp mọi ngõ-ngách đặt những chiếc giỏ kim-khí sơn phết hoa-hồng, đề chữ Abfalle (giỏ rác), dù cho kẻ bần-thiêu nhác-nhớn đến đâu cũng không thể vứt bừa rác-rưởi xuống đường khi chiếc giỏ rác quẹo-rủ nằm ngay trước mặt. Nhìn chung toàn bộ, dân Berlin có một cuộc sống sung-túc, giàu có ; áo quần người nào cũng tiêm tất, sạch sẽ, nếu không muốn nói là đa-số rất sang-trọng, diêm-dứa. Thịnh-thoảng mới thấy người ăn-mày, nhưng kiểu ăn mày này phong-lưu, lịch-sự hơn đồng

ngiệp của họ ở Việt-nam nhiều. Ăn-mày cụt mất một chân nhưng diện đồ-lớn tiêm-tất, cõ-cồn cà vạt, ngồi ở một góc phố, đề ngữ, chiếc mũ trước mặt, im-lặng không van-nài xin-xỏ gì ; mọi người đi qua, tự-động bỏ vào mũ một ít tiền lẻ, thế thôi. Một kiểu ăn-mày khác kiếm được nhiều tiền hơn mà tôi được thấy ở Joaschims-trasse là một em bé ăn mặc sạch sẽ cầm một chiếc ngầu, đứng bên một chú lừa con khâu khính, lông mượt láng, tai vênh cao. Mọi người đi qua, thấy con lừa dễ thương, tự nhiên đứng lại vuốt ve ; mấy cụ già còn ôm hôn con lừa một cách thương yêu tha thiết, và chỉ trong vòng 20 phút, chiếc ngầu của em đầy ắp những đồng Pfennig vàng ánh. Loại ăn mày đứng đường ở Đức hầu hết là những kẻ thực sự cố-cùng, hoặc do nghiện ngập bệnh hoạn, hoặc thân thể tàn tật (thường là cựu chiến binh) bắt-đắc-dĩ không xoay trở vào đâu được mới phải chường mặt xin xỏ ; chứ đa số nguy trạng sự ăn-mày dưới hình thức mời mọc bán cho khách qua đường những sợi dây giày, những hộp xia ra, những tấm bưu ảnh... lẻ tất nhiên giá cả có phần mắc hơn một chút, nhưng khách vẫn sốt sắng mua để giúp đỡ họ. Vào dịp lễ Giáng sinh, thường thấy báo chí Đức kêu gọi mọi người vì tình Thiên Chúa, dẹp bỏ mọi mua sắm xa xỉ để dành tiền giúp người nghèo khổ. Họ mô-tả cảnh sống thiếu bánh mì, lò sưởi, áo rét khiến ai cũng mũi lòng. Nhưng thú thật, dù tôi cố công tìm kiếm, vẫn chưa thấy một gia đình nào nghèo nàn đến độ như thế. Nếu thực có vậy thì với

hời lướt ở Đức chắc chắn họ không thể sống nổi. Tôi cũng đã đến sờ tìm việc làm để xem mức độ thất nghiệp của người Đức đến đâu, nhưng điều tôi nhận thấy, những kẻ thất nghiệp không phải là người Đức mà là dân các xứ Cộng sản Đông Âu tràn đến. Những người Ba-lan Tiệp-khắc, Hung gia-lợi bỏ xứ đến nước Đức tìm kế sinh nhai, trông màu da và dáng điệu của họ phân biệt được ngay. Lẽ tất nhiên thành phố hoa lệ nào mà chẳng có mặt trái của nó, nhất là ở xã-hội tư-bản sự giàu nghèo quá chênh lệch, nhưng Berlin cho du khách cảm tưởng cái mặt trái ấy nhẹ nhàng hơn, ít thể thảm hơn.

Đi một lúc mỗi chân, giáo sư Kunze nói với chúng tôi :— « Berlin là một Kuchen (bánh ngọt) chúng ta nhắm nhấp từ-từ mới trọn hưởng cái mùi vị của nó. Hôm nay mục giới thiệu kể như đã xong. Tôi mời các anh vào Kranzler.» Mọi người vỗ tay hoan hô. Kranzler là tiệm giải khát sang trọng, danh tiếng nhất Berlin, nằm ngay ở một ngã tư rộn nhịp. Chúng tôi lách qua đám khách uống ngồi chật ních, bàn ghế đặt tận bờ đường, treo cầu thang hình xoắn ốc lên tận tầng lầu ba, vẫn không tìm được một chỗ trống. Đám khách theo sau chúng tôi, lắc đầu quay lui. Cô Ess bèn khoát tay mời chúng tôi sang tiệm Mohring cách đây một quãng. Chúng tôi được quyền gọi mỗi người một thức uống và một đĩa bánh ngọt (theo đúng chương trình của viện Goethe). Việc chọn bánh cũng là một kỳ công. Nhà hàng có đến mấy chục

thứ bánh, đọc tên lên không biết nên chọn thứ nào, vì cái tên nào cũng hấp dẫn làm rệu nước miếng cả. Anh bồi bàn (người Đức gọi một cách trịnh trọng là Herr Ober) đề nghị dẫn tôi đến tận quầy tùy ý lựa chọn. Mấy cô bán hàng mặc áo trắng tinh tay cầm dao sáng-loáng chỉ vào từng đĩa giăng-giải. Nào là Reiskuchen (bánh bột gạo — Có lẽ họ thấy mình dân Á-Đông) Sahnekuchen (bánh kem), Kuchen mit Schokoladekreme (bánh kem với socola), mit Kase (bánh pho-mát), mit Mandeln (bánh hạnh nhân), Pflaumen (bánh mận, Aepfel (bánh táo), Pfirsich (bánh đào), Aprikosen (bánh mơ), Erdbeeren (bánh dâu đất), Himbeeren (bánh dâu da), Heidelbeeren (bánh dâu núi), Feigen (bánh vả), Reineclauden (bánh mận Hoàng-Hậu Claude), Studentenfutter (bánh học-trò mà bọn sinh-viên khu La-tinh ở Paris quen gọi là bánh ăn-mày-des mendiants—)... Nghe kể một tràng dài tôi choáng-váng đầu, cuối-cùng cây nhà lá vườn vẫn hơn, tôi chọn loại bánh Kirschen. Kirschen là một loại trái cây lớn bằng trái nhãn lồng ở xứ ta, màu đỏ ối, bỏ vào miệng cắn, chất nước ngon-ngọt nhuộm đỏ răng trông như ma-cà-rồng hút máu, do đó chúng tôi vẫn quen gọi trái ma-cà-rồng. Cây Kirschen cao khoảng bốn, năm thước, lá nhỏ, đến mùa Kirschen chín trông rất đẹp mắt. Tôi thường ra vườn trèo lên rung nhẹ vài cái đã thấy mặt sần-xi-măng bên dưới lấm-tấm đỏ thắm. Vì thế chưa hết mùa, cây đã hết trái, tôi phải mang giỏ xuống quán bên cạnh nhà mua mỗi

Pfunde (bằng 1/2 kí-lô) giá 80 Pfennig (khoảng 30 đồng VN) về nhai cho «bồ máu, tăng hồng-huyết-cầu» theo lời bà chủ nhà. Chúng tôi vừa ăn bánh, uống nước trà vừa nhìn thiên-hạ qua lại như nước chảy. Berlin quả là nơi đô-hội, người tứ-xứ ùn-xô đến họp mặt, đủ mọi quốc-tịch, mọi chủng-loại, ngay người Đức, tinh ý một chút cũng có thể phân-biệt được người nào là dân Bắc-Đức, người nào là dân Schwaben (Alemanen), Bayern, Franken... Không chỉ ngôn-ngữ mà ảnh-hưởng của phong-tục, tập-quán đã tạo cho mỗi chi-nhánh (Stamm) của giống dân Germanen một sắc thái đặc biệt. Người ta không biết rõ chữ Germanen có nghĩa đích-thực là gì. Các nhà ngôn - ngữ - học kể thì cho rằng nó có nghĩa là những người giỏi dùng giáo mác (Speer-Manner), kể lại biện-minh đó là những người sống trên rừng núi (Bewohner des Waldes) hay là một dân-tộc lân-cận (Nachbarn). Tất cả chỉ là những giả-thuyết. Duy có điều chắc-chắn là bộ tộc ấy được xem như cội rễ nhất Âu-Châu. Bộ - tộc Germanen đã kết-hợp với những bộ-tộc khác sinh ra các giống dân Anh, Pháp, I-pha-nho... sau này. Và cũng chính bộ-tộc này là kẻ đầu-tiên can-đảm chống-đối mộng cuồng-chinh của người La-mã. Ngay chữ «Deutsch» người Đức dùng để chỉ tất cả những gì thuộc về dân Đức, do tiếng Đức cổ «diustisc» mà ra, chữ này lại bắt nguồn từ thô-âm «diot» có nghĩa là dân-tộc. Như vậy chữ «Deutschland» (Nước Đức) mà ta gọi ngày nay nguyên nghĩa của nó là «Xứ sở của dân-tộc». Dựng nước trên nền tảng triết-lý Dân-tộc nên ta không ngạc-

nhiên khi thấy dân Đức có tinh-thần quốc-gia nhiều khi cực-đoan và rất cao ngạo trong vấn-đề huyết-thống. Từ sau đệ - nhị thế - chiến, người Đức thường nói đến một «Cộng-đồng Âu-Châu» và họ mở cửa cho hàng-hóa của các nước khác tràn vào nước Đức. Bề ngoài tưởng chừng như tinh-thần quốc-gia của họ sa-sút cùn-mẫn, nhưng có sống với người Đức mới thấy được cái «bên trong» phong phú và quật-cường của họ. Ngoài những hàng-hóa cần-thiết không sản-xuất trong xứ (đa số là thực-phẩm), người Đức không ai bảo ai tự-động dùng đồ nội-hóa. Một phần vì hàng của Đức rất tốt máy-móc, cơ giới của Đức, nếu biết tu-bồ, gìn-giữ, có thể dùng cả một đời. Loại xe Mercedes, Volkswagen chạy bền nhất thế-giới. Bà chủ nhà trọ tôi kể rằng chiếc máy giặt hiệu Bosch mà thân-phụ bà cho làm của hồi-môn lúc bước lên xe hoa, sau 30 năm dài dằng-dặc, ngày nay chồng bà đã tạ-thế, cận cái bà đã khôn lớn có gia-đình riêng, thế mà còn dùng rất tốt, hàng ngày bà vẫn giặt-giũ áo quần của chúng tôi trong đó. Nhưng phần lớn là do tinh thần dân-tộc tiềm-ẩn sâu xa trong huyết-quản dân Đức, do ý-thức quốc-sĩ trước thực trạng thế-lương của đất nước họ. Nhờ sự tự-sĩ đó mà từ một đồng gạch vụn ngồn-ngang, từ một nỗi tuyệt-vọng ê-chề, ngày nay nước Đức vượt lên hàng thứ ba trên thế-giới, nhất là về phương-diện kỹ-nghệ. Đồng Mã-kim (Deutsche

Mark) sau những phiêu-lưu, thăng-trầm, hiện vững như bàn thạch, luôn-luôn cao giá khiến chú Sám ganh-tị, thèm-muốn, dưng mọi đôn chính-trị ma-giáo đề chèn-ép.

Theo chương-trình, chúng tôi phải về ăn cơm sớm để chuẩn-bị đến hi-viện Schiller-Theater xem trình-diễn nhạc-kịch. Buổi tối, nhà hàng dọn thức ăn nguội (Kalt). Đó cũng là một kiểu ăn độc-đáo của người Đức. Họ thường dùng bánh mì và thịt dồi hoặc phô-mát. Ăn xong, uống một tách trà cho dễ tiêu-hóa. Thịt dồi xức-xích lăm-tắm mỡ hạt lựu (Wurst) và thịt muối (Schinken) có đến hàng trăm thứ khác nhau, dân Á-Đông nào mới trông qua cũng le lưỡi ngáp ngửa, thế mà người Đức ăn ngấu-nghiến ngon lành. Trái lại, những hải-vị như tôm, cua, sò, mực ít thấy trên bàn ăn của họ, một phần vì các món đó đắt hơn thịt, phần khác họ sợ lạnh bụng, dễ sinh đùn sán và bệnh thời-khí. Riêng bánh mì, một chuyên-viên kiểm-soát thực-phẩm ở Berlin cho tôi biết có đến 2000 loại khác nhau. Người Đức khoái nhất loại bánh mì đen (Schwarbrot) và loại có rắc mè (Sesame) hay lúa mọng (Roggenbrot) trộn muối. Người Việt-nam mới sang Đức thấy lạ, nếm thử, anh nào cũng "xin chê" vì mùi hăng-hắc, thum-thum khó nuốt. Ở lâu, dần-dần quen mùi, thích-khẩu rồi đam «mê» như dân miền Trung, khi đã quen mùi, mê quá sâu riêng của miền Nam Loại bánh mì đen chường lớn và đắt tiền

hơn bánh mì trắng. Ngày xưa, món ăn chính của người Đức là khoai tây mà người Pháp thường chế-diệu trong một bài hát nhại giọng: «Kartoffeln! Kartoffeln! Kartoffeln!» (Khoai tây! Khoai tây! Khoai tây!) Khoai chiên hay luộc lên ăn trống, hoặc nghiền nát trộn với thức ăn khác. Ngày nay, sung-túc hơn, người Đức bỏ bớt khoai ăn nhiều thịt. Mỗi tuần vào ngày thứ sáu, họ ăn cá thay thịt. Cách nấu thức ăn của họ cũng đơn-giản, thường chỉ một món độc-nhất và nếu thích có thể thêm món xúp. Mỗi người trong nhà dùng muong nĩa gấp phần mình vào một chiếc đĩa riêng, vừa tiện vừa vệ-sinh. Trong bữa ăn họ uống bia hoặc rượu chát. Đó là buổi ăn trưa (Das Mittagessen). Còn buổi sáng (Fruhstuck), họ ăn bánh mì và mút trái cây (Marmelade), uống sữa và cà-phê trộn nhiều đường. Bà chủ nhà trọ tâm-sự với tôi rằng chất cà-phê đậm có khả-năng chữa bệnh mập. Đa số dân Đức nhất là đàn-bà mắc chứng mập-phi (có lẽ tiêu-thụ quá nhiều chất béo). Do đó kỹ-nghệ chữa bệnh bằng nước sôi và chà-xát cho tiêu mỡ phát-triển mạnh mẽ. Các Kurhaus (nhà chữa bệnh) mọc lên như nấm. Khác với xứ ta, ông già bà cả mỗi ngày mỗi teo-tóp, xương bọc da, ở Đức ngược lại càng già càng phi-nộn. Trông dáng dấp bở-tượng lệt-bệt của họ nhiều khi thấy phát sợ. Như vậy, ăn nhiều đâu phải là một hạnh-phúc. Tôi bỗng nghĩ đến những mâm cơm bốc khói ở quê-hương mình. Tuy mắm muối đậm-bạc nhưng bao giờ cũng có chất rau tươi thiên-

nhiên, cũng cơm sốt canh nóng, cũng có chút nước mắm ớt làm cho miệng lưỡi khong-khen. Ôi ! chất nước kỳ-diệu, vị thuốc trường-sinh của dân-tộc Việt ! Ngày tôi lên chơi Fuldata, gặp một cụ già từ ga Nürnberg lễ-mễ xách hành-lý lên tàu. Ông đứng với tôi ở cửa sò, nắm lấy bờ vai tôi thân mật hỏi : - « Tại sao ông gầy thế ? Ở xứ ông không có thịt à ? »

Tôi cười kể cho cụ nghe sự khác-biệt giữa hương-vị miệng thịt gà Việt-nam và chất xạp-xạp của gà đông-lạnh Âu-Mỹ mà tôi vẫn phải ăn hàng ngày dưới hầm quán Hettie. Sự khác biệt giữa chén cơm gạo gieo, gạo tám xoan, tô cháo lòng, bát bún bò, chiếc bánh khoái với những đĩa Fadennudelnuppe (xúp bún), Rindfleischsuppe (xúp bò), Nierenbraten (cật chiên), Hannelehn (nào cừu) nghe tên rất sang nhưng chỉ ngửi mùi đã thấy ớn tận óc. Mỗi dân-tộc trời cho một khẩu-vị riêng, những thức ăn cổ-truyền riêng. Nhờ khẩu-vị độc đáo đó mà suốt năm ngàn năm lịch-sử, dân-tộc Việt đã bảo-toàn được nòi-giống mình. Bọn giặc Tàu đã không thể đem thức « bát-trần » cám-dỗ, giặc Tây không thể đem bơ sữa mua chuộc và ngày nay thực-phẩm của Mỹ cũng không khuất-phục được dân Việt-nam. Những hộp thịt, hộp bơ Mỹ đã bắt đầu thấy đờ lăn-lóc và cốm dẹp, bột bắp chỉ dành cho heo ăn. Người Mỹ dùng trăm mưu ngàn kế, lũng-đoạn kinh-tế, phá-nát hoa màu, nung chết đất đai, cốt cho dân-tộc ta phải ăn gạo Mỹ, dùng cá thịt Mỹ, đờ ròi bán cả linh-hồn lẫn thề-xác cho

Mỹ. Nhưng họ đã thất-bại chua cay. Khẩu-vị của người Việt-nam vẫn là khẩu-vị riêng tư, không thể Mỹ-hóa, không thể thay-đổi, họa chăng họ đờ từng người Việt-nam xuống cạo bỏ hết những chấm vị-giác trong lưỡi đi, bỏ óc khoét hết những di-truyền tư-tưởng đi may ra mới thành-công. Ngay bọn vô-liêm-sĩ ham bơ sữa nhất, cũng chán-ngấy đồ Mỹ lên tận mang tai.

Đúng 1845, chúng tôi dùng tàu điện đến hí-viện Schiller-Theater ở đại lộ Bismarck, gần công trường Ernst-Reuter, khu lưu thông rộn rịp nhất Berlin. Hí-viện không lớn lắm nhưng kiến-trúc tân-kỳ, ngoài hành lang treo rất nhiều ảnh của hầu hết các nhà viết kịch lừng danh quốc tế. Schiller là tên một đại-thi-hào của nước Đức. Ông sinh ngày 10-11-1759 tại Murbach thuộc tiểu-bang Wurtemberg, con của một y-sĩ Đại-úy chuyên viên giải-phẫu Nổi nghiệp cha, ông vào quân trường Ludwigs do công-tước Wurtemberg, sáng lập. Nghề y-sĩ với năm bông gòn, chai thuốc đỏ, đã làm ông nhàm chán. Do đó xây sang đọc say-mê các tác-phẩm văn chương và bắt đầu viết lách. Tập kịch đầu tiên nhan đề « Lũ thảo khấu » trình diễn thành-công năm 1782 đã làm công-tước Wurtemberg nổi giận, cấm ông không được dự khán. Ông bất chấp thượng lệnh, tìm cách đến Mannheim xem trình diễn, do đó bị phạt 40 ngày trọng cấm. Tức giận, ông rời bỏ đơn vị, trốn tránh và sống thiếu thốn nhưng vẫn say-mê viết lách. Năm 1787, ông trôi nổi đến Weimar (hiện thuộc vùng Đông-Đức)

làm quen với thi hào J.W.Goethe (1)
Sau đó, vào dạy Sư-ký ở Đại-học Jena.
Cách-mạng năm 1789 bùng nổ ở Pháp,
ông nhiệt-liệt tán thành và bày tỏ mối
cảm tình đặc biệt của ông đối với
cuộc suy-tôn Nhân quyền. Chánh-phủ
Pháp phong tặng ông tước danh-dự
Công-dân Pháp. Ngày 9-5-1805, ông
từ trần giữa lúc các vở kịch « Don
Carlos », « Wilhelm Tell » đưa ông lên
tột đỉnh danh vọng. Bài thơ « Ode an
die Freude » (Bài ca lạc-thú) của ông
được nhạc-sĩ Beethovens phổ thành
Giao-khúc số 9 (Neunte Symphonie)
làm say mê hàng triệu người trên
khắp thế giới. Các nhà viết văn-học-
sử Đức xem Schiller như là một
bi`u-tượng oai hùng của kẻ sĩ dám
chống lại bọn quân phiệt, là nét sáng
sủa ý thức tự-do trước bạo lực cường
quyền.

Gáo sư Kunze phát cho chúng
tôi mỗi người một tấm vé màu đỏ,
ở một góc ghi cẩn thận bằng chữ in
ngày tháng và số ghế. Tôi ngồi ở
cánh trái (Parkett Links), hàng thứ 10,
ghế số 7, bên cạnh cô Ess và một
nàng Nam-Mỹ tên Maria Teresa Gracia.
Vở kịch nhan-đề « Katharina Knie » kể
chuyện một cô bé xinh đẹp, con của
một gia-đình làm xiếc dạo. Sắc đẹp và
tài nghệ diễn xuất của nàng lọt vào
mắt của một chàng trai hào hoa trong
xứ. Cô bé phân vân giữa tình yêu và
nghệ thuật, giữa tình yêu và gia đình
vì gánh xiếc của cha nàng sở-dĩ đông
khách một phần cũng do khán giả hâm
mộ nàng. Anh kếp chánh hay làm
đỏm cũng có tình ý với nàng. Nhưng

tiếng gọi của con tim mạnh hơn tất
cả mọi thứ trên cuộc đời. Cô bé hy-
sinh nghệ thuật, bỏ gia đình xách gói
theo tình yêu. Thế rồi, sau khi cha nàng
từ trần, cô bé một lần nữa lại phân
vân giữa nghệ-thuật và tình yêu.
Cuối cùng nàng hy-sinh tình yêu
quay về với gánh xiếc, tiếp nối
công việc của cha lặn xe đi trình
diễn. Cốt chuyện diễn ra trong hậu-
trường gánh xiếc, khán-giả chỉ nghe
tiếng hò-reo tán-thưởng những màn
đu-bay, nhảy lửa vọng ra từ sân-khấu
vô-hình làm bối-cảnh bên trong. Tôi
ghé tai Gracia hỏi nhỏ : — « Nếu đặt
cô vào trường-hợp đó, cô sẽ chọn tình-
yêu hay nghệ-thuật ? ». Cô bé e-thẹn,
suy-nghĩ một giây rồi trả-lời như một
bà cụ hiền-triết non : — « Anh quên
câu Ho bios brachus hê de tekhnê ma-
kra (Đời người ngắn-ngủi nhưng nghệ
thuật trường-cửu) của Hippocrates rồi
à ? ». Tôi ngẩn mặt tò te nhìn nàng
không chớp. Tôi không hiểu nàng quan
niệm nghệ-thuật như thế nào, nhưng
câu trả lời của nàng phản-ánh một
phần thực-trạng của các cô gái Âu-
Châu. Các nàng xem tình - yêu như
một trò giải-trí, một nhu-cầu nhằm
giải-tỏa những ản-ức của con người,
một thoa vuốt cho xác-thịt dịu xuống.
Và các nàng thay-đổi tình-nhân như
thay một chiếc áo, đổi một món ăn.
Lúc còn ở Passau, tôi đã chứng-kiến
một vụ thất-tình hết sức ảo-não mà
nạn nhân là sinh-viên Việt-nam, 18
tuổi mới sang Đức gần một tháng. Kể

(1) Hàng năm nhà cầm quyền Đông-Đức
tổ chức lễ kỷ-niệm hai thi-hào Goethe-Schiller
rất trọng thè tại Weimar.

gây thất-tình cho chàng tuổi trẻ là cô gái Mỹ, quê ở Boston, lớn hơn anh một tuổi, tóc bạch-kim, làn môi đỏ mọng, đôi mắt huyền-hoặc sáng rõ, mơn-mỏn như một đóa hoa Xuân. Cô gái 19 tuổi, cái tuổi già-giận trong yêu-đương hưởng-thụ ở Âu-Mỹ, đã « chài » cậu trai Việt còn trong-trắng từ nhỏ đến lớn chỉ biết học chưa biết yêu lần nào. Hai người thường ôm cặp-kè ra quán Bilka ăn trưa. Khổ thân cậu trai, chưa đầy hai tuần ân-ái, vào đêm nhà trường tổ-chức diễn-kịch, cậu diện thật keng đến dự, bỗng tá-hỏa tam-tinh, khi thấy cô nàng ngồi trên đùi một anh chàng Thổ-nhĩ-kỳ. Hai người đang ôm nhau say đắm, bất kể sự hiện-diện của quan-khách. Thế là, cậu uất-ức phóng một mạch về nhà, lên cơn sốt 40 độ, miệng nói lảm-nhảm như người điên. Tôi đã phải mất cả tháng trời khuyên-lơn, an-ủi, kể cho cậu nghe cuộc sống phóng-túng của bọn gái Âu-Mỹ, giọng thác-loạn khác với xứ ta ; cậu lần-lần bình-tĩnh trở lại, nhưng vết thương tình-ái chắc-chắn còn để lại một chiếc sẹo dài trong tâm-hồn cậu. Theo một thống-kê của tuần-báo Stern, thì riêng các cô gái Đức trong hạng tuổi từ 13 đến 14 tuổi, trên 60% mất trinh. Thế nhưng đừng tưởng các cô thích lấy chồng sớm. Tỷ-lệ lấy chồng của những cô gái đến tuổi gia-thất không quá 40%. Các nàng thích hưởng-thụ xác thịt chứ không muốn vương gánh nặng chồng con. Và trong các gia-đình người Đức, con cái rất ít, thường chỉ một đứa duy-nhất. Tạp-chí Eltern mở một cuộc phỏng-vấn mấy chục cặp vợ chồng

người Đức chỉ có một đứa con độc nhất, tất cả đều viện lẽ sinh nhiều không đủ tiền nuôi, không có đủ phòng ốc riêng cho mỗi đứa, không đủ sức giáo dục.v.v... Nhưng có thực thế không ? Chính-phủ Đức lo-sợ, thay vì dân số tăng lên, mỗi ngày mỗi tụt xuống, may là mức độ tử rất thấp (khoảng 11, 3 phần ngàn). Vì thế những gia-đình đông con ở Đức được chính-phủ trợ cấp đặc-biệt.

Riêng về nghệ-thuật, đối với các cô gái Âu-Mỹ, có lẽ các nàng thích nhất là nghệ thuật chớp bóng, hay nói đúng hơn là nghệ-thuật trở thành đào xi-nê. Tiền bạc sẽ dồi-dào, ăn diện diêm-dúa và nhất là hưởng thụ xác thịt đầy-đủ hơn.

Trên chuyến tàu điện hầm khuya trở về nhà, người vắn đóng cứng. Tôi và giáo sư Kunze đứng dựa lưng vào nhau cho đỡ mỏi. Tàu điện hầm tiếng Đức gọi là U-Bahn (khác với Strassenbahn chạy trên đường phố). Ở Berlin, tàu sơn màu vàng thẫm, các toa tàu hình khối chữ-nhật, góc vuông phẳng (khác với tàu ở Luân-Đôn hình tròn) do Hiệp-hội giao-thông Bá-Linh viết tắt là BVG (Berliner-Verkehr-Gesellschaft) quản-trị. Mỗi chuyến hành khách phải trả 40 Pf (rẻ bằng một nửa giá Strassenbahn ở Munich). Hầm tàu điện không sâu như ở Anh-quốc nhưng bên dưới rộng-rãi, có hàng bán báo, thuốc lá và đồ kỷ-niệm lặt-vặt. Nhờ hầm tàu điện, trong đệ nhị thế chiến một số lớn dân Berlin tránh khỏi bom đạn Đồng minh sống sót đến ngày nay. Nhân viên điều-khiển tàu điện hầm ở Berlin, theo lời giáo sư Kunze,

trước kia là người Đông-Đức nhưng lại lãnh lương của khối Tự-do, theo một ký-kết giao-thông đặc biệt giữa Tứ-cường (Vier-Machte-Status). Tôi không được rõ ký kết giao thông ấy ngày nay có còn hiệu-lực không. Chỉ biết ở Đức đàn ông con trai đi tàu điện là cả một thiết-thời to lớn, luôn luôn níu lấy móc tàu đứng như trời trồng, không dám ngồi. Vì có lệ phải nhường chỗ cho phái yếu và người tàn tật. Nếu cậu nào lì lợm ngồi ì, các bà sẽ đến nói thẳng xin nhường

chỗ và các người tàn tật móc bóp lấy tấm thẻ tàn tật dúi vào trước mặt. Tốt hơn nên nhường trước đỡ rắc rối.

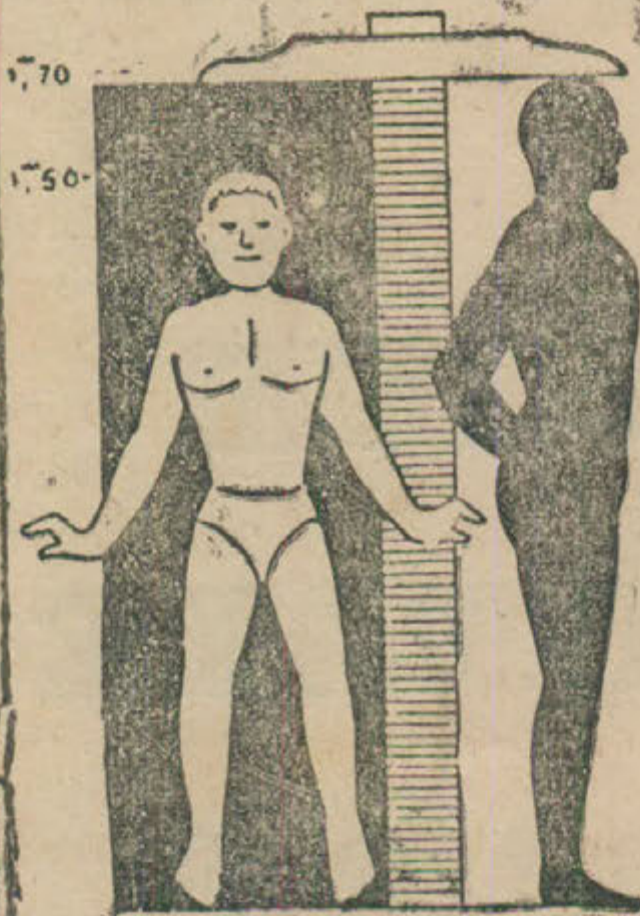
Về đến nhà nhìn đồng-hồ gần 1 giờ sáng, chúng tôi rũ nhau vào một Imbiss (quán nhỏ trên hè phố) bên cạnh ăn mỗi người một ổ mì cá và tiếp-tục bàn cãi về nội-dụng vở tường Kê khen hay, người chê rời-rạc, tôi lên về phòng trùm mền nằm ngủ.

(còn tiếp)

TRẦN - LÊ NGUYỄN - VŨ

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ?

- CON NIT MAU BIẾT ĐI.
- CƯỜNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ.
- NGƯỜI LỚN CƯỜNG RĂNG.
- ÍT ĐAU RĂNG.
- YẾU PHỔI.
- MỆT MỎI.

KN Số 78 : MBYT/QQPD

BANQUE

A votre service

tous les services de la

BANQUE

NATIONALE

DE PARIS

Sương khói chiều hôm

Khi hồi mõ dứt tiếng cuối cùng tôi đang ngồi ở bờ hồ. Bọn trẻ trong làng đã đưa bầy trâu về. Còn lại cánh đồng vắng thoáng thơm mùi lúa chín.

Nữ vẫn chưa trở lại. Mới rồi, Nữ nói đi quanh quán đầu đây. Trời đẹp thế này ngồi hoài một chỗ cũng uổng.

Tôi thông hai chân quậy quậy dưới nước. Đám bèo theo làn sóng dợn, dạt ra xa. Đám bèo có những hành bông tím nhô lên, rung đưa với gió làm rơi phấn hồng xuống mặt nước nổi phèn lợn cợn.

Hôm tới đây dì Toại vẫn còn hương sắc đón tôi bằng nụ cười nhiệt tình của thời con gái và mắt nhìn bóc trần. Còn Nữ ở thờ hỏi mẹ ai đó. Dì Toại nói chú Tiềm mày tề, con nhỏ này thiệt mau quên. Nữ lí nhí : à, chú Tiềm của mình.

Thoạt đầu tôi kêu Nữ bằng cháu bé. Nữ vùng vằng nói ai còn con nít con thơ chi nữa mà bé. Tôi hỏi : thế kêu chi ? Nữ chạy ra vườn sau bảo : cô đi.

À, con bé ngày xưa hay cỡi áo ngồi trước cổng mỗi chiều thứ bảy đợi tôi nghỉ học từ tỉnh về, bây giờ bắt tôi kêu bằng cô. Được. Thì cô. Cô Nữ. Nhưng tiếng cô có làm cho cô lớn không ? với tôi cô có dám lớn ? Cô lớn ra sao ? Lớn, sao còn đi những bước ngập ngừng chim sẻ.

Tôi đứng dậy bắt tay làm loa gọi Nữ. Nữ. Nữ. Tiếng tôi loăng ra lẫn hút giữa cánh đồng không mông quạnh. Không một lời đáp lại của Nữ hoặc âm dội của bức tường chắn. Tôi như nói vào chỗ không người.

Nữ đâu sao không đáp lời ? có thể inào ví tình tôi cho Nữ như tiếng gọi hụt hẫng vào thính không ?

Nữ ví cánh rừng non. Muốn vào sợ dẫm tan cây lá. Muốn vào sợ chim động bỏ bay đi. Rừng ơi hãy già. Cho cây cổ thụ xum xuê cành lá, và chim, sau những ngày mê mỗi trở về có chốn nghỉ chơi.

Tôi dời khỏi hồ kiếm Nữ, bên sông, giòng nước căng xanh, chảy lặng lẽ. Có thể Nữ mê say lẫn xuống theo bờ rào hể một nhánh hoa súng vô ý bị nước cuốn đi. Ở đây ma-rà có tiếng. Hôm mới về tôi cỡi áo tắm, bơi ra giữa sông. Nữ ngồi trên bờ la ma-rà bắt anh chết. Tôi cười nói chết làm ma-rà chờ Nữ xuống tắm bắt theo. Nữ hỏi : bắt chi rứa. Tôi nói để cho có bạn. Nữ trợn mắt : anh nói như thiệt.

Nữ không gọi tôi bằng chú. Tôi hỏi lý do. Nữ bảo kêu bằng chú nghe già đi. Và lại mình có bà con chi mô. Mới đầu Nữ kêu anh còn ngượng nghịu, sau rồi quen dần Nữ kêu thân mật như hai người đã gặp nhau lâu lắm. Nữ đã thậ sự cỡi bỏ tuổi thơ.

Di Toại trước là người cùng làng với tôi. Nhà di cách nhà tôi một khu vườn. Vốn vẹn di chỉ có bé Nữ. Khi mang thai Nữ 3 tháng dựng Toại lên tàu tập kết ra Bắc. Hai năm sau anh về. Khi đất nước thanh bình. Hai năm. Ba năm. Chín mười năm kế tiếp đất nước chẳng thanh bình, dựng Toại đi vào quên vắng và hình ảnh người chồng bạc phúc chỉ còn trong trí tưởng di như chính vết thương của di không bao giờ còn đâm da non. Bé Nữ nói trợ trợ và lớn dần cùng với sự phai lạt của cha trong lòng người mẹ đợi chờ vô vọng. Tôi coi di như kẻ bà con. Lần chia tay một người đi một nẻo, Nữ chín tuổi, đeo trên vai mẹ, bù lu bù loa khóc với tôi: biết khi mô gặp lại chú.

Người gồng gánh xuống chợ, kẻ khăn xách về thành trôi lạc mấy năm bây giờ gặp lại tôi cảm động nhắc lại lời năm xưa khiến Nữ chớp chớp đôi mắt hạt nhãn đen láy mà có lần tôi hỏi đưa bé bán bao nhiêu chú mua cho. Không được mô, chú nói chi lạ. Bán mất đi lấy chi nhin.

Gặp lại rồi đó. Bảy năm có lâu lặc chi đâu. Chiến tranh đẩy bọn mình xiêu lạc đi xa nhưng cũng chính chiến tranh trong khung cảnh giả tưởng bình yên đã sắp sẵn ghế bàn cho mình ngồi lại. Ngồi lại đây nói dăm điều thương nhớ, gọi lại chút tích xưa để tỏ rõ rằng bao giờ ta vẫn nghĩ nhớ tới nhau dù cách biệt nhau những dặm đường vô tận.

Lại gọi một lần nữa nhưng chẳng ai trả lời tôi. Chỉ có tiếng rì rào theo gió đưa. Tôi đi trên đường đê men theo con sông. Hoa súng. Rong bèo. Dây cỏ. Bầy chuồn chuồn ói đỏ tươi như máu

bay sà sà trên hàng rào xám, đám rau muống xanh. Giải lúa và bầu trời còn nắng nhạt phản chiếu xuống mặt nước uốn lượn theo nhịp sóng gợn đều. Vẫn không thấy Nữ.

Lại gọi thêm. Vẫn im lìm. Tôi bỗng đâm lo. Con bé giờ này đi đâu? Có thể Nữ sẽ băng qua cánh đồng tới chơi nhà một người quen ở xóm bên kia. Hoặc Nữ ham mê đuổi theo một con bướm để lạc mất lối về. Ý nghĩ ngộ nghĩnh này làm tôi bật cười. Lớn sầm sầm như Nữ mà lạc à? Chỉ có thể lạc mất ở những con đường như chỉ rối và lòng người bạc lạng ở thành phố. Còn ở đây. Hết sức dễ. Chỉ cần một tấm lòng cởi mở, chất phác và ham mê, có thể coi cánh đồng và làng mạc mới tới như chỗ đã ở đời đời.

Tôi tìm thấy Nữ ở chòi tranh của người giữ vịt. Nữ nằm trên đồng rơm ngủ say sưa. Bên cạnh Nữ một chùm lúa nếp xếp theo kiểu đường chân rít buộc liền với nhánh hoa súng, lẫn lộn cùng chén bát, muống đĩa, ấm nước của người giữ vịt để lại. Chòi tranh chơ vơ giữa đồng làm tôi nhớ anh Can và quãng đời thơ ấu của tôi mười hai tuổi. Anh Can với những cuộc trò vô chừng bắt đoi. Cầu cá. Cắt rạ. Bẫy chim. Săn chuột. Đua ghe. Chia phe đánh nhau, Bắt trộm gà. Không có món nào thiếu mặt tôi. Hoang nghịch không thể chịu được. Nhưng đó là tuổi thơ. Tuổi thơ tôi kinh hoàng với tiếng rú rừ rừ của con chim cú những đêm trăng nằm trông sao với anh Can. Tuổi thơ với chuyện kể người con gái chết oan, hóa thành tinh những đêm nằm hiện lên mặc áo trắng toát xoa tóc nhảy cò cò từ ngôi mộ này sang ngôi mộ khác ngoài cồn hoang.

Tuổi thơ thánh thiện như một ân sủng chỉ có một thời của đời tôi. Thế cũng còn may mắn lắm.

Tôi tới ngắt cọng rơm khô ngoáy ngoáy vào mũi Nữ. Nữ hắt hơi vùng dậy la hoảng :

— Ai chơi chi lạ rứa ?

— Dậy mà về. Chiều rồi.

— Cái anh ni nà.

Nữ nói, rồi đưa tay vuốt lại mớ tóc rối tung. Những ngón tay dài nội gân trắng bạc như tay người chết. Xong xuôi, Nữ sửa lại nếp áo ra bờ sông xắn quần lội xuống. Khoác nước rửa mặt.

Tôi la :

— Í, ma-rà đó.

Nữ luợ quớ tay thả ống quần chạy lên.

— Anh chơi ác : Làm ta hết hồn.

Giòng sông đây là quăng đầu nước chảy về sông ở quê nhà. Giòng sông đây là một nhánh chia của sông An-cựu nước trong xanh vào những khi mưa. Ngày xưa mẹ hát ru tôi : núi Ngự Bình trước tròn sau méo. Sông An-cựu nắng đục mưa trong. Mẹ hát à ơi và tôi, thằng bé đa mang, ngủ trong chiếc nôi bao da bện bằng lông mẹ xanh như giòng nước đó. Ngày dân chúng tái mặt bỏ làng tản cư mẹ nhất quyết ở nhà làm tôi hoảng hốt. Mẹ nói : con đi đi. Lâu lâu về thăm, ở nhà có chết mẹ chết với vườn rau.

Cũng giòng sông đó khi đoàn quân

kháng chiến xuất đầu lộ diện xác bọn Tây trôi lênh bênh mỗi ngày và Dương Toại từ mặt khu về nói chuyện cách mạng mẹ say. Và cuối cùng : giòng sông này đã hai lần tôi thoát chết. Một lần lên năm, tôi chồm lên thành cầu coi cầu cá ham mê đến nỗi trượt tay té xuống. Anh Vũ đứng vỗ tay cười. Một kẻ trong bọn đi cầu la lên. Chú Huân từ xa chạy tới nhảy ùm xuống vớt tôi lên. Mẹ và ông ngoại hay tin lên khiêng tôi về. Tối đó anh Vũ bị một trận đòn nên thân của ông ngoại về tội trong khi em suýt chết anh đứng vỗ tay cười. Còn tôi được ăn cơm vắt với trứng gà luộc khi mẹ cầm cây đòn gánh quậy quậy dưới nước : hu ba hồn bảy vía con tôi mau về ăn cơm ăn trứng cho lành cho giỏi.

Một lần khác, lên tám, nhân ngày nghỉ học tôi ra chợ mua vòng cau xù xanh đỏ vàng, rớt thành chùm rồi vừa đi vừa « đá kiện », đá say đến độ khi tới ngang cầu chùm cau su rơi lệch đi, tôi ngỡ đang còn ở trên đường vội nhảy theo bắt, hông chân rơi tòm xuống nước. Lần này tôi đã biết bơi, chỉ chìm xuống rồi trôi lên bơi lồm bồm vào bờ.

Bây giờ sông còn đây xanh ngắt nhưng anh Vũ, ông Ngoại đã đi vào sương khói khuất mờ. Dương Toại ngoại Bắc, Mẹ sống dành đoạn trong vùng xôi đậu, còn tôi thì vật vờ như đám khói chiều hôm.

Nữ cong người ép chặt hai ống quần vào chân vuốt vuốt cho ráo nước, nói :

— Em vừa nằm thấy dễ sợ chi lạ anh à.

Tôi cười hỏi :

— Thấy chi ?

— Tới ngồi xuống đây nói cho nghe.

— Mau đi cả tối.

— Em thấy mẹ cùng em đi chung một chuyến đò. Bữa đó có mưa to gió dữ. Rồi đò chìm. Em chới với chìm mãi, chìm mãi cho tới khi va vào tảng đá giựt mình thức dậy sợ quá.

Kể rồi Nữ hỏi :

— Nằm thấy mình chết có can chi không anh ?

Tôi giải thích rằng những điều trong chiêm bao thường xảy ra trái ngược với thực tế. Ví dụ như chết thì sống, sống thì chết. Tôi còn thêm :

— Thấy người chết hoặc đám ma, hên lắm, trái lại thấy đám cưới, rui.

Nữ có vẻ không bằng lòng với lời giải thích cho có lệ của tôi ngồi âu sầu nét mặt. Tôi đứng lên nói về cho rồi. Nữ ậm ừ trong cổ họng :

— Về thì về.

oOo

Lối cỏ hẹp dẫn vào căn nhà nằm khuất sau vườn. Tôi và Nữ từ cánh đồng về lúc dì Toại đang dọn cơm. Dì Toại lay hoay so đũa sắp chén bát.

Tôi ngồi cạnh Nữ đối diện với Dì. Nữ bưng chén cơm lên, nói :

— Bữa nay có khách mẹ cho ăn ngon dữ.

Dì Toại thủng thỉnh :

— Không có chi. Cũng xoàng xoàng thôi.

Tôi nhìn lướt qua mâm cơm. Khúc cá trê hấp. Mấy con cá rô chiên. Tô canh tôm nấu với măng chua. Dĩa mè sả. Chén nước mắm ớt tỏi.

— Vậy là nhất rồi Dì.

Nữ :

— Khéo nịnh chưa.

Dì Toại :

— Bậy bạ, cái con này.

Tôi :

— Chứ sao.

Có tiếng bầy sẻ đùa nhau kêu chí chơé trên cây bàng gan giếng nước. Tôi thấy mừng tượng một thuở nào thanh bình mẹ đứng múc nước đổ đầy hồ. Tôi chờ xách đi tưới cải. Những đợt cải xanh mơ lú nhú những bông vàng. Cải đem bông vào đầu Xuân. Mong một Tết ở nhà quê thiên hạ mừng xuân bằng bông cải và bánh tét. Mùa bông cải là mùa của bướm, mùa của trai gái hẹn hò, là mùa khơi nhớ khi quên. Năm xưa tôi nhớ về, mẹ đón ở vườn bông cải bằng vòng tay và câu trách móc đầy thương yêu.

Dì Toại nhìn ra đám mía lung lay :

— Bao giờ anh đi ?

Ngồi ở bờ hồ Nữ cũng đã hỏi thế. Nữ đã vò nát chéo áo ngập ngừng hỏi tôi thế. Tôi đã nói phách với Nữ :

— Cô cứ ví tôi như mây sương và khói. Đi rồi về mấy chốc. Khi nhớ cô cứ ra nhìn trời.

Nữ cười :

— Mây đâu có bay hoài. Có khi thành mưa nữa chứ.

Tôi cù cửa :

— Thì tôi là mưa. Mưa cho cô tắm. Thích chưa ?

Nữ đập vào vai tôi :

— Cha không.

Bây giờ tôi không trả lời mà hỏi lại Di :

— Di hỏi để chi, Di ?

Nữ xen vô :

— Để bắt anh đừng đi đó, phải không mẹ ?

Di Toại gật đầu nói con nhỏ này thật lanh chanh. Tôi và vợ miếng cơm trong chén cơm cuối cùng :

— Để coi đã di.

Nữ cười :

— Trông anh ngo ngo như gà chết.

— Đừng hỗn con.

Di Toại la ròi biểu Nữ thắp đèn xuống bếp rót nước. Tôi ngồi dốt thuốc giữa khoảng tối mờ, nghĩ ngợi mông lung. Nghĩ tới dượng Toại ngoài Bắc, di Toại ngồi ngóng cổ chờ và nụ cười huyền hoặc như Hời của di khi chào tôi ở cửa lúc mới tới. Nghĩ về bệnh tim kinh niên, những ngón tay xanh xao bấu vào đám cỏ mịn và đôi mắt lạc thần của Nữ khi hỏi tôi : bao giờ anh đi ?

Nữ bưng cây đèn bát tới để giữa bàn. Ánh sáng yếu ớt hắt ra khoảng sân gạch đầy rêu. Di Toại đem bình nước tới. Tôi áp tay vào thành ly nóng, thấy ấm. Gió đùa qua khe cửa hở làm cây đèn chốc chốc đổ phụt lên. Tôi bỗng nhớ một đêm với Hiền với anh Can trong căn

nhà hoang vu ở quê. Trời mưa lâm râm. Hiền đội nón ra quán mua đường. Tôi nhúm lửa bắt nồi đậu lên. Anh Can ngồi thổi sáo. Tôi vừa coi chừng nồi nước sôi vừa khe khẽ ngâm theo nhịp sáo những đoạn thơ chấp nối của Đinh Hùng :... thu ời đánh thức hồn ma dậy. Ta muốn vào thăm năm mộ sâu... Trời lạnh. Tiếng sáo buốt sầu và lời thơ mê mờ làm tôi sồn tóc. Cảm giác gai góc tôi giữ cho tới khuya và khi đang nằm mơ màng bỗng nghe văng vẳng tiếng hò mái nhì ru con của một người mẹ nào đó, cảm giác đó có cơ tóa ra như đê vỡ. Tôi khiếp quá thức anh Can dậy. Anh Can dọa : ma ngồi ru con đu đưa trên cây ổi tề. Tôi níu lấy anh Can đòi nằm giữa, thức suốt đêm trông trời mau sáng.

Nữ ngồi xoa tóc che khuất nửa khuôn mặt mê dại đang chống tay bên bìa quyển vở hát nho nhỏ. Tôi nói thôi đừng hát nữa Nữ. Anh xin cô. Nữ ngạc nhiên nhìn tôi hỏi anh làm sao thế. Tôi nói không sao cả nhưng đừng hát đừng hát. Nữ há miệng sững sốt. Chứ Nữ đâu có biết rằng tiếng hát Nữ là vết dao đâm vào vết thương lòng tôi vá chưa cắt chỉ.

Di Toại đem mùng gối tới bộ ngựa kê ở gian đầu nói như mọi khi rằng anh Tiềm ngủ đây. Con Nữ trong buồng kia. Tôi nằm giường bố. Nữ bảo lạnh chết, mẹ ngủ với con. Di Toại cần nhần : ngủ chung đêm khuya mà nói sáng, tao ở. Nữ phớt buồn : mẹ bữa nay kỳ cục. Mọi khi mẹ vẫn ngủ với con mà, rồi mở võ ra xếp lại xác những con bướm trắng cho thứ tự ngay ngắn vào những trang giấy đã viết sẵn những tên bằng chì màu.

Tôi hỏi :

— Sao Nữ thích màu trắng thế ?

Nữ đáp, mắt không rời trang vở :

— Con gái không thích màu trắng biết thích chi.

Tôi nói :

— Xanh đi.

— Mai một an! đi rồi làm sao hy vọng được.

Tôi đưa tay khêu sáng cây đèn đỏ lu như hạt bắp. Bầy chim sẻ thoi hát ở cây cao. Không gian lúc này chỉ còn vài đốm sao sáng lẻ, tiếng mõ buồng ròi, giọng đẽ thảm kêu quanh và tiếng ếch nhái buồn xa ngoài đồng vọng.

Nữ ngồi im sững dưới bóng đèn thỉnh thoảng đưa mắt len lén nhìn lên.

Tôi đốt thuốc hút, chết mệt với mắt nhìn dĩa dưới của Nữ, nghĩ : hai tay tôi chắc thừa lắm.

Dì Toại đứng múc nước ngoài giếng ca nho nhỏ một điệu vọng cổ : anh ơi gặp nhau đây thì mình thương nhau cho đỡ lạnh một đêm ư ừ .. trờng.

Tôi không chịu được cái không khí lạnh lẽo, hỏi Nữ có phải Nữ nhớ giấc mơ hồi chiều trong chòi vịt không. Nữ xếp vở đứng dậy :

— Anh đừng nhắc nữa. Em sợ. Đi ngủ cho rồi.

Tôi muốn cầm lấy bàn tay Nữ, muốn nói. Nhưng Nữ đã lẩn khuất phía tấm màn che ở cửa buồng. Tấm màn có hình những con bướm trắng hồng nằm rũ chết với đám lá mùa thu tan tác.

Trọn buổi sáng Nữ nằm liệt giường. Tôi không dám ra ngoài chường mặt với dì Toại, chỉ bắt ghế ngồi canh chừng Nữ. Tội lỗi ủa tôi như cơn bão. Tội lỗi đưa sự xúc động dâng cao làm bệnh tim chết người của Nữ tái phát.

Tôi không dám soi gương. Soi sợ thấy mặt mình dị hợm.

Tôi không dám nhìn Nữ. Nhìn sợ lộ diện nét mặt mình đáng thú.

Tôi đã ngã trong vòng tay dịu tình của dì Toại sau vài phút chống chọi lấy lệ. Nửa đêm dì Toại bừng đèn tới cúi sát mặt tôi kêu dậy canh giùm cho đi tẩm. Làm cả ngày xót xáy không ngủ được. Tôi ú ớ vươn tay nhằm ngực dì. Dì cười rúc rúc nói đùa khi rồi kéo tôi ra sau hè bảo đứng đây. Tôi ngồi xuống bệ cửa. Dì Toại xối nước ào ào ở bụi chuối.

Dì Toại trở vô trong bộ đồ mỏng nói xong rồi. Khỏe khoản quá. Tôi ngồi ở phản nhìn dì không chớp mắt. Dì Toại dờn khỏi ghế bỏ bước tới đập vào vai tôi nói nhìn chi dữ thế rồi xô tôi ngã xuống. Tôi chới với trong vòng tay đói khát của dì. Nữ ho khế hình như khóc ậm ừ ở buồng trong. Tôi buồng tay nằm mềm lã.

Mình giống một tên côn đồ. Dì Toại gần ngang hàng với mẹ. Dượng Toại không còn biết ở ngoài Bắc hay đã được đưa vào Nam Nữ đau lòng mang bệnh nằm một chỗ.

Nhưng dì Toại vẫn tỉnh bơ. Dì đâu biết trọn cuộc tình Nữ sắp đem cho tôi. Dì nói :

— Anh không phải là đàn bà nên

không biết đàn bà. Nhất là đàn bà như tôi. Mười mấy năm...

— Sao dì không đi quyến dụ kẻ xứng đôi với dì ?

— Sao anh không ngồi yên như bụt, thế phải hơn không ?

— Tôi tỏm dì.

— Tôi cũng tỏm anh.

Tôi nổi dóa muốn tát vào mặt dì Toại A. Thì ra bà coi tôi như một thứ đồ tra trong khi bà giết con bà, biết không ?

Nữ tỉnh dậy vào xế trưa. Tôi bừng chén cháo đậu xanh nói ăn đi. Nữ bảo thôi. Em chẳng thiết ăn uống gì. Rồi nước mắt trào ra. Tôi cầm lấy bàn tay lạnh ngắt của Nữ :

— Anh xin lỗi.

Nữ mấp máy đôi môi :

— Có em rồi anh còn dang dúi với mẹ làm chi ?

— Anh có lỗi.

— Giá như không có em anh có dám lấy mẹ không ? Anh tệ quá. Trong khi anh vẫn biết em thương anh mà.

Trời mưa phớt bên ngoài. Mưa rơi sạt sạt trên mái tranh. Cái lạnh theo chân mùa thu đang tới. Mưa lạnh không thương xót đời người. Mùa Xuân đã cởi áo ra đi. Trong hoang vu, Nữ đã chết cả những lộc non của chồi xanh mới nhú, và tiếng nói mờ đục như thể tiếc tủi như g mất đi của thời con gái bát ngát trời hy vọng. Thôi đừng nói nữa Nữ, đừng hát rã rời như con ma ngồi xoa tóc hát đưa con ở cạnh cây ôi đêm khuya.

Tôi kéo chân đắp ngang ngực cho Nữ. Nữ bảo tôi giải thích giấc mơ trong chòi vệt chiều qua cho Nữ nghe. Tôi nói ngủ đi, cho khỏe. Mắc mớ chi mà lo. Nữ hỏi em có tan thành sương không. Tôi nói mộng mị là tầm phào. Nữ không bằng lòng :

— Đúng mà. Em như hạt sương thôi.

Nữ không kêu tôi bằng chú là phải. Kêu chú sau này khó ăn khó nói. Nữ không thích tôi kêu bằng cháu bé là phải. Cháu bé làm sao biết định phận yêu thương. Nữ ví hạt sương. Ta cũng hạt sương. Hai hạt sương trong muôn triệu hạt sương giữa cõi đời thiên hình vạn trạng, chờ tan thành khói. Còn nói làm chi tới chuyện gặp nhau.

Sao ta không chết đi từ lúc lên ba khi ta rớt xuống chân cầu ? Sao ta còn tới ngồi chi ở bờ hồ cầm ném vu vơ những hòn sỏi xuống mặt nước yên nói mình như sóng dạt ? Sao ta còn mộng bước vào cánh rừng non làm ngơ ngác bầy chim ?

Sao ta còn tới chi đây chịu khoanh tay nhìn Nữ tàn hơi kiệt sức ? Có em rồi anh còn dang dúi với mẹ mà chi. Thôi đừng nói nữa Nữ. Đừng hát âm u.

Một ngày sau đó Nữ lên cơn sốt dữ dội. Nữ nằm mê man thường hay ú ớ nói sảng, gọi tên tôi, dì Toại và khóc. Dì Toại không ngờ có sự ra nông nổi này nên lo lắng bảo chớ Nữ đi nhà thương hoặc đi mời bác sĩ. Tôi nói sợ không kịp đó Dì.

Khuôn mặt trắng bạc. Những đường gân xanh ở cổ, cườm tay. Mái tóc rối tung. Nữ nằm thở khó khăn,

Tôi cầm bàn tay Nữ không rời. Muốn chuyển một tích tắc hơi ấm đời người. Muốn nói một vài câu thân mến. Muốn cạn nguồn cơn trong khoảnh khắc.

Nhưng đôi mắt đó khép rồi. Đôi mắt khép và làn hơi tắt nghỉ nửa đêm trên tay tôi. Thì cho trăm ngàn cái muốn cũng bằng không.

Nữ. Nữ.

Đôi mắt khép bình yên trên đám cỏ ở bờ hồ. Làn hơi tắt trong đồng rơm ở chòi tranh. Và đôi chân ngừng hơi trên giòng sông đầy hoa súng.

Nữ. Nữ.

Cuối cùng đôi mắt sáng rực lên. Đôi môi động dậy vài lời mấy tiếng. Anh. Anh. Rồi vươn hai cánh tay lên bầu ở cổ người còn sống bằng sự xô bồ nuôi tiếc của kẻ sắp ra đi.

Nữ. Nữ.

Những động tác dứt rồi chấp nối trong giây phút chia lìa ngàn năm của Nữ làm tôi kêu hoảng lên. Nữ Nữ. Tôi không bắt tay làm loa ơi hơi như khi gọi Nữ ở bờ hồ nhưng tiếng kêu cũng đủ phần nộ thét khiếp lên.

Dì Toại nghe ớn chạy ủa vô nhào tới ôm lấy xác Nữ. Dì Toại cũng như tôi, như con thú hét điên cuồng. Nữ ơi. Con ơi. Mẹ dẫu ngờ có sự như ri. Dì muốn tỏ sự ân hận như thế này : mẹ mà biết con yêu thương anh Tiêm, mẹ dẫu có quyến dụ anh ấy. Mẹ vô tình giết con đó mà.

Ai cũng đều là kẻ góp tay một phần vào cái chết của người khác. Tình yêu. Cơm áo. Tự do. Màu cờ. Dì Toại, Dượng Toại. Bờ hồ. Bụi chuối. Chòi tranh. Hòn sỏi. Đám cỏ. Nhành hoa súng. Bữa cơm. Giòng sông. Con bướm trắng, Bệnh tim...

Những thứ đó không ít thì nhiều đều nhúng tay vào cái chết của Nữ, đang nằm lạnh bạc bên ngọn đèn mờ soi xuống rõ khuôn mặt xanh.

oOo

Khi hồi mở dứt tiếng cuối cùng tôi còn ngồi sững cầm ở bờ hồ. Ngồi mộ Nữ đắp cao, lảng lẩy. Đòi đòi tôi sẽ không kêu réo gì Nữ được nữa. Tôi khỏi bận lòng, bởi vì từ chỗ ẩn náu của linh hồn tôi, Nữ đã về vang vọng hoang đường tiếng nói.

Dì Toại thì ngồi buồn rười rượi cạnh mộ Nữ.

Trời đã chiều hôm, Sương xuống. Nữ bây giờ là một bóng khuất mờ lần đi vào cõi tan biến như ông ngoại anh Vũ ngày nào đã đi.

Dì Toại dư biết rằng tôi sẽ đi nên không buồn hỏi nói gì, chỉ ngồi điên mê hát : Anh ơi mới quen nhau sao ana nở bỏ em mà cắt bước cho ư. ừ... đành.

Tôi đá tung hòn đá cản lối đi về hướng có sương.

LÊ MIÊN TƯỜNG
(Huế tháng 05. 1970)

ĐẠI - Á - NGÂN - H A N G

Trụ sở chính : 61-65, Hàm Nghi Saigon

Đ. T. 98.460 - 98.700

Chi nhánh Chợ Lớn : 47-49 Tổng Đốc Phương
ĐT 51.047

Chi nhánh Cầu Ông Lãnh : 21, Bác sĩ Yersin
ĐT 99.386

Chi nhánh Gia-Long : 121-123, Gia-Long
ĐT 96.827

Chi nhánh Biên Hòa : 10, Nguyễn Hữu-Cảnh
ĐT 36

Chi nhánh Ban mê thuật : 16, Amatrang-Long
ĐT 148



— Thực-hiện tất cả mọi nghiệp-vụ
ngân - hàng :

*Nhận tiền ký-Thác, chuyển ngân, Trương-mục
tiết - kiệm, Nghiệp - vụ tín - dụng, Hối - Đói,
Xuất-nhập-cảng v.v...*

— Phục-vụ thân-chủ trong tôn chỉ :

LỊCH-THIỆP — NHANH CHÓNG

CHÍNH XÁC — KÍN ĐÁO

Khóc Hưng-Việt và các đồng chí cũ

Thơ BÙI XUÂN UYÊN

Nhớ Hưng-Việt ngày nào đời 45
lên căn gác Hàng Đàn
cùng Đỗ Đình Đạo
đề tìm Bùi Tất Cường
Anh lo cho tờ báo Việt Nam
với những bức tranh hi họa
bộ ba Minh-Đồng-Giáp
của Nguyễn Gia Trí
Ngoài kia vẫn lũ tự vệ
tối ngày nhóm ngó
vẫn trùm chặn bịt mắt đem đi
Súng nổ ở Vĩnh Yên
súng nổ ở Việt Trì Yên Bái
súng nổ ở Đông Triều ơ Lạng Sơn
ở Chapa ở Phong Thổ
Đời đảo điên
chí trai đề nổ ròn theo tiếng súng
chữ mệnh đề ném vèo theo tiếng hét xung phong
Những ai đã nằm đó rồi hỡi ơi vì chính nghĩa
chỉ cha già mẹ héo
vợ dại con thơ
túi hờn riêng biết
Chữ lịch sử nào ghi
Mồ vô danh chiến sĩ quốc gia đời 45
cộng quân mượn xe Tàu san phẳng
gán thêm cho danh từ « thổ phỉ »
để bôi nhọ thân tàn
Hưng Việt nhớ chằng
những ngày ra đi
tay không một tấc sắt
rúi chằng một phần lương
bởi làm gì có Pháp đỡ đầu chống Cộng
có Mỹ ve vuốt cho tiền
Những ngày ra đi
để được nằm xuống lòng đất Bắc là may
còn sống trở về
lặng thình lăm thân chiến bại

nổi nhục nhằn ngậm miệng nhìn nhau
Sương mù Việt Bắc đến nay
vẫn lạnh như trong những đêm dài buổi đó
tiếng hờn dân tộc
vẫn theo mạch Sông Hồng
lặng chìm với phù sa vạn thửa
Ta đã mơ gì
phải đâu bên kia dân nghèo rẫy chết
bên này đã điểm lông lao
Vọng về ai Bắc-Hưng Việt ơi Hưng Việt
hồn anh đã hú lên chưa
tên những đũa hại đời lớn họng
Hai mươi sáu năm
máu tươi của những người ngay thẳng
tôi muốn thắm đầy tay
để vẽ thành một bức tranh Phấn Nộ
lập một vi bằng về lũ «người chó» đời nay
Cân cân nhân loại đâu rồi
hai ngọn Ba Vì Tam Đảo
hãy đập cho gãy rời trong giông bão
để chứng minh sức mạnh quật cường
của đám người đã tạo nên đất Việt
Chứ không phải Tàu
chứ không phải Tây
càng không phải Mỹ
hoy bất cứ một chủng tộc nào
đến đây để tưởng mình vương bá
Hưng Việt ơi Hưng Việt
tôi còn nhớ những ngày
vợ anh cùng chị tôi
quả phụ của Bùi Tất Cường
còng lưng khâu từng chiếc áo dài
cho lũ đi đời Tây
để kiếm tiền độ nhật
Nhục đã thâm tím lá gan người chiến bại
phải không Tchya Đái Đức Tuấn
phải không Đỗ Đình Đạo
phải không Trọng Bình Nguyễn Duy Dị
Bờ bể ngoài kia sóng gào tuyệt hận
tôi không say rớt nữa
độc ẩm trong mưa mù giăng lưới
tự hỏi mình trai xứ Bắc là ai
Già thì chưa già nhưng chết thì cứ chết
còn là những ai khuất những ai
bể dâu cuốn chìm bao đò
phế thân theo giặc là ai

Hưng Việt ơi Hưng Việt
quen nhau một thửa ngậm ngùi cho anh
ấm ức một đời chưa thỏa
mồ chôn anh xin chúc yên bình
Căn gác Hàng Đàn buổi ấy
những ai đã tới bao ngày
tôi chẳng nói gì, đúng thế
nói gì biết nói gì hơn
Anh Cường đã về dĩ vãng
anh Cao bóng đã phai mờ
chị Khanh tìm đâu thấy nhỉ
truyện đời đã lạnh hoang hôn
Rồi đến ngày nào anh Đạo
hẹn tôi trở lại
hóa chẳng trở về
Tang bồng hồ thử nam nhi trái
thề xưa nhớ tới
toàn truyện ngưng ngưng
Hưng Việt ơi Hưng Việt
Bố tôi cũng đã về rồi
Xương trắng miền Nam
phải đau lòng tôi muốn thế
Anh có gặp Ông nhân dùm sự thực
tôi đã đánh lỗ
một ván bài
hay tất cả chúng ta cùng đã lỗ
bởi vì

.....
Vũng Tàu mưa gió
miền Nam gió mưa
chân cây gốc cỏ mịt mù
muốn say ta uống đến giờ chưa say
Gọi hồn binh nhật
đồng chí nào đây
không hương ta đốt lòng này tạ nhau
Bỗng dưng một kiếp
đời buộc chúng sâu
ta còn ai mất nguyện cầu ai vui
Sông Hồng cuộn cuộn
ải Bắc mây trời
nguyện cầu thêm nữa đất người tái sinh
để say ta hát
một khúc Thăng Bình
mợ về buổi cũ có mình có ai

Vũng Tàu một ngày mưa, 2-11-1971

THỜI SỰ KHOA HỌC

Sinh tố C và chứng cảm cúm.

Sinh-tố C từ lâu vẫn được dùng để giúp cơ-thể tăng-cường năng-lực nhờ khả-năng cung-cấp nhiều phân-tử TPA, một loại phân-tử hữu-cơ chứa nhiều năng-lượng của nó. Do đó người bị cảm cúm, cơ-thể bị yếu đi, có thể dùng sinh-tố này để đủ sức phục-hồi lại mau chóng. Cảm-cúm hay cảm-lạnh là do một loại siêu-vi-trùng sinh ra và trong vòng khả-năng của Y-học hiện-thời, chúng ta chưa có loại trụ-sinh nào có thể giết chết siêu-vi-trùng (trừ một vài loại siêu-vi-trùng lớn bị ảnh-hưởng của loại Tétracycline) sinh-tố C chỉ có một ảnh-hưởng phụ-thuộc và gián-tiếp vào việc chữa lành bệnh-cảm.

Năm vừa qua, một nhà sinh-hóa-học đã từng đoạt-giải Nobel, bác-sĩ Linus Pauling cho rằng dùng nhiều sinh tố C có thể ngăn-ngừa được bệnh-cảm. Ý-kiến của ông cho thấy vai-trò của loại sinh-tố này đã được quan-trọng-hóa, như thể là nó có tác-dụng gì trực tiếp vào sự bành-trướng của siêu-vi-trùng gây bệnh — khác hẳn với quan-niệm cũ từ trước tới nay. Pauling đã gặp phải sự chống-đối khá mạnh-mẽ từ giới khoa-học-gia. Họ cho những lời nói của Pauling vu vơ và thiếu bằng chứng khoa học. Để đánh lời tuyên bố của Pauling, một nhóm bác học ở Đại học đường Maryland đã làm một thí nghiệm chứng minh. Họ cho 11 người tình nguyện uống sinh tố C trong 2 tuần, cùng lúc với 10 người khác uống một loại thuốc không có tác dụng dược học nào

cả. Sau 14 ngày, cả 21 người đều chịu chích loại siêu vi trùng gây bệnh cảm vào người và tất cả đều bị cảm giống nhau.

Tuy nhiên Pauling cũng được một số các nhà bác học khác bênh vực, tuy là chẳng liên quan gì tới cảm cúm. Sinh tố C được nhận thấy có khả năng kích thích bạch huyết cầu làm tăng khả năng của cơ thể chống lại sự xâm lăng của các loại vi trùng. Ngoài ra, trên các thí nghiệm ở loại chuột, sinh tố C làm cho Cholestérol ở máu bị thải ra ngoài nhanh chóng. Sự kiện này khá quan trọng vì Cholestérol là nguyên nhân chính gây ra các chứng bệnh về mạch máu và tim, nhưng bệnh nguy hiểm hơn là bệnh cảm cúm nhiều.

Dù sao thì lời khuyên của Pauling cũng không phải là vô ích!

Một phương pháp thử thai mới

Một bác sĩ sản khoa ở phân khoa Y khoa thuộc Đại học đường Harvard vừa tìm ra một phương-pháp có thể chẩn đoán sự thụ-thai trong vòng 2 tuần đầu. So với phương-pháp thử nước tiểu hiện đang được áp-dụng thì phương pháp này sớm hơn được 2 tuần. Khoảng thời-gian này, nếu không biết mình đã mang thai, sản-phụ có thể làm những việc có hại cho thai-kỳ.

Bác-sĩ Goldstein thật ra không nhắm vào mục đích này, mục-đích thật-sự của ông là tìm cách định-bệnh thật sớm loại *Chorio-Carcinome*, một thứ ung-thư khá độc của tử-cung. Choriocarcinome phần nhiều hay xảy ra sau các lần bị thai trứng (mô-le hydatiforme) và đó là biến-chứng nguy

hiểm nhất của người bị thai trứng Trong chứng-bệnh này số lượng kích-thích-tổ HCG (human chorionic gonadotropin) được tiết ra và lên cao ở trong máu. Sự đo-lường HCG giúp chẩn đoán Choriocarcinome. Nguyên-tắc của phương-pháp này là thêm một ít mẫu máu của người đàn-bà vào một dung dịch có pha sẵn H.C.G — phóng-xạ, nếu máu có HCG thì nó sẽ thay thế các HCG phóng-xạ và do đó làm thay đổi mức phóng-xạ của dung-dịch.

Sự đo-lường này thật tinh-vi, có thể phát hiện một số lượng phân-tử HCG thật ít. Goldstein đem nó áp-dụng vào việc thăm thai : trong thai-kỳ, nhau cũng tiết ra kích-thích-tổ HCG. Ngay khi trứng đậu vào thành tử cung thì sự thành hình của nhau bắt đầu (lúc đó vào khoảng tuần lễ thứ 2) và HCG cũng đã được tế bào nhau tiết ra. Chỉ cần một ít máu của người đàn bà là biết đã có thai hay không.

Goldstein làm cho các bà nóng tánh hài lòng !

Nước và đời sống.

Nước được coi là môi trường cần yếu cho sự sinh trưởng và tồn tại của sinh vật. Bởi thế nơi nào không có nước, người ta tin tưởng nơi đó không có

đời sống. Trong thời đại không gian này, muốn biết xem hành tinh nào có thể là nơi trú ngụ của một đời sống sinh vật, người ta tìm xem nơi đó có dấu hiệu sự hiện diện của nước hay không.

Nhưng người ta cũng khó có thể có ý nghĩ. Trái đất là trung tâm duy nhất của đời sống trong vũ trụ. Hơn lúc nào hết, với những thành công của khoa học, chúng ta thấy sự khiêm nhường của trái đất trong vũ trụ bao la, trái đất thân yêu trên đó có cuộc sống của loài người. Các nhà khảo cứu đang tìm bằng cứ cho những đời sống không cần có nước ở những nơi nào đó mà điều kiện khác hẳn nơi chúng ta.

Thành công đầu tiên là do ở hai nhà thiên văn địa chất học của Đại học đường Columbia ; hai ông G. Wollin và David B. Ericson. Họ đã cho khí Ammonia, methanol, formaldehyde, formic acid tác dụng với nhau dưới sự xúc tác của tia tử ngoại và kết quả là sự thành hình của vài amoa-cids chính yếu cho việc cấu tạo nên đời sống sinh vật.

Wollin cho rằng chính ammonia, với những đặc tính rất giống nước, là môi trường cho đời sống sinh vật.

TỬ DIỆP

Tin Mừng

Được hồng thiếp báo tin :

Nhà văn **DƯƠNG NGHIÊM MẬU** (PHÍ-ÍCH-NGHIÊM) sẽ làm lễ thành hôn cùng Cô **HỒ THỊ NGỌC TRANG** vào ngày 1 tháng 11 năm Tân Hợi (18-12-1971).

Xin thành thật chúc mừng tân lang và tân giai nhân trăm năm hạnh phúc.

VÕ-PHIẾN — LÊ-NGỘ-CHÂU

Cadao mới phát hành

TAHA HUSSEIN

ĐẠ KHÚC CHIM

Tôn Thất Hoàng dịch — Hoài Khanh giới thiệu

Đây là tác phẩm thơ mộng và bi thảm nhất của một văn hào Ai Cập, được coi như bậc Á Thánh trong thế giới Ả Rập.

Truyện kể về nỗi đoạn trường luân lạc của ba mẹ con. Người chị là nữ tỳ cho viên kỹ sư trẻ và tình yêu đến đã xui nàng thất tiết với y. Ông cậu, với quan niệm luân lý cổ hủ và « vì ông là người không biết được rằng có một tình yêu vượt lên trên sự trách mắng tủi nhục và sự trừng phạt » nên ông đã xuống tay hạ sát nàng. Người em thề quyết trả thù cho chị. Khi bằng mọi cách được vào làm nữ tỳ cho viên kỹ sư kia, và khi cuộc phục thù sắp sửa thành tựu thì tình yêu bỗng đến !

Một thi sĩ đã viết : « tình yêu đến tình yêu đi ai biết ».

Nhưng, một loài chim ở sa mạc biết rõ tiếng đoạn trường ấy.

« Ta đây, ta đây, hỡi loài chim thương quý ».

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

433-YTDP.Đ.

Đón đọc :

TUỔI THƠ

của Maxime Gorki

Bản Việt văn của Vũ-Minh-Thiều

Đây là tác phẩm chính của GORKI, trong đó kỳ tài của đại văn hào biểu lộ rõ rệt nhất. Một tự truyện chất phác, không cầu kỳ, nhưng nhuộm đủ màu sắc : kín đáo, linh động, thâm thía, khó quên được. Một lối diễn tả của TOLSTOÏ nhưng tính cách cá nhân nổi hơn : không nặng nề, đen tối; hay như một bài thơ thuần khiết không chút giả tạo..

TRÍ ĐĂNG xuất bản

SIÊU ĐẲNG THƯỢNG HẠO HẠNG

BASTOS *Luxe*



巴
士
多
金
牌
煙
名
貴
大
方
真
地
超
等

NGON NHẤT VỀ LOẠI THUỐC ĐEN

Nhà chính trị trở lại nghề cầm bút.

Hà Hữu Tường sau mấy năm làm dân biểu, kỳ vừa qua không lọt được vô Hạ viện, lại trở về nghề cầm bút. Tác giả «Phi Lạc» đã trao cho nhà xuất bản Trí Đăng một lúc 3 tác phẩm : *Những căn bản lý thuyết của võ thuật Tây Sơn*; 41 năm làm báo; *Người Mi trầm lặng* của Graham Green) nhưng với giá giấy «cách mạng» hiện nay không rõ 3 cuốn sách trên đây có thể ra mắt bạn đọc được không.

Cũng dịp này Ngũ Í cho biết anh sẽ cho xuất bản : *khi người điên trở về*, rồi tiếp đó có thể có : *khi người điên trả thù*, và *khi người điên cứu yêu* nữa !

Nhà văn làm điện ảnh

Nhà văn Đỗ Tiến Đức, rời bỏ chức vụ Giám đốc nha Điện Ảnh thì dẫn thân thực hiện ngay một cuốn phim do anh viết truyện, viết đối thoại, phân cảnh và đạo diễn. Đó là một việc làm táo bạo vì theo lời anh, trước đây 2 năm, khi mới vào nha Điện Ảnh anh chưa biết phim âm bản, dương bản là thế nào. Say mê và liều lĩnh, tác giả «Má hồng» đã hoàn thành được cuốn phim «Ngọc Lan» hiện đang chiếu tại Saigon — mà hình

ảnh rất đẹp và đối thoại rất hay.

Xong cuốn phim đầu tay trên đây. Đỗ Tiến-Đức đã rút được nhiều kinh nghiệm quý báu và anh cùng Lê-Tất-Điều lại hì hục làm tiếp cuốn phim «Yêu», cốt truyện ở cuốn tiểu thuyết đã bán rất chạy một thời của Chu-Tử Lê-Tất-Điều mấy năm viết báo, vừa cho ra được một cuốn truyện rất ăn khách «Những giọt mực», nay lại nhảy vô làm phim, cực nhọc nhiều mà xem chừng cũng say mê lắm.

Các nhà văn ngán «Cách mạng mùa Thu» viết sách không có người in, nên đổi nghề cả chăng ?

Văn chương và Sân khấu

Năm nay Trung tâm Văn bút Việt-nam treo một giải thưởng hàng năm độc nhất 100.000đ về bộ môn «Sân khấu» sau những giải về Truyện, về Thơ, về Biên khảo, Phóng sự....

Người ta được biết giải thưởng năm nay đã được quyết định trao cho một kịch bản của nữ diễn viên thoại kịch thời danh là cô Kim-Cương. Ban giám khảo của Bút Việt năm nay gồm có 5 vị: Vi Huyền-Đắc, Tam-Lang Vũ-Đình-Chí, Kiên-Giang Hà-Huy-Hà, Vũ-Hoàng-Chương và Vũ-Hạnh và số phiếu bỏ cho kịch bản của cô Kim-Cương đã là 4/5.

Người ta được biết thêm là Trung tâm Văn Bút Việt-nam. Cũng sẽ có một tuyên ngôn bày tỏ thái độ về việc tăng giá giấy in sách báo trong một ngày gần đây.

CÁO LỖI

Vì lý do kỹ-thuật, để số báo ra kịp thời hạn, Tạp chí Bách Khoa kỳ này đành phải gác lại dành cho số tới các mục :

Thời sự thế giới, Hộp thư, Sách mới cùng một số truyện ngắn và thơ...

Xin trân trọng cáo lỗi cùng các bạn phụ trách những mục trên đây, quý bạn đã gửi bài đến Bách Khoa và quý vị tác giả cùng nhà xuất bản đã gửi tặng cho Bách Khoa sách báo.

Tòa soạn BÁCH KHOA

CÁO LỖI

Vì một lý do riêng, VĂN MỚI số 3 không thể phát hành kịp ngày 15-12-71. Xin thành thật cáo lỗi cùng quý độc giả và xin quý độc giả đón đọc:

VĂN MỚI số Xuân NHÂM TÝ vào trung tuần tháng 1-1971.

TIN MỪNG

Được hồng thiệp báo tin:

Ông Bà ĐỖ MẠNH NHÂM, ở 213/14 Nguyễn Thiện Thuật Saigon, sẽ làm lễ thành hôn cho ái nữ là Cô ĐỖ THỊ MAI PHƯƠNG cùng Cậu VƯƠNG XUÂN ĐIỂM vào ngày 25 tháng 12 năm 1971 (8 tháng 11 năm Tân Hợi).

Xin trân trọng mừng Ông Bà Đỗ Mạnh Nhâm và chúc cô dâu và chú rể trăm năm hạnh phúc.

Ông Bà LÊ NGỘ CHÂU



Nhức đầu

Mãng

Budon

TRỊ:

Nhức răng, nhức môi đau
lưng, đau nhức lúc có
Kính Kỳ



KH 65 1211/BYT/GCOP

Anh quốc và Thị trường chung

Sau 14 năm trời suy tính hơn thiệt Anh quốc đã chính thức quyết định gia nhập khối Thị trường chung Âu châu. Đây là một quyết định lịch sử hết sức quan trọng có ảnh hưởng sâu rộng không những tại Anh mà còn trên cả thế giới. Thật vậy, từ trước tới nay Anh-Quốc luôn luôn sống bên lề Âu châu, đi theo một chính sách riêng biệt, nên khi tham gia công cuộc xây dựng Âu châu thống nhất người ta thấy Anh quốc bước vào một giai đoạn lịch sử mới.

Ngay từ khi Tổ chức Thị trường chung còn ở trong thời kỳ phôi thai, chính phủ Luân-đôn đã cố gắng phá các nỗ lực của 6 quốc gia hội viên. Vì Anh sợ rằng một lực lượng Âu châu hùng hậu sẽ là mối đe dọa cho ảnh hưởng của Anh ở trong vùng. 14 năm đã trôi qua, Anh không những không phá nổi lực lượng kinh tế mới mà còn nhận thấy rằng nếu tiếp tục chống đối thì chính Anh sẽ bị đẩy ra khỏi Cộng đồng Âu châu. Vì vậy mà gia nhập khối Thị trường chung đối với Anh là một giải pháp ép buộc đầy tính cách chính trị.

Anh và phong trào thống-nhất Âu-châu

Suốt trong lịch sử của Anh người ta thấy nước này luôn luôn tìm cách ngăn chặn sự thành lập của một lực lượng Âu châu hùng mạnh. Chính sách ngoại giao cò truyền của Anh dựa trên

nguyên tắc «quân bình Âu châu». Theo đúng nguyên tắc này, Anh không bao giờ đề một lực lượng hay một quốc gia nào trên lục địa bành trướng tới mức có thể đe dọa quyền lợi của Anh. Trong các thế kỷ thứ 16, 17 và 18, Anh luôn luôn khuyến khích cho hai giòng họ Bourbon ở Pháp và giòng Habsbourg của Áo đấu đá lẫn nhau để Anh được yên thân. Hai nước Áo và Pháp vì là hai lực lượng đối nghịch nên luôn luôn ngăn chặn lẫn nhau.

Tới thế kỷ thứ 19 khi Napoléon làm bá chủ Âu châu khiến cho thế quân bình Âu châu bị sụp đổ, Anh đã vội vã liên kết với các nước Phổ, Áo, Nga và nhiều tiểu quốc khác để tấn công Pháp. Khi Napoléon bị bại trận, Anh đã cố gắng đóng vai trò trọng tài giữa các quốc gia Âu châu. Khi thì Anh ngả về Phổ, Áo để giới hạn lực lượng của Pháp, khi thì Anh ngả về Pháp để chống lại Phổ và Nga.

Với một chính sách đối ngoại khéo léo như vậy Anh đã luôn luôn ngăn chặn tham vọng bành trướng của Pháp, lúc đó là một trong những quốc gia mạnh nhất thế giới. Vì vậy mà giữa Anh và Pháp luôn luôn có một cuộc tranh chấp quyền lợi và ảnh hưởng.

Vào thế kỷ thứ 20, khi Đức trở thành một lực lượng lớn mạnh, Anh đã hai lần liên kết với Pháp để chống lại sức bành trướng của Đức. Nhưng ngay sau khi chiến tranh chấm dứt

Anh lại sợ một nước Pháp chiến thắng trở nên quá hùng mạnh nên lại vội vã ủng hộ Đức. Năm 1919, khi cuộc đệ nhất thế chiến vừa kết thúc, Anh đã cố gắng bênh vực Đức đề Pháp, không thể đòi bồi thường chiến tranh.

Trong cuộc thế chiến thứ hai từ năm 1939 tới năm 1945, Anh đã bị Đức tấn công liên tiếp. Không quân Đức đã phá hủy lãnh thổ Anh không thương tiếc nhưng khi chiến tranh tới giai đoạn chót thì Anh đã trở lại chính sách riêng rẽ như trước. Thật vậy vào tháng 6-1944 khi Pháp vừa được quân đội đồng minh giải phóng Churchill đã tuyên bố rằng "nếu phải chọn giữa Âu châu và biển cả" thì ông không ngần ngại chọn biển cả.

Năm 1945 khi hòa bình được vãn hồi ở Âu châu, các quốc gia của lục địa này đã bắt đầu ý thức được nhược điểm chính của họ. Chỉ vì quá chia rẽ, quá hiếu chiến, mà các quốc gia Âu châu như Anh, Pháp, Đức đã từ địa vị của những đại cường quốc thống trị thế giới tụt xuống hàng các quốc gia bậc trung. Vì vậy mà nhiều người Âu châu đã cố gắng phát huy tư tưởng thống nhất Âu châu.

Ngay chính Churchill, từ năm 1946 đã chủ trương thành lập một hệ thống liên bang Âu châu vì ông cho rằng Âu châu chỉ được phục hưng nếu người ta hòa giải được hai nước Pháp-Đức. Tháng 1-1947 Churchill thành lập một "Ủy ban lâm thời thống nhất Âu-châu". Ủy ban này sau đó trở thành "phong

trào Âu châu" với sự ủng hộ nồng nhiệt của người Anh, Churchill, người Bỉ, Spaak, người Pháp, Léon Blum, và người Ý, De Gasperi. Sở dĩ Anh muốn phát động phong trào thống nhất này cũng chỉ vì Anh quốc muốn tái lập thế quân bình Âu châu giữa một Nga-sô hùng mạnh và một khối qui tụ các quốc gia Âu châu có thể đương đầu lại với Nga.

Nhưng khi người ta đề nghị là mỗi quốc gia đều trao một phần chủ quyền của mình cho một tổ chức liên hiệp Âu châu thì chính Anh lại không chịu vì sợ một tổ chức như vậy sẽ dùng đa số để chống lại Anh. Anh chỉ muốn thiết lập một tổ chức mềm dẻo trong đó mỗi quốc gia giữ toàn vẹn chủ quyền của mình. Tổ chức này chỉ có mục đích là phối hợp chính sách của các nước hội viên mà thôi.

Vì thái độ của Anh như vậy nên các tổ chức thống nhất Âu châu như Tổ chức Hợp tác Kinh tế Âu châu (OECE) hay Hội đồng Âu châu đều chỉ có tính cách tư vấn.

Tại các quốc gia Tây Âu người ta muốn đi xa hơn nữa trên con đường thống nhất. Vì vậy mà ngay từ năm 1950 ông Jean Monnet, người sau này được mệnh danh là cha đẻ của "Âu châu 6 nước" đã đề nghị thiết lập những tổ chức siêu quốc gia (Supra-national). Các tổ chức này được các quốc gia hội viên trao cho một phần chủ quyền nên có quyền bắt các quốc gia hội viên phải tuân theo quyết định của tổ chức

«Cộng đồng Than Thép Âu-châu» được thành lập. Pháp, Đức, Bỉ, Lục-xâm-bảo, Hòa-lan và Ý đồng ý trao cho Cộng-đồng mọi quyền hành để quản trị ngành than và thép ở Tây Âu.

Năm 1957 sự hợp tác giữa 6 nước được mở rộng cho toàn thể nền kinh tế của 6 nước. Hiệp ước La-mã thiết lập một thị trường chung. Hàng hóa từ nước nọ sang nước kia được đi lại tự do không phải trả quan thuế. 6 nước hội viên mua bán trao đổi lẫn với nhau trước khi giao thương với các nước bên ngoài. Các quốc gia hội viên đồng ý trao cho các cơ quan chuyên môn của Thị-trường chung quyền quyết định kinh tế. Như vậy tức là họ đã khước từ một phần chủ quyền quốc gia để tăng cường quyền hành cho các cơ quan chung của tổ chức.

Sau khi Hiệp ước La-mã được ký kết, Sir David Eccles, Tổng-trưởng Thương-mại Anh đã tuyên bố rằng: «Chúng ta đã chiến đấu trong lịch sử chống mọi sự liên kết tại Âu-châu. Ngày nay 6 nước Tây-Âu thành lập một tổ chức tuy hoàn toàn ôn hòa nhưng cũng đe dọa tương lai Anh-Quốc không kém những liên minh

trong quá khứ». Và Anh-Quốc đã tìm đủ mọi biện pháp để đối phó với sự thành lập Thị trường chung từ năm 1957 tới nay.

**Từ chống đối
tới gia nhập.**

Cuối năm 1959, khi Hiệp-ước La-mã sửa soạn được áp dụng, Anh đã cố gắng tìm cách phá vỡ tổ chức này. Một phái đoàn kinh tế tài chánh Anh được gửi sang Paris để thương thuyết về vấn đề Anh gia nhập Thị-trường chung. Anh đã đưa ra một số điều kiện: Anh không muốn khỏi Thị trường chung là một liên-hiệp quan-thuế. Vì nếu là liên-hiệp quan-thuế thì hàng Âu-châu sẽ tràn sang Anh và đồng thời Anh phải đánh thuế các hàng nhập-cảng từ các quốc-gia Liên-Hiệp Anh tới. Anh cũng không muốn có cùng một thái-độ đối với các quốc-gia ở bên ngoài tổ-chức. Và Anh có thể biệt đãi hàng của Hoa-kỳ và Liên Hiệp Anh hơn là các nước Âu-châu. Anh cũng không muốn phối hợp chính-sách canh-nông giữa các nước hội-viên vì như vậy nền canh-nông của Anh sẽ bị canh-nông của Hòa-lan và Pháp đè bẹp.

Đón đọc

HÙNG KHÍ TÂY SƠN

một biên khảo độc đáo của LAM GIANG

Do Cơ sở xuất bản tạp chí Tây Sơn phát hành

Thương-thuyết bế-tắc vì những điều-kiện của Anh không được 6 nước Pháp, Đức, Ý, Lục-xâm-bảo, Bỉ và Hòa-lan chấp-nhận. Anh tìm cách lập một tổ-chức cạnh-tranh với Thị-trường chung. Tổ-chức này là Liên-hiệp Tự-do Mậu-dịch Âu-châu gồm có Anh, Áo, Đan-mạch, Na-uy, Thụy-điễn, Bồ-đào-nha và Thụy-sĩ. Như vậy vùng Tây-Âu bị chia làm hai khối cạnh-tranh với nhau, một Âu-châu 6 nước" và một "Âu-châu 7 nước".

Nhưng nhờ tổ chức Thị-trường chung, với một công-thức hợp-tác chặt-chẽ, 6 quốc-gia Tây-Âu càng-ngày càng thịnh-vượng trong khi Anh phải vật lộn với mọi khó khăn kinh-tế. Vì vậy mà Anh chỉ còn cách là xin gia-nhập Thị-trường chung. Gia-nhập Thị-trường chung là cả một sự hy-sinh của Anh, vì nếu là hội-viên Anh sẽ phải chịu sự cạnh-tranh của sản-phẩm kỹ-nghệ Âu-châu trong khi máy móc của Anh quá cồ xưa không thể sản xuất hữu hiệu bằng 6 nước kia. Ngoài ra Anh còn phải mua nông-phẩm của Âu châu thay vì là mua của các nước thuộc Liên-Hiệp Anh. Như vậy vai trò lãnh-đạo Liên-Hiệp-Anh của chính phủ Luân-đôn sẽ không còn lý-do gì tồn tại được nữa.

Ngày 31-7-1961 Thủ-tướng Anh Mac Millan tuyên bố trước Quốc hội là chính phủ của ông có ý định xin gia nhập "Âu châu 6 nước" và ông Edward Heath được cử sang Paris đề thương thuyết. Lần này phái đoàn Anh tỏ ra hết sức mềm mỏng. Công

cuộc thương thuyết đang tiến hành thì Tổng thống Mỹ John Kennedy đề nghị với Anh thành lập một lực lượng võ trang chung để kiểm soát Liên minh Bắc Đại Tây Dương một cách kỹ càng hơn. Vì Pháp không được mời tham dự lực lượng này nên Tướng De Gaulle trả thù bằng cách chống đối sự gia nhập của Anh vì Anh "quá cầu kết với Hoa-kỳ nên không thể được coi là một nước Âu-châu".

Năm 1967 trước tình hình kinh tế một ngày một khó khăn, Thủ tướng Anh Wilson, tuy không muốn nhưng bắt buộc phải xin gia nhập lần nữa. Và lần này đơn của Anh lại bị Tướng De Gaulle bác bỏ. Bang giao Anh-Pháp bước vào một giai đoạn hết sức căng thẳng.

Tháng 2-1969, Tướng De Gaulle mời Đại sứ Anh Soames tới hội kiến để tìm cách giải quyết mọi tranh chấp giữa hai nước. Nhưng Thủ tướng Anh Wilson đã trả thù bằng cách thông báo cho Chính phủ 5 nước Ý, Đức, Hòa-lan, Lục-xâm-bảo và Bỉ rằng De Gaulle muốn cùng với Anh thống trị Thị trường chung. Tướng De Gaulle nổi giận đã khước từ mọi đàm thoại với Anh. Và người ta thấy Anh không còn hy vọng gia nhập Thị trường chung được nữa.

Nhưng giữa năm 1969, Tướng De Gaulle, không được dân chúng ủng hộ, đã bỏ chính quyền và chết vào cuối năm 1970. Trong khi đó tại Anh, ông Edward Heath, người đã từng sang Paris thương thuyết năm 1961,

lên cầm quyền thay thế ông Wilson. Các khó khăn cùng một lúc đã được giải tỏa và Anh nhất quyết gõ cửa Thị trường chung lần nữa.

Đầu tháng 11, Quốc hội Anh, bằng 356 phiếu thuận và 244 phiếu chống đã cho phép ông Heath gia nhập Thị trường chung. Với sự gia nhập này Anh đã từ bỏ hẳn nguyên tắc «quân binh Âu châu» và như vậy đã dứt khoát với «một nghìn năm lịch sử» theo lời ông, Gaitskell lãnh tụ Đảng Lao-động.

Nếu gia nhập Thị trường chung có lợi cho Anh, thì sự gia nhập của Anh cũng có lợi không kém cho khối Thị trường chung. Vì sau Anh, 6 quốc gia của tổ chức Tự do mậu dịch cũng

sửa soạn cộng tác với «Âu châu 6 nước». Khối này sẽ bao gồm cả vùng Âu-châu không cộng sản và sẽ là một lực lượng quốc tế lớn mạnh trong tương lai.

oOo

Anh-Quốc không còn là một hòn đảo sống bên lề Âu-châu mà đã trở thành một thành phần quan trọng trong phong trào thống nhất lục địa này. Việc Anh-Quốc từ bỏ một truyền thống lịch sử, nơi lỏng giây liên lạc với Mỹ và với các quốc gia Liên-Hiệp-Anh là một sự kiện quan trọng của đời sống chính trị quốc tế. Việc Anh-Quốc gia nhập Thị trường chung đã, một lần nữa, nhấn mạnh tính cách hỗ thuộc giữa các quốc gia vào hậu bán thế kỷ thứ 20. Hiện thời không còn quốc gia nào còn có thể sống riêng biệt mà chỉ có thể bảo vệ ca tính củ mình trong hợp tác quốc tế.

TỪ TRÌ

ASPRO



trị:

CÁM CÚM ĐAU NHỨC

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

PUB. S. AN-TRI

KN 226.BYT



M.L.C. CHOLON

HIỆU THUỐC THƠM
VIRGINIA NỔI TIẾNG
NHỜ...
ĐÀU LỘC

THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — Sài-gòn

Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai.

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện SAIGON

Số : 2.701 THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN